



Everpia JSC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

biến Phát triển
bền vững

thành Chiến lược
kinh doanh

MỤC LỤC

	Trang
CHƯƠNG 01	TỔNG QUAN
I.	Giới thiệu Công ty 2
II.	Triết lý hoạt động 2
III.	Thông tin tài chính cơ bản 3
IV.	Quá trình hình thành và phát triển 4
V.	Giải thưởng tiêu biểu 4
VI.	Quá trình tăng vốn điều lệ 6
VII.	Sơ đồ tổ chức 7
VIII.	Cơ cấu lao động 8
IX.	Ngành nghề sản xuất kinh doanh 9
X.	Hệ thống phân phối 10
XI.	Quy mô hoạt động 11
XII.	Cơ cấu cổ đông 14
CHƯƠNG 02	CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
I.	Đánh giá việc thực hiện mục tiêu chiến lược 2018-2019 18
II.	Kế hoạch hành động 2020 19
III.	Chiến lược phát triển 2021 - 2025 21
IV.	Quản trị rủi ro 23
CHƯƠNG 03	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
I.	Báo cáo đánh giá của Ban Điều hành 28
II.	Báo cáo của Hội đồng quản trị 36
CHƯƠNG 04	QUẢN TRỊ CÔNG TY
I.	Giới thiệu các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát 40
II.	Báo cáo quản trị Công ty 42
III.	Báo cáo của Ban Kiểm soát 48
CHƯƠNG 05	BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
	Lời mở đầu 52
	Mục tiêu hành động về Phát triển bền vững đến năm 2023 54
I.	Phương pháp quản trị tổng thể 55
II.	Chia sẻ các giá trị kinh tế 57
III.	Đảm bảo môi trường bền vững 59
IV.	Trách nhiệm xã hội 64
V.	Bảng mục lục GRI 70
CHƯƠNG 06	BÁO CÁO TÀI CHÍNH 75



Everpia JSC.

PHÒNG KẾ HOẠCH
Chi nhánh CTCP Everpia

- A** Tân Quang, Văn Lâm, Hưng Yên
- T** (84-221) 3791 777 (Máy lẻ: 348)
- F** (84-221) 3791 999
- W** www.everpia.vn
- E** info@everon.com

Mọi câu hỏi liên quan đến Công ty cổ phần Everpia,
Quý cổ đông và các nhà đầu tư có thể liên hệ theo địa chỉ sau:



Kính thưa Quý Cổ đông,

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi rất vinh dự được gửi tới Quý Cổ đông bản Báo cáo thường niên của Công ty Cổ phần Everpia cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2109.

Trước thềm thập kỷ mới, Tôi xin đặc biệt gửi lời cảm ơn tới toàn thể cán bộ nhân viên vì những cống hiến không ngừng nghỉ của họ trong suốt thời gian qua. Trong hai năm vừa rồi, hoạt động cải tổ đã diễn ra mạnh mẽ, sâu rộng trên phạm vi toàn công ty, với nhiều sáng kiến đột phá. Những nỗ lực đó không chỉ giúp nhà máy sạch hơn, an toàn hơn mà còn thúc đẩy năng suất và hiệu quả sản xuất. Cụ thể, chúng tôi đã tiết kiệm được 1330m² diện tích nhà xưởng, và tăng đáng kể hiệu quả sử dụng kho. Nhiều quy trình sản xuất thủ công nay đã được tự động hóa. Và quan trọng hơn hết là các cán bộ nhân viên đã nhận thức rõ hơn về lợi ích và tầm quan trọng của hoạt động cải tổ tới hiệu quả lao động.

Sau 02 năm cải tổ từ bên trong nhằm củng cố nội lực, bắt đầu từ năm 2020, chúng tôi sẽ tiếp tục mở rộng phạm vi cải tổ ra bên ngoài doanh nghiệp, hướng tới mục tiêu phát triển dài hạn, bền vững. Quá trình này bắt đầu bằng việc thấu hiểu sâu sắc mối quan tâm của các bên liên quan, bao gồm Nhà đầu tư, cộng đồng địa phương, nhà cung cấp, và người lao động. Everpia chỉ có thể hoàn thành được tầm nhìn và sứ mệnh của mình khi có sự chung tay, đồng hành của các bên liên quan.

Đảm bảo giá trị cho cổ đông

Cổ đông chính là những người bạn đồng hành đầu tiên trong hành trình kiến tạo giá trị của doanh nghiệp. Chúng tôi có nghĩa vụ và trách nhiệm tối đa hóa giá trị cho cổ đông bằng cách tối ưu hóa kết quả kinh doanh thông qua việc mở rộng thị phần và đáp ứng các nhu cầu của khách hàng. Chúng tôi rất trân trọng và cảm ơn sự tin nhiệm của Quý vị trong suốt những năm qua, và sẽ tiếp tục tăng cường thực hiện các chính sách nhằm gia tăng giá trị cho cổ đông trong tương lai. Cổ tức bằng tiền ở mức tối thiểu tương đương 50% lợi nhuận thuần mỗi năm, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về công bố thông tin, tăng cường các hoạt động quan hệ Nhà đầu tư, cân nhắc phương án mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ trong bối cảnh giá thị trường của EVE đang thấp hơn nhiều so với giá trị thực là các hoạt động chúng tôi sẽ triển khai trong thời gian tới.

Cam kết đem lại giá trị lớn hơn cho các bên liên quan

Có lẽ mối bận tâm lớn nhất của các nhà đầu tư là liệu giá trị doanh nghiệp có được duy trì bền vững trong dài hạn hay không. Với mục tiêu đó, lắng nghe và đáp ứng các nhu cầu từ các bên liên quan được Hội đồng quản trị đặc biệt chú trọng. Nhận thấy khách hàng đánh giá doanh nghiệp trên khía cạnh cam kết về chất lượng sản phẩm, dịch vụ hậu mãi,

cũng như các mô tả và hướng dẫn rõ ràng, trung thực về sản phẩm, chúng tôi đã thực hiện truyền thông về hệ thống kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt tại nhà máy, và niêm yết rõ ràng các thông tin về sản phẩm theo đúng quy định. Ngoài ra, do Việt Nam đang là điểm đến ưa chuộng cho các doanh nghiệp nước ngoài, cạnh tranh đang trở nên ngày càng gay gắt, và khẩu vị của người tiêu dùng càng thêm tinh tế. Trong bối cảnh đó, Everpia đã và đang tiếp tục phát triển các sản phẩm theo tiêu chuẩn và tầm cỡ quốc tế. Chúng tôi cũng hiểu rằng, thành công của doanh nghiệp phụ thuộc vào khả năng thu hút, phát triển và giữ chân người lao động thông qua văn hóa tổ chức. Everpia luôn nỗ lực để kiến tạo một môi trường làm việc tốt, không chỉ an toàn, khỏe mạnh mà còn khuyến khích sự phát triển cá nhân.

Là một chủ thể kinh doanh trong xã hội, chúng tôi nhận thức được vai trò, trách nhiệm của mình trong việc thúc đẩy sự phát triển, thịnh vượng của cộng đồng địa phương và xã hội Việt Nam nói chung, thông qua giải quyết việc làm cho lao động địa phương; đóng góp, hỗ trợ cho cộng đồng; cũng như các hoạt động xã hội khác. Bên cạnh đó, chúng tôi luôn nỗ lực giảm thiểu tác động tới môi trường sống trên địa bàn bằng cách nghiêm túc tuân thủ các quy định tại địa phương và thông lệ trên thế giới. Everpia đảm bảo rằng các nhà máy của mình không gây ra các tác động môi trường tiêu cực không đáng có.

Biến "Phát triển bền vững" thành "Chiến lược kinh doanh"

Các cam kết hành động của Everpia với các bên liên quan không chỉ là tư duy nhân văn mà còn là định hướng chiến lược. Thực tế đã chứng minh việc duy trì sự cân bằng giữa các giá trị kinh tế, môi trường và xã hội luôn đem lại lợi nhuận cao hơn, bền vững hơn về dài hạn, cùng nhiều cơ hội kinh doanh giá trị. Ấn phẩm toàn diện đầu tiên của Báo cáo phát triển bền vững trong năm 2020 đã đưa ra các mục tiêu và kế hoạch hành động cụ thể của Everpia với mỗi bên liên quan, nhằm tạo sự đồng thuận cao nhất giữa các bên, phát huy sức mạnh tổng thể và tối ưu hóa giá trị trên cả 03 khía cạnh.

Một chặng đường phát triển mới đang ở phía trước. Chúng tôi mong rằng các cổ đông, đối tác sẽ tiếp tục tin tưởng, đồng hành theo các bước đi, và hơn hết là đồng hành cùng chúng tôi trên hành trình hướng tới sự phát triển bền vững.

Tháng 4 năm 2020

Lee Jae Eun

Chủ tịch Hội đồng quản trị



CHƯƠNG

01

TỔNG QUAN

I. Giới thiệu Công ty	2
II. Triết lý hoạt động	2
III. Thông tin tài chính cơ bản	3
IV. Quá trình hình thành và phát triển	4
V. Giải thưởng tiêu biểu	4
VI. Quá trình tăng vốn điều lệ	6
VII. Sơ đồ tổ chức	7
VIII. Cơ cấu lao động	8
IX. Ngành nghề sản xuất kinh doanh	9
X. Hệ thống phân phối	10
XI. Quy mô hoạt động	11
XII. Cơ cấu cổ đông	14



I GIỚI THIỆU CÔNG TY

- Tên công ty : Công ty Cổ phần Everpia
- Tên viết tắt : Everpia JSC
- Chủ tịch HĐQT : Lee Jae Eun
- Vốn điều lệ : 419.797.730.000 đồng
- Trụ sở chính : Cụm dân cư Nội Thương, Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội, Việt Nam
- Mã chứng khoán : EVE
- Giấy chứng nhận ĐKDN số : 0101402121
- Điện thoại : (+84-24) 3827 6490
- Fax : (+84-24) 3678 2030
- Website : www.everpia.vn
- Email : info@everon.com

II TRIẾT LÝ HOẠT ĐỘNG

Tầm nhìn

- Trở thành công ty toàn cầu mang đến giá trị gia tăng cho cổ đông, người lao động và xã hội

Sứ mệnh

- Tối ưu hóa nhu cầu khách hàng
- Kiến tạo giá trị
- Phát triển thị trường

Chính sách quản lý

- Minh bạch
- Sáng tạo
- Giữ gìn giá trị cốt lõi

III NHỮNG CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Doanh thu

	2017	2018	2019
Doanh thu thuần	999,4	1.180,7	1.004,2

(Đơn vị: Tỷ đồng)

Lợi nhuận

	2017	2018	2019
Lợi nhuận gộp	329,9	381,1	343,7
Lợi nhuận trước thuế	63,3	95,7	93,9
Lợi nhuận sau thuế	50,9	76,2	71,9

(Đơn vị: Tỷ đồng)

Chỉ số tài chính

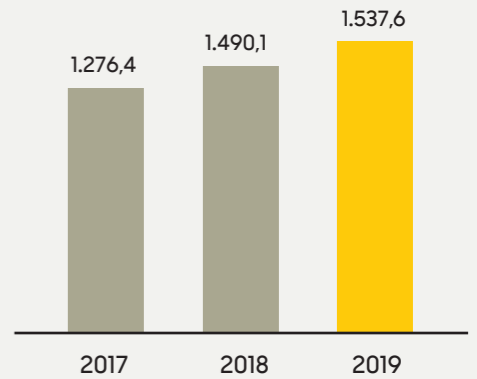
	2017	2018	2019
Lợi nhuận thuần trên Tổng tài sản	4%	5,1%	4,7%
Lợi nhuận thuần trên Vốn chủ sở hữu	5,6%	8,4%	7,7%
Lợi nhuận thuần trên doanh thu	5,1%	6,5%	7,2%
Lợi nhuận trước lãi vay và thuế	71,2	112,2	107,7
Nợ/Vốn CSH	39,3%	63,9%	63,8%

(Đơn vị: Tỷ đồng)

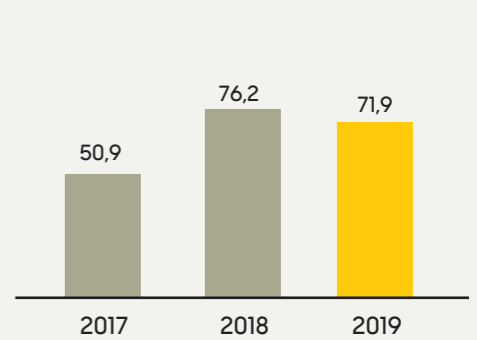
Các thông tin khác

	2017	2018	2019
Số lượng chi nhánh	5	6	7
Số lượng công ty con	1	1	1
Số lượng showroom	12	15	20
Số lượng đại lý	375	384	406
Số lượng nhân viên	1.295	1.599	1.466

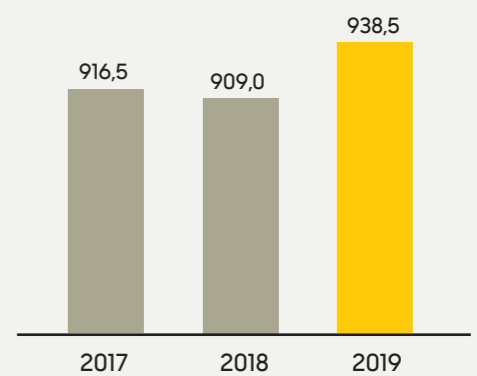
Tổng tài sản



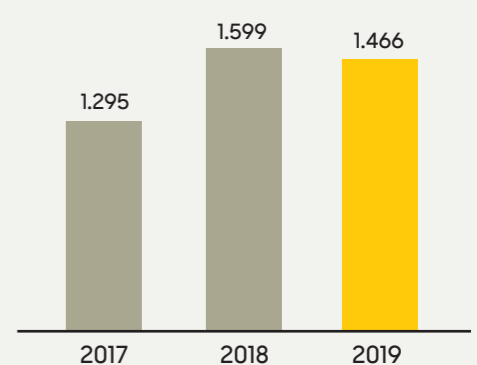
Lợi nhuận sau thuế



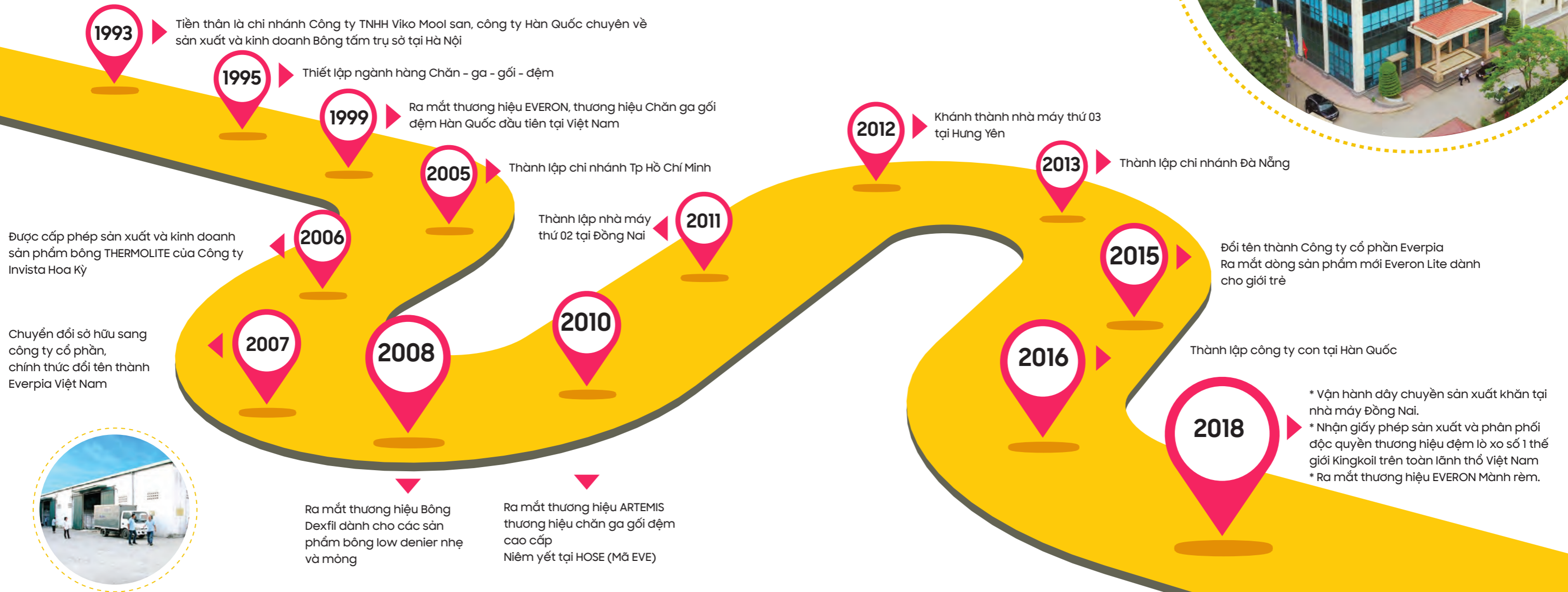
Vốn chủ sở hữu



Số lượng lao động



IV QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



V GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

2008
Cúp vàng Hội nhập kinh tế quốc tế

2010
Thương hiệu nổi tiếng quốc gia

2012
* Top 50 doanh nghiệp niêm yết kinh doanh hiệu quả nhất tại Việt Nam
* Logo & Slogan ấn tượng năm 2012
* Thương hiệu vàng năm 2012

2013
* Top 100 sản phẩm và dịch vụ dành cho gia đình
* Top 500 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam
* Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất năm 2012

2016
* Top 100 Doanh nghiệp bền vững
* Giải thưởng Trách nhiệm Xã hội 2016 dành cho các doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam

2017
Top 100 Doanh nghiệp bền vững

2018
Top 100 Doanh nghiệp bền vững

2019
* Top 5 Doanh nghiệp Quản trị Công ty tốt nhất
* Top 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững

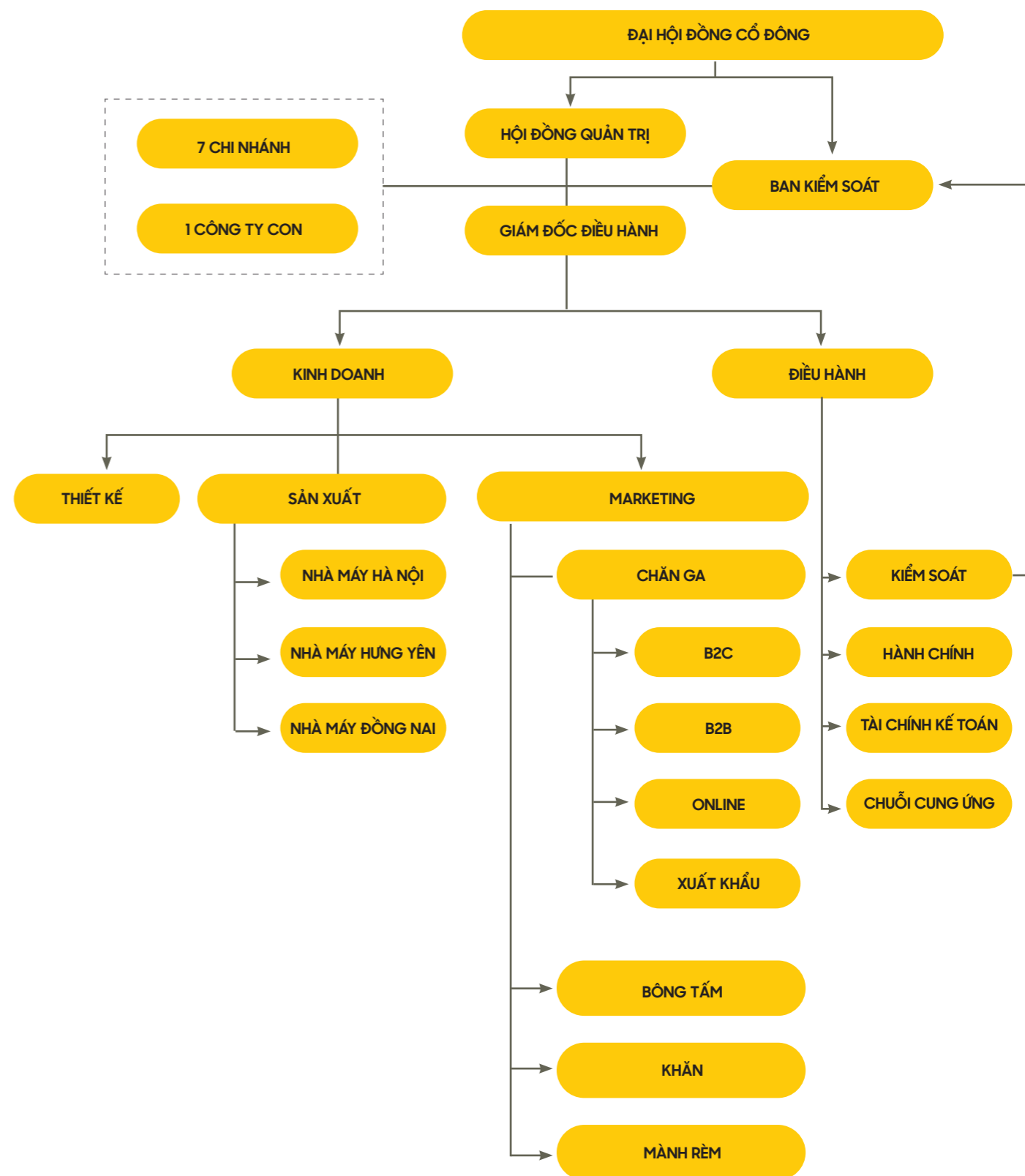
VI QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Quá trình tăng vốn điều lệ từ sau cổ phần hóa được diễn ra trong các năm như sau:

Thời gian phát hành	Đối tượng phát hành	Số cổ phiếu phát hành (Cổ phiếu)	Vốn điều lệ sau phát hành (VNĐ)
06/2007	Quỹ đầu tư mạo hiểm Mirae Asset	480.000	52.800.000.000
10/2007	Quỹ đầu tư Dream No.7	200.000	54.800.000.000
08/2008	Cổ phiếu thưởng tỷ lệ 2:1	2.740.000	82.200.000.000
06/2009	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược - CTCP CK Bảo Việt - CTCP Chứng khoán NHNN&PTNT Việt Nam - Ông Trần Ngọc Bê	2.500.000	107.200.000.000
06/2010	Cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 15%)	1.607.996	123.279.960.000
07/2010	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược - Red River Holdings - Quỹ thành viên Việt Nhật - CTCP Quản lý quỹ FPT - CT TNHH Đầu tư FC	3.000.000	153.279.960.000
07/2011	Cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 50%)	7.663.990	229.919.860.000
11/2011	Phát hành cổ phiếu ưu đãi cho CBCNV chủ chốt	410.000	234.019.860.000
07/2012	Cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 20%)	4.584.532	279.865.180.000
07/2016	Cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 50%)	13.993.255	419.797.730.000

Trong năm 2019, Công ty không thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu hay bất kỳ đợt phát hành nào để tăng vốn điều lệ.

VII SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



VIII CƠ CẤU LAO ĐỘNG

1,466

Tổng số lao động tại công ty

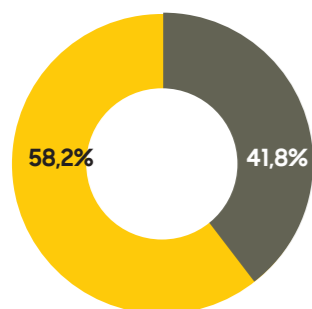
58,2%

Lao động nữ



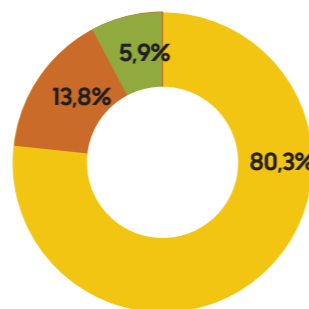
Tính đến cuối năm 2019, tổng số lao động tại công ty là 1,466 người

Phân loại lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Theo trình độ học vấn		
Đại học và trên đại học	202	13,8%
Cao đẳng, Nghề và Trung cấp	86	5,9%
Lao động phổ thông	1.178	80,3%
Theo độ tuổi lao động		
Dưới 30t	429	29,3%
Từ 30t-50t	917	62,5%
Trên 50t	120	8,2%
Theo giới tính		
Nam	613	41,8%
Nữ	853	58,2%



Cơ cấu lao động theo giới tính

● Nữ
● Nam



Cơ cấu lao động theo trình độ học vấn

● Đại học & sau đại học
● Trung cấp, Cao đẳng, nghề
● Lao động phổ thông

IX NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH

NGÀNH HÀNG CHĂN GA - GỐI - ĐỆM



Sản phẩm vỏ chăn, vỏ gối, ga trải giường



Sản phẩm ruột chăn, ruột gối



Sản phẩm đệm

Hơn **3.700.000** sản phẩm Chăn ga gối đệm bán ra
Gần **614 tỷ đồng** doanh thu thuộc các thương hiệu



NGÀNH HÀNG BÔNG TẮM



Sản phẩm bông



Sản phẩm chần bông

Gần **25 triệu** yard bông
Hơn **12,3 triệu USD** doanh thu thuộc các thương hiệu



NGÀNH HÀNG KHĂN VÀ KHĂN LAU



Sản phẩm khăn mặt, khăn tắm từ nguyên liệu microfiber



Sản phẩm khăn lau khác làm từ nguyên liệu microfiber như tấm lau màn hình, khăn lau kính, khăn lau vệ sinh công nghiệp

Gần **6,5 triệu** sản phẩm khăn
Gần **80 tỷ đồng** doanh thu thuộc thương hiệu



MÀN RÈM, ĐỒ NỘI THẤT VÀ CÁC SẢN PHẨM KHÁC



Sản phẩm màn rèm



Các đồ nội thất trang trí



Các sản phẩm gia đình khác từ vải: gối tựa, khăn, đồ dùng nhà bếp

Hơn **40.000** các sản phẩm màn rèm, nội thất và các sản phẩm khác
Hơn **26 tỷ đồng** doanh thu



X

HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

Hệ thống phân phối là một trong những thế mạnh cốt lõi của Everpia. Công ty đã xây dựng và mở rộng kênh phân phối tại cả thị trường trong nước và toàn cầu.

THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

73,6%*



426 CỬA HÀNG PHÂN PHỐI TRÊN TOÀN QUỐC

Hệ thống phân phối trải dài rộng khắp các tỉnh thành trong cả nước cho phép Everpia tiếp cận người tiêu dùng một cách trực tiếp, thuận tiện và nhanh chóng.

10,8%*



KÊNH HIỆN ĐẠI

Thông qua hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại tại các thành phố lớn, đồng thời mở rộng số lượng showroom mặt bằng lớn, thiết kế bắt mắt. Everpia tiếp tục phát triển mạng lưới này làm cầu nối đưa sản phẩm tốt nhất phục vụ nhu cầu đa dạng của thị trường.

Ngoài ra, khách hàng doanh nghiệp cũng là phương tiện hữu hiệu đưa các thương hiệu và sản phẩm của Everpia phát triển sâu rộng hơn trên thị trường.

0,4%*



KÊNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Với sự phát triển mạnh mẽ của CNTT và nhu cầu mua sắm trực tuyến, mọi nhu cầu của khách hàng đều được kênh online của Everpia đáp ứng một cách tiện lợi nhất. Hơn thế nữa, khách hàng hoàn toàn nhận được những sản phẩm chất lượng tốt nhất với nhiều chính sách ưu đãi.

15,2%*



HỆ THỐNG KHÁCH SẠN VÀ ĐƠN HÀNG DOANH NGHIỆP

Doanh số bán hàng của B2B khá khiêm tốn so với phần khúc thị trường cho các khách hàng doanh nghiệp và khách sạn, phần khúc này được đánh giá là rất có tiềm năng và Công ty định hướng B2B sẽ là mảng kinh doanh đóng góp tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu Chăn ga trong thời gian tới

THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU



BÔNG TẮM

73,6% doanh thu đến từ các đơn hàng xuất khẩu, chủ yếu là Hàn Quốc.



CHĂN - GA - GỐI - ĐỆM

Hàn Quốc, UAE, Dubai là những thị trường chủ lực xuất khẩu sản phẩm Chăn - ga - gối - đệm. Với mục tiêu trở thành công ty toàn cầu, công ty không ngừng nghiên cứu những sản phẩm có chất lượng vượt trội và xuất khẩu nhãn hiệu tới các thị trường có yêu cầu cao như Mỹ, Châu Âu.



KHĂN

Thị trường xuất khẩu trọng điểm của Công ty là các nước châu Âu, Mỹ và Hàn Quốc.

*Chú thích: Tỷ lệ doanh thu trong ngành hàng Chăn ga gối đệm

XI

QUY MÔ HOẠT ĐỘNG

EVERPIA HIỆN CÓ:

01



01 TRỤ SỞ CHÍNH

Cụm dân cư Nội Thương, Dương xá, Gia Lâm, Hà Nội

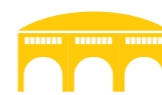
01



01 CÔNG TY CON

tại nước ngoài

03



03 NHÀ MÁY SẢN XUẤT

Hà Nội, Hưng Yên và Đồng Nai

05



05 CHI NHÁNH GIAO DỊCH

Đà Nẵng, Tp. Hồ Chí Minh, Hòa Bình, Bình Dương, Khánh Hòa

Với hệ thống làm việc chuyên nghiệp và đội ngũ giàu kinh nghiệm, Everpia cam kết luôn là cầu nối kiến tạo và lan tỏa những giá trị tốt đẹp hơn.



CHI NHÁNH GIAO DỊCH

<p>TP. HỒ CHÍ MINH</p> <p>Địa chỉ: Số 27-31 đường 9A, khu dân cư Trung Sơn, phường Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh Tel: (84-28) 5431 6639 Fax: (84-28) 5431 6634</p>	<p>ĐÀ NẴNG</p> <p>Địa chỉ: Số 439 đường Hoàng Diệu, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng. Tel: (84-236) 831 5576 Fax: (84-236) 381 5579</p>	<p>HÒA BÌNH</p> <p>Địa chỉ: Xã Lâm Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình</p>
<p>KHÁNH HÒA</p> <p>Địa chỉ: Lô số 1, ô CL5, khu tái định cư Hòn Rổ II, xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa</p>	<p>BÌNH DƯƠNG</p> <p>Địa chỉ: Số 26-27, tầng 2, TTTM Big C Bình Dương, Phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương</p>	

CÔNG TY CON

Công ty Cổ phần Everpia Korea

Tỷ lệ sở hữu: 100%

Ngành nghề: (i) Kinh doanh, thực hiện quyền xuất nhập khẩu, tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm vải không dệt, vải lọc, ni, chần, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi sách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác theo quy định của pháp luật Đức; (ii) Thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu các sản phẩm: Bộ đồ ăn, đồ nhà bếp, đồ vệ sinh, đồ dùng văn phòng, đồ trang trí nội thất, đồ dùng gia đình và/hoặc đồ dùng cho các mục đích tương tự; Đồ nội thất bằng gỗ và các chất liệu khác;

Vốn điều lệ: 34.000.000.000 VNĐ

Địa chỉ: 18 104 Gil, Samsung-ro, Kangnam-gu, Seoul, Hàn Quốc

CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần Texpia

Tỷ lệ sở hữu: 44%

Ngành nghề: Sản xuất và gia công các loại khăn và vải dùng may khăn.

Vốn điều lệ: 26.339.590.000 VNĐ

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

DANH SÁCH NHÀ MÁY:

Với 3 Nhà máy hoạt động sản xuất, năng suất của công ty không ngừng tăng cao qua các năm, đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Năm 2019, Hoạt động Cải tổ nhà máy được tổ chức và hoạt động hiệu quả. Công suất nhà máy được nâng lên đồng thời hoạt động sản xuất diễn ra tinh gọn, hiện đại hơn. Cùng đó, Everpia cũng đầu tư hơn bằng cách mở rộng số lượng máy móc đặc biệt là những máy sản xuất tự động (máy làm đệm lò xo tự động, máy làm gối tự động, máy định hình rèm công nghệ mới...) với công nghệ cao, tiết kiệm, tăng năng suất và đảm bảo chất lượng sản phẩm.



DANH MỤC NHÀ MÁY

NHÀ MÁY HÀ NỘI

- Cụm dân cư Nội Thương, Dương Xá - Gia Lâm - Hà Nội
- Diện tích: 15.000m²
- Tel: (84-24) 3827 6490
- Fax: (84-24) 3827 6492
- Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh Bông tấm, Chần bông
- Công suất hoạt động: 15 triệu yards / năm

NHÀ MÁY HƯNG YÊN

- Khu công nghiệp Tân Quang - Tân Quang - Văn Lâm - Hưng Yên
- Diện tích: 17.670m²
- Tel: (84-221) 3791 777
- Fax: (84-221) 3791 999
- Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh Chần - ga - gối - đệm
- Công suất hoạt động: 3 triệu sản phẩm Chần - ga - gối - đệm

NHÀ MÁY ĐỒNG NAI

- Lô 4, KCN Biên Hòa 1, Biên Hòa, Đồng Nai
- Diện tích: 37.726m²
- Tel: (84-251) 8869 152
- Fax: (84-251) 8869 151
- Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh Bông tấm, Chần - ga - gối - đệm, các sản phẩm Khăn
- Công suất sản xuất: 15 triệu yard Bông tấm, 1 triệu sản phẩm Chần - ga - gối - đệm & 6 triệu sản phẩm Khăn.

HỆ THỐNG MÁY MÓC

03	dây chuyền sản xuất bông tấm
01	dây chuyền sản xuất bông hạt
01	dây chuyền sản xuất bông microfiber
01	dây chuyền ép méch
25	máy chần
06	máy đánh suốt
19	máy may 1 kim
05	máy dò kim loại
284	máy may
24	máy vắt sổ
12	máy cắt
23	máy bọc viền
12	máy thêu (1 máy thêu chạy mẫu)
02	máy trải vải
03	máy can vải
01	máy kiểm vải
30	máy chần
02	máy đánh suốt
04	máy trộn, cấp xơ
03	máy cán, trải bông
05	máy thổi ruột chần/gối
01	máy làm ruột gối tự động
02	máy dò kim loại tự động
02	dây chuyền sản xuất đệm lò xo bằng máy tự động
01	máy đóng gói đệm lò xo tự động
01	dây chuyền sản xuất đệm bông ép
01	máy định hình rèm cao cấp
242	máy may
87	máy vắt sổ
12	máy cắt
07	máy thêu
02	máy thổi ruột chần/gối
04	máy kiểm vải
37	máy chần
15	máy đánh suốt
01	dây chuyền sản xuất đệm lò xo
01	dây chuyền sản xuất đệm bông ép
02	máy trộn, cấp xơ
02	máy cán, trải bông
02	dây chuyền sản xuất bông tấm
01	dây chuyền sản xuất bông hạt
01	dây chuyền sản xuất bông microfiber
06	máy dò kim loại
04	máy cuốn sợi
03	máy đập nổi
32	máy dệt
05	máy in vải
05	máy sấy

XII CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ phần

41.979.773

Tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Everpia

38.047.973

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

3.931.800

Số lượng cổ phiếu quỹ

Tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Everpia là **41.979.773** cổ phần, trong đó số lượng cổ phiếu đang lưu hành là **38.047.973** cổ phiếu, số lượng cổ phiếu quỹ là **3.931.800** cổ phiếu. Tất cả các cổ phần này đều là cổ phần phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Năm 2019, công ty không thực hiện bất kỳ giao dịch cổ phiếu quỹ nào.

Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách cổ đông chốt ngày 20/3/2020, Công ty cổ phần Everpia có hơn **1.200** nhà đầu tư bao gồm cả nhà đầu tư cá nhân và nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong và ngoài nước.

Cổ đông là Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NĐTCKCN	7.006.800	16,69%	1	0	1
	- Trong nước	0	0%	0	0	0
	- Nước ngoài	7.006.800	16,69%	1	0	1
2	NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên	6.067.690	14,45%	2	2	0
	- Trong nước	0	0%	0	0	0
	- Nước ngoài	6.067.690	14,45%	2	2	0
3	NĐTCKCN là cổ đông sở hữu < 5% vốn CP	3.710.892	8,84%	40	40	0
	- Trong nước	378	0,06%	24	24	0
	- Nước ngoài	3.710.514	8,84%	16	16	0
	TỔNG CỘNG	16.785.382	39,98%	43	43	1

Danh sách cổ đông lớn

Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng
LEE Jae Eun	7.006.800	16,7%	0
NH Investment & Securities Co., Ltd.	3.262.905	7,8%	0
KOREA INVESTMENT & SECURITIES CO., LTD.	2.804.785	6,7%	0
Tổng	13.074.490	31,1%	0

Loại hình sở hữu

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
I. Cổ đông đặc biệt	0	7.564.060	7.564.060	18,02%
1. Hội đồng quản trị	0	7.541.830	7.541.830	17,97%
2. Ban Giám đốc	0	7.541.830	7.541.830	17,97%
3. Ban Kiểm soát	0	18.630	18.630	0,04%
4. Giám đốc Tài chính	0	70.000	70.000	0,17%
5. Kế toán trưởng	0	3.600	3.600	0,01%
6. Người được ủy quyền CBTT	0	70.000	70.000	0,17%
7. Chức danh do HĐQT bổ nhiệm	0	93.030	93.030	0,22%
II. Cổ phiếu quỹ	0	3.931.800	3.931.800	0,0%
III. Công đoàn công ty	0	0	0	0,0%
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	0	0	0	0,0%
V. Cổ đông khác	0	0	0	0,0%
1. Trong nước	0	10.847.109	10.847.109	25,84%
1.1 Cá nhân	0	10.651.521	10.651.521	25,37%
1.2 Tổ chức	0	195.588	195.588	0,47%
Trong đó nhà nước:	0	0	0	0%
2. Nước ngoài	0	19.636.804	19.636.804	46,78%
2.1 Cá nhân	0	9.812.025	9.812.025	23,37%
2.2 Tổ chức	0	9.824.779	9.824.779	23,40%
TỔNG CỘNG	0	41.979.773	41.979.773	100%



CHƯƠNG




02

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

I. Đánh giá việc thực hiện mục tiêu chiến lược 2018-2019	18
II. Kế hoạch hành động 2020	19
III. Chiến lược phát triển 2021 - 2025	21
IV. Quản trị rủi ro	23

I ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC TRONG NĂM 2018-2019

Năm 2020 là năm cuối cùng trong chiến lược 03 năm 2018-2020. Everpia tiến hành đánh giá lại việc thực hiện mục tiêu chiến lược trong 02 năm vừa rồi để làm cơ sở cho việc lên kế hoạch hành động cho năm 2020.

Mục tiêu 2018-2020	Thực hiện 2018 - 2019
 <p>Mở rộng ngành nghề kinh doanh trên nền tảng ngành nghề hiện tại</p>	<ul style="list-style-type: none"> Tháng 4/2018: Everpia ký hợp đồng nhận nhượng quyền để sản xuất và phân phối độc quyền tại Việt Nam thương hiệu đệm lò xo số 1 thế giới Kingkoil. Tháng 6/2018: ra mắt các sản phẩm màn rèm mang thương hiệu Everon tại Hội nghị Khách hàng thường niên Năm 2019: (i) đào tạo kiến thức về sản phẩm mới cho nhân viên bán hàng showroom và toàn bộ hệ thống đại lý, (ii) hoàn thiện lắp đặt máy móc và quy trình sản xuất, (iii) phát triển các dòng sản phẩm nhánh phù hợp với thị trường.
 <p>Xây dựng chuỗi phân phối các sản phẩm đồ dùng cho phòng ngủ và đồ dùng gia đình</p>	<ul style="list-style-type: none"> Hệ thống showroom: <ul style="list-style-type: none"> Năm 2018: mở mới 3 showroom Năm 2019: mở mới 8 showroom Tổng số showroom tính đến cuối năm 2019 là 20 cửa hàng, trải dài trên 08 tỉnh thành phố trên cả nước Hệ thống đại lý: <ul style="list-style-type: none"> Đại lý chăn ga: tăng từ 384 lên 406 đại lý Đại lý ngành hàng mới: 23 đại lý
 <p>Doanh số hoạt động xuất khẩu chiếm 50% so với doanh thu nội địa</p>	<p>Doanh số xuất khẩu của các ngành hàng Chăn ga, Bông tấm và các sản phẩm khăn chiếm 33,4% tổng doanh thu, tương ứng 50% doanh số bán hàng nội địa.</p>



II KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG 2020

Sau khi đánh giá việc thực hiện chiến lược 03 năm trong giai đoạn 2018-2019, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã đưa ra kế hoạch hành động cụ thể cho năm 2020 nhằm đạt được mục tiêu chiến lược 03 năm 2018-2020 như sau:

2.1 Ngành hàng Chăn – ga – gối – đệm

Ngành hàng Chăn ga gối đệm tiếp tục là ngành hàng mũi nhọn chủ chốt của Everpia. Công ty xác định rõ chiến lược hành động cụ thể cho từng kênh phân phối, nhằm củng cố vị thế thương hiệu, mở rộng thị trường và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ.

a. Hoạt động bán lẻ trong nước

Chiến lược ngành hàng năm 2020: (1) Đổi mới hình ảnh thương hiệu; (2) Thúc đẩy kênh bán hàng trực tuyến; (3) Đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển sản phẩm.



Đổi mới hình ảnh thương hiệu:

- Đổi mới diện mạo và đồng nhất hình ảnh thương hiệu của toàn bộ hệ thống phân phối bán lẻ và các kênh truyền thông
- Thiết kế khu vực trải nghiệm sản phẩm và triển khai nghiệp vụ tư vấn về sức khỏe giấc ngủ tại mỗi showroom.
- Hợp tác với các thương hiệu hàng tiêu dùng cao cấp trong hoạt động marketing và trưng bày sản phẩm



Đẩy mạnh kênh quảng cáo, bán hàng online:

- Chuyên nghiệp hóa dịch vụ bán hàng và tăng cường tương tác với khách hàng qua các nền tảng bán hàng online
- Tích hợp các nền tảng digital marketing với hệ thống cửa hàng bán lẻ
- Nâng cấp website bán hàng trực tuyến theo hướng thân thiện với người dùng.



Phát triển sản phẩm mới:

- Đẩy mạnh nghiên cứu xu hướng thị trường và hành vi tiêu dùng phục vụ cho công tác phát triển sản phẩm.
- Đẩy mạnh hoạt động khảo sát, tìm kiếm các sản phẩm mới có tính năng nổi bật trên thị trường quốc tế để giới thiệu với người tiêu dùng nội địa

b. Hoạt động kinh doanh các đơn hàng doanh nghiệp (B2B):



Đối với phân khúc khách hàng doanh nghiệp và khách sạn, định hướng chiến lược của Everpia là: (1) tập trung vào phân khúc khách sạn cao cấp 4-5 sao, (2) hướng tới cung cấp trọn gói sản phẩm, bao gồm chăn ga, đệm, rèm, và các đồ dùng khách sạn khác, (3) tận dụng danh mục sản phẩm đa dạng của B2C để chiếm lĩnh phân khúc quà tặng doanh nghiệp.

c. Hoạt động xuất khẩu chăn ga:



Với điều kiện kinh tế vĩ mô và vị thế thương mại quốc tế ngày càng vững chắc của Việt Nam, xuất khẩu chăn ga đang có rất nhiều lợi thế và tiềm năng để phát triển, với các định hướng chiến lược sau: (1) Tăng dần tỷ trọng đơn hàng FOB thay cho các đơn hàng thuần gia công bằng việc củng cố và phát triển chuỗi cung ứng bền vững; (2) Chuyên môn hóa quá trình sản xuất và kiểm tra chất lượng cho các đơn hàng xuất khẩu do đặc thù khác biệt về sản phẩm; (3) Tận dụng tối đa các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương của Việt Nam để mở rộng thị trường.

► 2.2 Ngành hàng Bông tằm

Trong bối cảnh cạnh tranh trong ngành ngày càng gay gắt với sự gia nhập của nhiều đơn vị sản xuất mới, trong khi nhu cầu đối với sản phẩm bông tằm có xu hướng giảm do tác động bởi khí hậu nóng lên toàn cầu, ngành hàng bông tằm nói chung đứng trước thách thức rất lớn. Mặc dù vậy, dự báo tăng trưởng doanh thu xuất khẩu dệt may của Việt Nam trong thời gian tới vẫn ở mức 7% mỗi năm, do vậy dư địa phát triển cho ngành hàng Bông tằm tại Việt Nam vẫn khá tích cực. Ban Giám đốc đã đưa ra chiến lược mở rộng thị phần cho ngành hàng này như sau: (1) Nâng cao các chuẩn mực về sản xuất bền vững; (2) Tăng cường hoạt động marketing; (3) Đẩy mạnh phát triển sản phẩm.



Về sản xuất:

- Nâng cao các chuẩn mực về sản xuất bền vững, áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế được công nhận rộng rãi như RCS, GRS, ISO 14001, Higg index,...
- Tiếp cận và tham gia các chương trình, sáng kiến quốc tế về Cải tiến và tối ưu hóa sản xuất nhằm tìm kiếm sự tư vấn chuyên nghiệp
- Sử dụng các loại nguyên phụ liệu và bao bì thân thiện với môi trường



Hoạt động marketing:

- Nắm bắt cơ hội kinh doanh thông qua việc tiếp cận xu hướng về phát triển bền vững toàn cầu
- Tham dự các sự kiện xúc tiến và triển lãm thương mại nhằm tăng nhận diện thương hiệu



Danh mục sản phẩm:

- Đẩy mạnh nghiên cứu phát triển sản phẩm, tập trung cải tiến nguyên liệu và cách thức sản xuất.

► 2.3 Ngành hàng khăn



Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Châu Âu EVFTA được thông qua mở ra một triển vọng mới đối với ngành hàng Khăn của Everpia. Bên cạnh việc tiếp tục duy trì thị phần xuất khẩu hiện có, Ban Giám đốc định hướng đẩy mạnh các hoạt động mở rộng và chiếm lĩnh thị phần trong nước, thông qua các phương án sau:

- Tận dụng hệ thống phân phối sẵn có của Everon: bán theo hình thức bộ sản phẩm, hoặc bán kèm với các sản phẩm chăn ga gối đệm, hoặc bán làm quà tặng cho các chương trình khuyến mãi của các siêu thị điện máy, khách hàng doanh nghiệp.
- Phân phối qua các hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện lợi
- Tiếp cận các đơn vị cung cấp dịch vụ vệ sinh công nghiệp

► 2.4 Ngành hàng màn rèm



Trên cơ sở các nền tảng đã gây dựng được từ năm 2019, trong năm 2020, thương hiệu màn rèm Everon sẽ tiếp tục được phát triển trong thị trường nội địa theo các chiến lược hành động sau:

- Danh mục sản phẩm: tiếp tục phát triển danh mục theo 3 nhóm: (i) Màn rèm may đo; (ii) Rèm may sẵn; (iii) Vải may màn rèm.
- Phát triển kênh phân phối riêng cho mỗi nhóm sản phẩm, căn cứ vào đối tượng khách hàng mục tiêu và đặc thù tiêu thụ của mỗi nhóm.

► 2.5 Chiến lược phát triển bền vững



Năm 2020 là năm bản lề quan trọng, chuyển giao giữa cải tổ bên trong và cải tổ bên ngoài vì mục tiêu phát triển dài hạn. Trong đó, phát triển bền vững không chỉ là yêu cầu và trách nhiệm xã hội, mà còn là một phương pháp marketing hiệu quả trong bối cảnh con người đang nhận thức ngày càng rõ về những tác động của biến đổi khí hậu, và sẵn sàng hơn cho những lựa chọn tiêu dùng bền vững, thân thiện với môi trường.

Do vậy, Everpia cũng lên chương trình hành động với các mục tiêu cụ thể cho hành trình phát triển bền vững của mình, với nội dung chính như sau:

01	02	03
Thành lập một Ủy ban hành động vì phát triển bền vững, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Giám đốc, phụ trách quản lý các vấn đề về phát triển bền vững. Ủy ban này sẽ đề xuất chiến lược, theo dõi việc thực hiện chiến lược, cũng như thúc đẩy các nỗ lực cải tiến liên quan.	Để tăng tính hiệu quả của các hoạt động phát triển bền vững, Công ty sẽ nắm bắt xu hướng, tìm hiểu thông lệ và các chiến lược hành động của ngành thông qua việc tham gia các hiệp hội ngành, các nhóm sáng kiến hành động trong nước và quốc tế, và tìm kiếm các gói hỗ trợ tài chính phù hợp.	Chiến lược phát triển bền vững của Everpia tập trung vào các nhóm giải pháp làm giảm tác động tiêu cực tới môi trường, thông qua sử dụng hiệu quả các nguồn lực hiện có và ứng dụng các công nghệ mới, nguyên liệu mới thân thiện với môi trường cũng như thúc đẩy các thông lệ tốt về xã hội.

► 2.6 Các hoạt động khác

Ngoài các chiến lược marketing và bán hàng, Công ty thực hiện đồng bộ các chính sách nâng cao năng lực nội bộ như:



- Điều chỉnh chính sách thưởng doanh số cho các bộ phận kinh doanh phù hợp với chiến lược kinh doanh của mỗi ngành hàng
- Tiếp tục duy trì chương trình tự cải tổ sản xuất
- Thực hiện đánh giá 5S, hình thái 3 không trong sản xuất 2 lần/ tháng
- Giám sát và kiểm soát sản xuất thông qua Kỹ thuật quản trị sản xuất 4M

III CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2021-2025

► 3.1 Mục tiêu



- **Thương hiệu của đồ dùng gia đình**
Phát triển Everon thành một thương hiệu đồ dùng gia đình gắn gũi với mọi gia đình Việt
- **Sản xuất bền vững và sản phẩm bền vững**
Xanh hóa nhà máy và sản phẩm thông qua các mục tiêu cụ thể về phát triển bền vững
- **Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận**
 - Hướng tới tỷ lệ lợi nhuận lý tưởng 10% trên doanh thu
 - Đảm bảo tối đa quyền lợi cổ tức cho cổ đông theo cam kết

► 3.2. Chiến lược hành động

Dựa trên phân tích về những xu hướng trọng yếu tác động đến môi trường kinh doanh trong dài hạn, Everpia đã lên chiến lược hành động tương ứng, cụ thể:

XU HƯỚNG TRỌNG YẾU

Điều kiện kinh tế vĩ mô

BỐI CẢNH
Việt Nam đang có vị thế thương mại ngày càng lớn trên trường quốc tế, với rất nhiều hiệp định thương mại tự do, hợp tác kinh tế song phương và đa phương quan trọng đã được ký kết.

TÁC ĐỘNG
Thương mại tự do mở ra nhiều cơ hội cho Everpia tiếp cận các thị trường xuất khẩu mới, cũng như giảm chi phí nguyên vật liệu đầu vào nhập khẩu; nhưng cũng làm tăng số lượng đối thủ cạnh tranh.

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG CỦA EVERPIA

- Quản lý chất lượng: áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế;
- Cập nhật sản phẩm theo xu hướng tiêu dùng tại các thị trường mục tiêu
- Tận dụng lợi thế từ các ưu đãi thuế quan để tối ưu hóa chi phí nguyên vật liệu và chiếm ưu thế về giá



XU HƯỚNG TRỌNG YẾU


Sản xuất và tiêu dùng bền vững

BỐI CẢNH
Do tác động của biến đổi khí hậu, các sản phẩm có nguồn gốc tự nhiên, hoặc tái chế, hoặc được sản xuất theo một quy trình có trách nhiệm cao với môi trường sẽ được người tiêu dùng ưu tiên lựa chọn

TÁC ĐỘNG
Là một mắt xích trong chuỗi cung ứng toàn cầu, Everpia buộc phải tự nâng cấp các chuẩn mực bền vững của mình để duy trì và mở rộng các cơ hội kinh doanh. Tuy nhiên, Công ty cần cân nhắc quy mô đầu tư và lộ trình thực hiện để đáp ứng tính hiệu quả trong kinh doanh.

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG CỦA EVERPIA

- Xanh hóa hoạt động sản xuất: sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, tiết giảm nước thải, chất thải, khí thải
- Thúc đẩy các chuẩn mực bền vững trong chuỗi giá trị
 - Ưu tiên lựa chọn NCC có thực hành các chuẩn mực bền vững
 - Thúc đẩy các hoạt động tiêu dùng bền vững



XU HƯỚNG TRỌNG YẾU


Tích hợp trải nghiệm mua sắm trực tuyến và tại cửa hàng

BỐI CẢNH
Trong nhịp sống hiện đại, nhu cầu mua sắm tiện lợi và nhanh gọn ngày càng trở nên phổ biến. Công nghệ đang thay đổi mạnh mẽ các khái niệm và phương thức kinh doanh trên toàn cầu.

TÁC ĐỘNG
Yêu cầu về việc cải tiến hệ thống phân phối theo hướng hiện đại, tiện lợi và đa dạng, bắt kịp với xu thế số hóa hiện nay.
Yêu cầu về việc xây dựng mô hình kinh doanh trực tuyến phù hợp và hiệu quả, cũng như cách thức phối hợp trong vận hành hệ thống phân phối bán lẻ hiện tại.

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG CỦA EVERPIA




- Phát triển đa dạng sản phẩm theo hướng "home total fashion", và phát triển hệ thống phân phối theo hướng "one-stop shopping"
- Tích hợp nền tảng bán hàng trực tuyến với hệ thống cửa hàng phân phối hiện có
- Phát triển Digital Marketing thành phương tiện chính cho truyền thông và quảng cáo.









IV QUẢN TRỊ RỦI RO

Để có thể thực thi thành công chiến lược phát triển 2020-2025 cần sự phân tích cẩn trọng, kỹ lưỡng các rủi ro tiềm tàng. Everpia đã nhận diện hai khía cạnh rủi ro cơ bản có thể phát sinh trong quá trình theo đuổi mục tiêu dài hạn, đó là Rủi ro chiến lược và Rủi ro hoạt động. Rủi ro chiến lược liên quan đến những biến động trong môi trường kinh tế vĩ mô và những thay đổi đột ngột trong quá trình phát triển của thị trường có thể gây trở ngại hoặc ảnh hưởng đến việc thực hiện các chiến lược kinh doanh. Rủi ro hoạt động đề cập đến những sự không chắc chắn trong việc vận hành kinh doanh hàng ngày do sự không đầy đủ hoặc không hợp lý trong hệ thống, chính sách hoặc quy trình.

Dưới sự giám sát của Ban Kiểm soát, Everpia đã tiến hành nhận diện các rủi ro tài chính và phi tài chính, phát triển hệ thống kiểm soát rủi ro nhằm theo dõi tính khả thi và khả năng tác động. Hệ thống kiểm soát rủi ro cập nhật bất kỳ chuyển động đáng kể nào trong môi trường vĩ mô cũng như hoạt động nội bộ, từ đó giúp Công ty kịp thời điều chỉnh chiến lược hoặc đưa ra giải pháp ứng phó.

TÁC ĐỘNG	BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA
RỦI RO CHIẾN LƯỢC	
 <p>Rủi ro về chiến lược đầu tư</p> <p>Chiến lược đầu tư thiếu hiệu quả sẽ dẫn đến hệ lụy về vốn và dòng tiền. Hiện nay Everpia đang đầu tư vào một công ty con tại Hàn Quốc, tính khả thi và tiềm năng trong tương lai vẫn đang là một dấu hỏi lớn, khó có thể lường trước được những khó khăn trong quá trình vận hành.</p>	<p>Để hạn chế rủi ro này, các quyết định đầu tư đều được ban điều hành và hội đồng quản trị đánh giá một cách thấu đáo dựa trên quy mô thị trường mục tiêu như: khả năng mở rộng, năng lực cạnh tranh, hiệu quả tài chính, đặc thù công nghệ và các rủi ro liên quan trước khi thông qua quyết định đầu tư. Ngoài ra công ty còn có các kế hoạch dự phòng nhằm phản ứng kịp thời với những trường hợp xấu nhất có thể xảy ra.</p>
 <p>Rủi ro về chiến lược thị trường</p> <p>Chiến lược thị trường có vai trò quyết định thị phần nói chung hay doanh số Công ty nói riêng. Việc đánh giá sai về thị hiếu, nhu cầu của khách hàng mục tiêu sẽ dẫn đến các quyết định sai lầm về giá bán, chất lượng, đặc tính, thiết kế sản phẩm, chiến lược truyền thông kéo theo suy giảm doanh số, đánh mất lợi thế cạnh tranh, tồn kho tăng cao, không tận dụng được lợi thế quy mô</p>	<p>Để hạn chế rủi ro này, ban điều hành và các bộ phận bán hàng, marketing thực hiện điều nghiên thị trường, cập nhật thường xuyên thị hiếu và nhu cầu của các phân khúc khách hàng cũng như các kênh truyền thông đang có ảnh hưởng lớn nhất để ra các quyết định về giá bán, chất lượng, thiết kế sản phẩm cũng như các chiến lược truyền thông, quảng bá, chăm sóc khách hàng phù hợp.</p>
 <p>Rủi ro về chiến lược phát triển ngành hàng mới</p> <p>Từ năm 2018, Chúng tôi bắt đầu triển khai hai ngành hàng Khăn và Mành rèm. Việc triển khai ngành hàng mới phát sinh các rủi ro như chiến lược phát triển ngành hàng mới không phù hợp với nhu cầu của thị trường, không sắp xếp được nguồn nhân lực, chuỗi cung ứng, tài chính phù hợp để triển khai ngành hàng.</p>	<p>Công ty thực hiện khảo sát kỹ lưỡng về nhu cầu thị trường, đối thủ cạnh tranh và cách thức tiếp cận khách hàng mục tiêu; lập kế hoạch bố trí nhân lực phù hợp, tìm kiếm trước các bên cung cấp, hợp tác cùng triển khai; chuẩn bị nguồn lực tài chính và đánh giá các rủi ro, lập phương án dự phòng đầy đủ trước khi triển khai ngành hàng mới.</p>

TÁC ĐỘNG		BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA	
	Rủi ro về chiến lược sản xuất	Chiến lược sản xuất không hợp lý, không theo kịp các sự tiến bộ về kỹ thuật sản xuất; khả năng cải tiến sản phẩm bị hạn chế do năng lực của nhà xưởng, máy móc; đầu tư máy móc không hiệu quả; máy móc hiện tại không được bảo trì, bảo dưỡng phù hợp dẫn tới hao tổn nguyên vật liệu, tăng mức độ hỏng hóc gây lãng phí, đình trệ sản xuất; tay nghề của người lao động bị tụt hậu; trình độ quản lý sản xuất không theo kịp các biến đổi, nhu cầu thực tiễn.	Công ty thường xuyên cập nhật, đánh giá năng lực máy móc, kỹ thuật sản xuất hiện tại so với các máy móc, kỹ thuật sản xuất mới; cân nhắc kỹ lưỡng các yếu tố về nhu cầu thị trường, chi phí đầu tư, bố trí sắp đặt, khả năng vận hành...trước khi quyết định đầu tư máy móc, dây chuyền mới; xây dựng kế hoạch bảo dưỡng, bảo trì máy móc hợp lý; định kỳ đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động và đào tạo cập nhật kỹ năng quản lý tiên tiến cho các cấp quản lý xưởng và bộ phận kế hoạch sản xuất.
RỦI RO VẬN HÀNH			
	Rủi ro kinh doanh	Với một công ty sản xuất như Everpia, rủi ro về nợ xấu và hàng tồn kho tăng cao sẽ gây ảnh hưởng đến dòng tiền và nguồn vốn lưu động.	Xây dựng hợp đồng nguyên tắc về chính sách công nợ, sử dụng hệ thống ERP trong thống kê các chỉ tiêu công nợ, theo dõi nhắc nợ hàng ngày, trích dự phòng nợ phải thu khó đòi đã giúp Công ty quản lý tốt các khoản phải thu của khách hàng.
	Rủi ro về chất lượng sản phẩm	Rủi ro về chất lượng nguyên vật liệu đầu vào không đạt chuẩn, lỗi trong sản xuất dẫn tới việc suy giảm chất lượng thành phẩm đầu ra gây ảnh hưởng lớn tới hình ảnh thương hiệu của Công ty.	Để ngăn chặn rủi ro này, công ty đã thiết lập các tiêu chuẩn, quy trình kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu đầu vào và thành phẩm đầu ra, đầu tư các thiết bị, máy móc mới để đảm bảo các yêu cầu mới về chất lượng sản phẩm của khách hàng.
	Rủi ro về hàng giả, hàng nhái và truyền thông	Hàng giả, hàng nhái, các thông tin bất lợi trên mạng xã hội và các trang thông tin điện tử đều gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hình ảnh thương hiệu, chất lượng sản phẩm và uy tín của Công ty.	Để ngăn chặn hàng giả, hàng nhái bộ phận marketing của Công ty thường xuyên kiểm tra, cập nhật tình hình thị trường để kịp thời phát hiện các cửa hàng, tổ chức bán hàng giả, hàng nhái của công ty và có hướng giải quyết. Ngoài ra, công ty còn thường xuyên cải tiến tem mác chống hàng giả, lập hệ thống tra cứu, kiểm tra hàng thật qua mã vạch. Để ngăn chặn các thông tin bất lợi trên mạng xã hội và các trang thông tin điện tử, bộ phận truyền thông thường xuyên kiểm tra các trang mạng xã hội, thông tin điện tử để nhận diện các thông tin bất lợi và có hướng xử lý kịp thời, bảo đảm giữ vững hình ảnh thương hiệu, uy tín của Công ty.
	Rủi ro tỷ giá	Nguyên vật liệu của Công ty phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu là xơ polyester và vải đều được nhập khẩu từ các đối tác nước ngoài bằng đồng USD. Vì vậy biến động về tỷ giá sẽ ảnh hưởng đến chi phí sản xuất trong kỳ.	Thường xuyên cập nhật, dự báo biến động tỷ giá thông qua các mối quan hệ với các Ngân hàng, thực hiện các hợp đồng mua nguyên vật liệu qua L/C nhằm phòng ngừa rủi ro khan hiếm ngoại tệ, có kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, chủ động trong việc tích trữ nguyên vật liệu nhằm hạn chế những thay đổi tỷ giá bất thường.

TÁC ĐỘNG		BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA	
	Rủi ro pháp lý	Ở Việt Nam, luật và các văn bản dưới luật thường xuyên thay đổi, chưa đồng bộ dẫn đến kết quả kinh doanh nhiều khi cũng bị ảnh hưởng không nhỏ. Nguy cơ bị kiện tụng, tranh chấp và bị phạt bởi các cơ quan quản lý cũng hoàn toàn có thể xảy ra.	Để hạn chế những rủi ro về pháp lý, các bộ phận chuyên môn thường xuyên trao đổi, cập nhật các chính sách, quy định mới từ các cơ quan có thẩm quyền, rà soát các hợp đồng và các thỏa thuận của Công ty trước khi được ký kết
	Rủi ro nguồn nhân lực	Hàng năm số lượng công nhân thôi việc và tuyển mới tương đối cao. Điều này dẫn tới rủi ro về nguồn nhân lực không đảm bảo chất lượng do chưa có kinh nghiệm, khiến cho năng suất lao động giảm đồng thời chi phí cho hoạt động đào tạo tăng.	Để hạn chế rủi ro nhân lực, Ban giám đốc luôn đề cao thực hiện quy hoạch nhân sự với chính sách đãi ngộ và định hướng lâu dài, thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo nội bộ và nhằm khuyến khích cơ hội phát triển sự nghiệp cho nhân viên.
	Rủi ro về môi trường	Trong những năm gần đây, vấn đề môi trường đang được các bộ ngành và các cấp chính quyền, dư luận xã hội đặc biệt quan tâm. Các sự cố về môi trường không chỉ gây ra các khoản phạt lớn mà còn ảnh hưởng rất lớn tới thương hiệu, uy tín của Công ty.	Để hạn chế các rủi ro về môi trường, Công ty luôn chú ý đầu tư hệ thống xử lý chất thải; cải tiến môi trường lao động, làm việc; tuyệt đối không sử dụng các chất hóa học độc hại trong sản xuất sản phẩm và tăng cường sử dụng các nguyên vật liệu thân thiện với môi trường nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm cũng như giá thành sản xuất; tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế như Higg FEM, GRS và ISO 14001.
	Rủi ro về hệ thống IT	Hệ thống IT là một trong những phần cốt lõi của hệ thống quản trị trong công ty: các rủi ro đối với hệ thống IT như mất dữ liệu, virus, hệ thống phần mềm không theo kịp yêu cầu quản trị, lộ thông tin tài khoản...đều gây ra những ảnh hưởng lớn đến hoạt động và tính cạnh tranh của Công ty.	Để ngăn chặn các rủi ro từ hệ thống IT, Công ty thực hiện sao lưu dữ liệu hàng ngày để tránh mất dữ liệu, thường xuyên cập nhật, tinh chỉnh hệ thống phần mềm đáp ứng các yêu cầu về quản trị, nâng cao tính bảo mật hệ thống...
	Rủi ro khác	Các yếu tố rủi ro khách quan như thiên tai, hỏa hoạn, bệnh dịch... sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nếu xảy ra.	Công ty thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro như mua bảo hiểm tài sản, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy, thực hiện đầy đủ các biện pháp an toàn vệ sinh lao động.



CHƯƠNG

03

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- I. Báo cáo đánh giá của Ban Điều hành 28
- II. Báo cáo của Hội đồng quản trị 36

I BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tiếp bước đà tăng trưởng trung bình 9% của 5 năm liền trước, Everpia bước vào năm 2019 với mục tiêu 1.300 tỷ về doanh thu và 100 tỷ lợi nhuận. Doanh thu này được xây dựng dựa trên những kỳ vọng về sự tăng trưởng của 02 ngành hàng cơ bản bên cạnh sự đóng góp doanh thu của các ngành hàng mới như: đệm lò xo KingKoil, Rèm cửa, Khăn lau.

Với khẩu hiệu "Tiếp tục đổi mới để tiến xa hơn", Ban lãnh đạo Công ty xác định các hoạt động đổi mới giờ đây không chỉ diễn ra tại các phân xưởng sản xuất mà trong cả những thay đổi về nhân sự và chiến lược Marketing nhằm tìm ra hướng đi riêng cho Everpia. Hy sinh doanh số trong một thậm chí vài năm để đổi mới toàn diện, để tăng tốc bút phá là quyết định táo bạo của Ban lãnh đạo công ty trong năm qua.

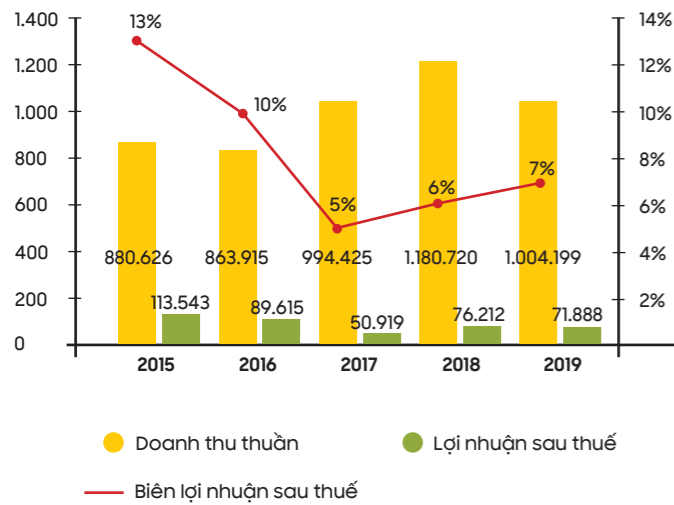
Đơn vị tính: Triệu đồng

Hạng mục	Thực hiện năm 2019	Mục tiêu năm 2019	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ hoàn thành	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	1.004.199	1.300.000	1.180.720	77,2%	-15,0%
Lợi nhuận sau thuế	71.888	100.000	76.212	71,9%	-5,7%

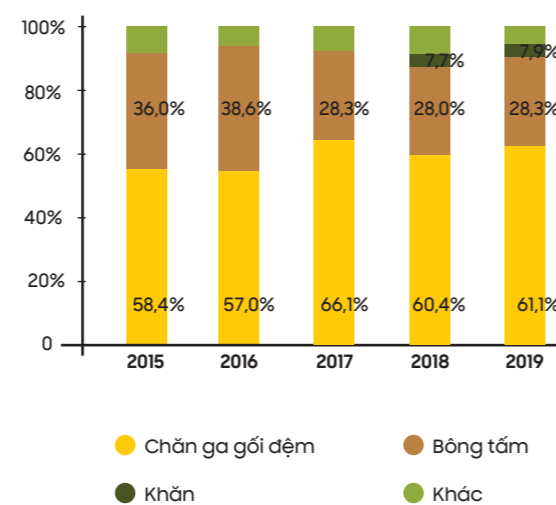
Kết thúc năm tài chính 2019, Everpia chỉ hoàn thành 77% doanh số và 72% lợi nhuận mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đã giao phó cùng với đó là việc tăng trưởng doanh số âm so với cùng kỳ năm 2018. Hội đồng quản trị xin nhận trách nhiệm trước Ban Giám đốc và toàn thể cổ đông Công ty về việc không hoàn thành chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận.

Mặc dù kết quả kinh doanh năm 2019 không đạt được như kỳ vọng nhưng Ban Giám đốc đã thiết lập nhiều nền tảng vững chắc cho sự phát triển của Everpia trong dài hạn. Kết quả bước đầu của hoạt động cải tổ và nỗ lực quản trị chi phí đã tạo đưa

tỷ lệ lợi nhuận gộp tăng từ 32,8% năm 2018 lên 34,2% năm 2019. Thêm vào đó, việc sắp xếp lại hệ thống bán lẻ trong nước, áp dụng Bảng đánh giá năng lực khách hàng đối với toàn bộ các đơn hàng khách sạn nhằm đảm bảo tăng trưởng doanh số bên cạnh kiểm soát rủi ro về thanh toán. Những phân tích chi tiết về từng ngành hàng dưới đây sẽ giúp quý vị hiểu rõ hơn về bối cảnh hoạt động và nỗ lực của Ban điều hành trong việc thiết lập những giá trị dài hạn cho cổ đông.



So sánh Doanh thu và Lợi nhuận các năm



Cơ cấu Doanh thu các năm

1.1 Ngành hàng Chăn - ga - gối - đệm

Trong năm 2019, dưới điều kiện nắng nóng kéo dài với nhiều kỷ lục mới được thiết lập như: Trái đất đã nóng lên 1 độ C, một số tỉnh thành ở Việt Nam đã xuất hiện nhiệt độ quan trắc cao nhất trong lịch sử điều này đã tác động trực tiếp tới hoạt động kinh doanh Chăn ga gối của Công ty. Doanh thu của ngành hàng Chăn ga gối đệm năm 2019 chỉ đạt 613,9 tỷ, giảm 14,0% so với năm 2018. Trong đó, doanh thu từ B2C đạt 454 tỷ đồng, doanh thu B2B đạt 93,2 tỷ đồng và doanh thu xuất khẩu đạt 66,7 tỷ đồng với tỷ trọng tương ứng trong tổng doanh thu ngành hàng Chăn ga gối đệm lần lượt là: 73,9%, 15,2% và 10,9%.

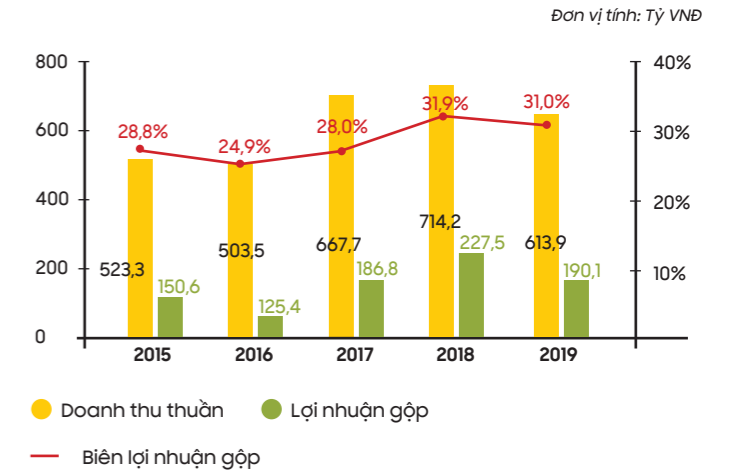
Mặc dù doanh số giảm so với cùng kỳ nhưng Công ty đã triển khai được rất nhiều hoạt động mang tính tiền đề cho sự phát triển bền vững về dài hạn.

Đối với kênh bán lẻ trong nước:

- Thực hiện cuộc khảo sát về xu hướng tiêu dùng và tiềm năng phát triển của các tỉnh thành khu vực phía Bắc,
- Tổ chức các buổi hướng dẫn và hỗ trợ chủ đại lý thành lập các kênh bán hàng online nhằm tiếp cận xu thế mua sắm mới cũng như khai thác tối đa doanh số trên địa bàn;
- Phát triển các dòng sản phẩm mới mang tính ứng dụng cao, hướng tới các đối tượng khách hàng có các yêu cầu đặc biệt về hỗ trợ sức khỏe như: gối 5 giây, gối định hình, bộ sưu tập dành riêng cho mùa hè.

Đối với kênh bán hàng doanh nghiệp, khách sạn và xuất khẩu:

Triển khai bảng khảo sát yêu cầu đơn hàng và đánh giá năng lực khách hàng nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu của khách đối với từng đơn hàng đồng thời hạn chế tối đa rủi ro về công nợ.



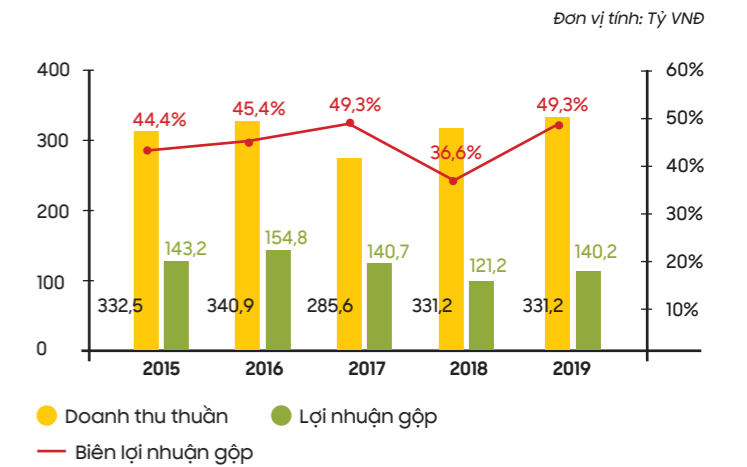
Doanh thu, lợi nhuận gộp ngành Chăn - ga - gối - đệm

1.1.2 Ngành hàng Bông tấm

Trong bối cảnh thương mại toàn cầu năm 2019 tăng chậm và tiềm ẩn nhiều yếu tố khó lường do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ, căng thẳng thương mại giữa các nước lớn cùng với xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch đã tác động không nhỏ đến hoạt động sản xuất và xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam.

Với cơ cấu doanh thu 73,6% xuất khẩu, 26,4% nội địa, doanh thu Bông tấm năm 2019 đã giảm 14,0% so với cùng kỳ, trong đó doanh thu Bông tấm giảm 15,4%, doanh thu từ Chăn bông giảm 7,1%.

Tuy nhiên, cùng với những đổi mới về quản lý sản xuất, việc sở hữu cùng lúc 02 chứng chỉ toàn cầu về bông tái chế là GRS và RCS đã mang lại lợi thế cạnh tranh lớn cho Everpia và góp phần đưa tỷ lệ lợi nhuận gộp cho toàn ngành Bông tấm năm 2019 đạt tỷ lệ 49,3%. Tỷ lệ lợi nhuận gộp 49,3% là hiệu suất lợi nhuận cao nhất trong ngành hàng Bông tấm bởi tỷ lệ này của đối thủ lớn nhất hiện tại là 13,6% vào năm 2019.



Doanh thu, lợi nhuận gộp ngành Bông tấm

1.1.3 Ngành hàng Khăn

2019 là năm thứ 2 Everpia chính thức hoạt động trong mảng sản xuất và kinh doanh Khăn lau làm từ vải microfiber sau khi mua lại toàn bộ dây chuyền từ công ty liên kết Texpia.

Cũng như ngành hàng Bông tấm, doanh số của ngành hàng Khăn chủ yếu đến từ hoạt động xuất khẩu - chiếm khoản 95%. Dưới tác động của kinh tế vĩ mô, doanh thu đến từ hoạt động xuất khẩu khăn lau đã giảm tới 12,7% tương ứng với doanh thu thuần 79,8 tỷ. Bên cạnh đó, việc tăng giá nguyên vật liệu đầu vào đã khiến cho biên lợi nhuận gộp của ngành hàng này trong kỳ chỉ đạt mức 6,9%.

Hạng mục	2018	2019	+/-
Doanh thu	91,4	79,8	-12,7%
Lợi nhuận gộp	13,5	5,5	-59,0%
Biên lợi nhuận gộp	14,7%	6,9%	-

Đơn vị tính: Tỷ VNĐ

1.1.4 Ngành hàng Rèm cửa

Ra mắt khách hàng tại hội nghị khách hàng ngày 21/06/2018, các sản phẩm rèm cửa được kỳ vọng sẽ đóng góp một phần doanh số đáng kể trong cơ cấu doanh thu của Everpia năm 2019. Tuy nhiên, do đặc thù sản phẩm có nhiều phụ kiện, quy trình bán hàng gồm nhiều bước: giới thiệu sản phẩm - chốt đơn hàng - đo đạc - cắt may - lắp đặt nên doanh thu các sản phẩm này trong năm 2019 là khá khiêm tốn. Mặc dù doanh thu còn hạn chế, nhưng trong kỳ đội ngũ Marketing của công ty đã gây dựng được rất nhiều nền tảng quan trọng cho sự phát triển của mặt hàng này trong tương lai như:

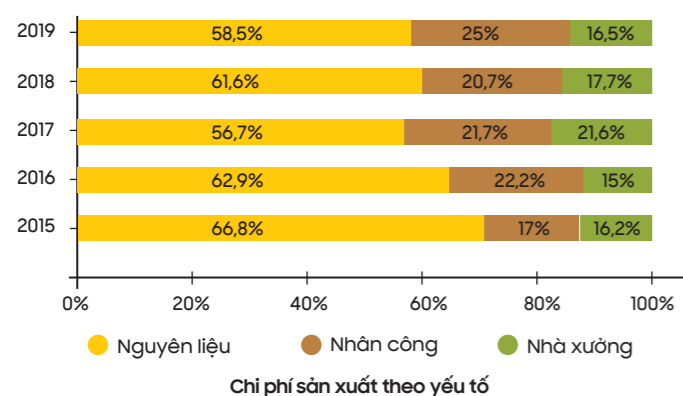
1.1.5 Các sản phẩm khác

Bên cạnh các ngành hàng chính, doanh thu từ các sản phẩm bổ sung như nội thất, đồ trang trí, dụng cụ nhà bếp, tư vấn thiết kế góp phần mang lại 26 tỷ đồng, chiếm 2,6% cơ cấu doanh thu toàn Công ty năm 2019.

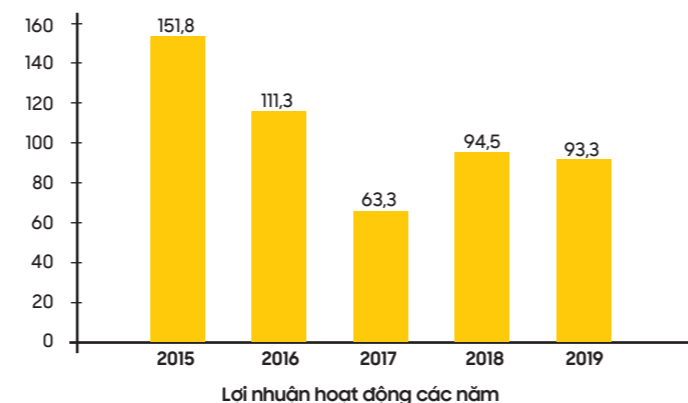
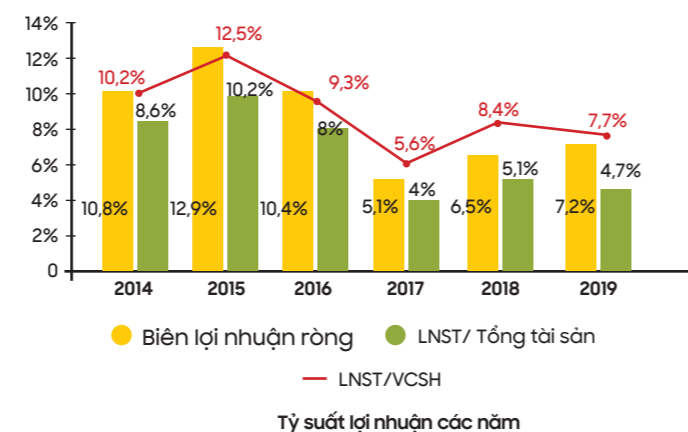
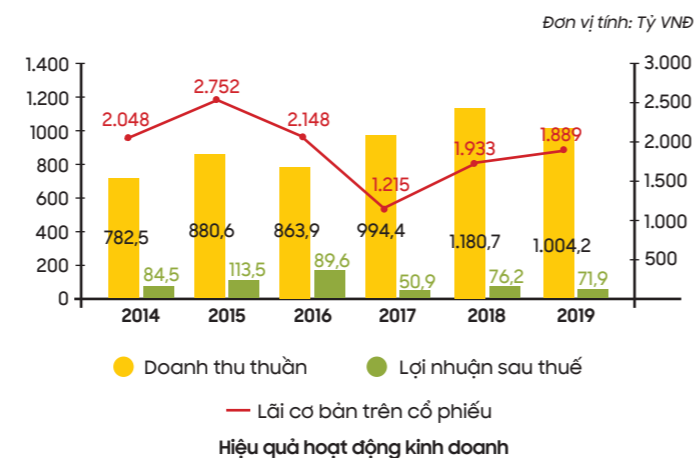
1.1.6 Hiệu quả hoạt động kinh doanh

Nhờ hiệu quả tích cực từ các hoạt động cải tổ được thực hiện sâu rộng tại toàn nhà máy, tỷ lệ biên lợi nhuận gộp đã được cải thiện đáng kể tăng từ 32,3% năm 2018 lên 34,2%. Cùng với đó, việc thay đổi phương tiện quảng cáo từ truyền thống sang ứng dụng các công cụ quảng cáo đa phương tiện giúp công ty tiết kiệm được một khoản chi phí lớn, đây là một trong những lý do chính giúp tỷ lệ lợi nhuận trước thuế tăng từ 8,1% lên 9,4%. Tuy nhiên do lợi nhuận giảm nên hệ số thu nhập/cổ phiếu tăng giảm từ 1.933 xuống 1.889 đồng/cổ phần.

Hạng mục	2017	2018	2019
Biên lợi nhuận gộp	33,2%	32,3%	34,2%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế	6,4%	8,1%	9,4%
Biên lợi nhuận ròng (ROS)	5,1%	6,5%	7,2%
LNST/VCSH (ROE)	5,6%	8,4%	7,7%
LNST/Tổng tài sản (ROA)	4,0%	5,1%	4,7%

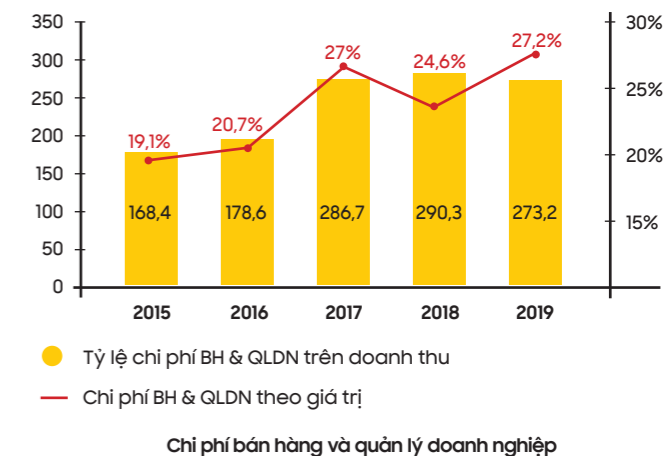


- Xây dựng hệ thống nhà cung cấp nguyên, phụ liệu rèm cao cấp tại Hàn Quốc và Trung Quốc,
- Nghiên cứu cải tiến và mua mới các máy hỗ trợ việc sản xuất các công đoạn khó,
- Đào tạo kiến thức về rèm, cách đo và lắp đặt hoàn thiện sản phẩm cho toàn bộ hệ thống đại lý khu vực phía Bắc,
- Ra mắt 03 bộ catalogue rèm với 230 mẫu và 01 bộ catalogue màn hình với 48 mẫu.



Chi phí Bán hàng và Quản lý doanh nghiệp

Tỷ lệ chi phí bán hàng tăng từ mức 14,9% lên 17,4% do Công ty tiếp tục mở mới showroom và chi phí lương cho các bộ phận mới như: nhóm Nghiên cứu phát triển sản phẩm và Digital Marketing. Hoạt động cải tổ tiếp tục góp phần vào việc giữ tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp ổn định ở mức 9,8%.



2. Hoạt động đầu tư và triển khai dự án

Everpia hiện không triển khai dự án nào. Các hoạt động đầu tư của công ty được thực hiện thông qua hai hình thức: đầu tư tài chính ngắn hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

2.1. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư trái phiếu

Đây là khoản đầu tư được đảm bảo bởi bên thứ ba. Công ty phân loại khoản đầu tư này là chứng khoán kinh doanh dựa trên chủ trương chuyển nhượng trước ngày đáo hạn được Ban giám đốc xây dựng trước khi thực hiện đầu tư.

Tổ chức phát hành	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	37.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hàng năm, Khoản gốc cuối cùng của trái phiếu đáo hạn vào ngày 24 tháng 10 năm 2021	11,5%

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng đến 1 năm hưởng lãi suất từ 6,9%/năm đến 12%/năm

Khoản mục	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	515.700.000.000	515.700.000.000	452.548.500.000	452.548.500.000

2.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tính đến cuối năm 2019, Everpia có 02 khoản đầu tư dưới hình thức mua cổ phần của các doanh nghiệp chưa niêm yết, cụ thể:

Khoản mục	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư (VND)
Công ty cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh	172.000	4,7%	2.638.200.000
Công ty Kalon Investment Asset	30.000	5,7%	5.781.000.000
TỔNG CỘNG			8.419.200.000

Everpia đầu tư vào Dược phẩm Bắc Ninh từ giữa năm 2009, trong suốt 10 năm qua, hàng năm công ty đều đặn nhận được cổ tức bằng tiền với tỷ lệ trung bình là 15%. Tính đến thời điểm cuối năm 2019, tỷ lệ hoàn vốn trên giá trị đầu tư đối với phần đầu tư góp vốn này là 52,8%.

Kalon Investment Asset là khoản đầu tư mới phát sinh trong kỳ của Everpia. Giá gốc của khoản đầu tư này là 300 triệu won tương đương với tỷ lệ sở hữu 5,7%.

3. Tình hình hoạt động của công ty liên kết và công ty con

Về mặt giấy tờ pháp lý Everpia hiện có 1 công ty liên kết - Công ty cổ phần Texpia và 1 công ty con - Công ty cổ phần Everpia Korea.

3.1. Công ty cổ phần Texpia

Everpia đầu tư vào Công ty cổ phần Texpia từ thời điểm 31/08/2015 với số lượng cổ phần sở hữu tương đương 44% vốn điều lệ. Texpia là công ty chuyên sản xuất các loại khăn sử dụng Microfiber đây là sản phẩm mới đối với thị trường Việt Nam nhưng là sản phẩm thông dụng được ưa chuộng tại các nước Châu Âu và Châu Mỹ.

Hầu hết doanh thu của Texpia đến từ các hoạt động xuất khẩu trong đó có nhiều khách hàng lớn có tên tuổi tại các thị trường Mỹ, Đức, Úc, Hàn Quốc và Nhật Bản

Everpia đã thực hiện mua lại toàn bộ dây chuyền sản xuất khăn của Texpia từ cuối năm 2017 và thiết lập ngành hàng Khăn từ năm 2018.

Hiện tại, Texpia đã dừng hoạt động, không còn tài sản và ban lãnh đạo Texpia đang tiến hành các thủ tục cần thiết cho việc giải thể trong thời gian tới.

3.2. Công ty cổ phần Everpia Korea

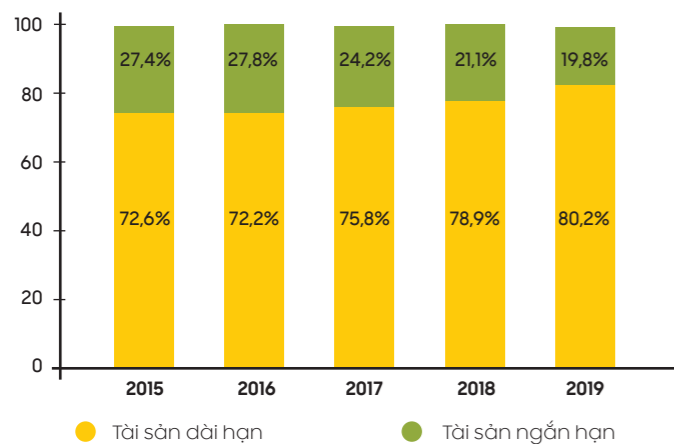
Nhận thấy Hàn Quốc không chỉ là thị trường xuất khẩu và nhập nguyên liệu phục vụ cho sản xuất mà còn là đầu mối để mở rộng hoạt động xuất khẩu sang các nước thứ 3 đặc biệt là xuất khẩu Bông tấm, Hội đồng quản trị công ty đã đồng thuận quyết định thành lập công ty con tại Hàn Quốc từ giữa năm 2017. Đến nay, công ty con tại Hàn Quốc đã đi vào hoạt động ổn định và mang lại một lượng lớn đơn hàng xuất khẩu Bông tấm cũng như Chăn ga gối. Everpia Korea ghi nhận lợi nhuận âm là 7 tỷ đồng trong năm 2019 do đặc thù ngành nghề kinh doanh hạn chế.

4. Tình hình tài chính

4.1 Chỉ tiêu tài chính cơ bản

Các chỉ tiêu	2017	2018	2019
Tổng tài sản (Triệu đồng)	1.276.449	1.490.113	1.537.633
Cơ cấu tài sản (%)			
• Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	24,2%	21,1%	19,8%
• Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	75,8%	78,9%	80,2%
Cơ cấu nguồn vốn (%)			
• Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	28,2%	27,0%	39,0%
• Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	71,8%	73,0%	61,0%
Khả năng thanh toán (Lần)			
• Khả năng thanh toán hiện hành	5,9	5,5	5,1
• Khả năng thanh toán nhanh	3,4	3,5	3,4
• Chỉ số dòng tiền từ hoạt động	0,6	0,4	0,2
• Chỉ số vòng quay các khoản phải thu	4,1	4,9	4,4
• Vòng quay hàng tồn kho	1,7	2,0	1,7
Tỷ suất lợi nhuận (%)			
• Biên lợi nhuận gộp	33,2%	32,3%	34,2%
• Biên lợi nhuận hoạt động	6,4%	8,0%	9,3%

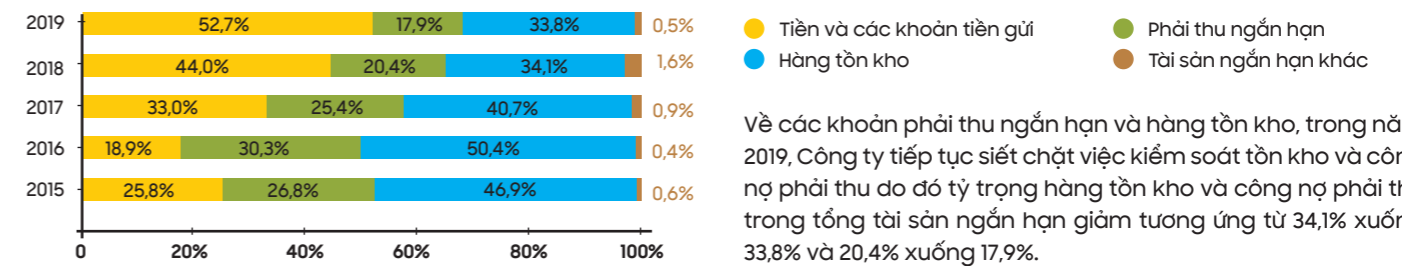
4.2 Tài sản



Tổng tài sản năm 2019 tăng 3,2% so với năm 2018 tương ứng với giá trị 1.537 tỷ đồng.

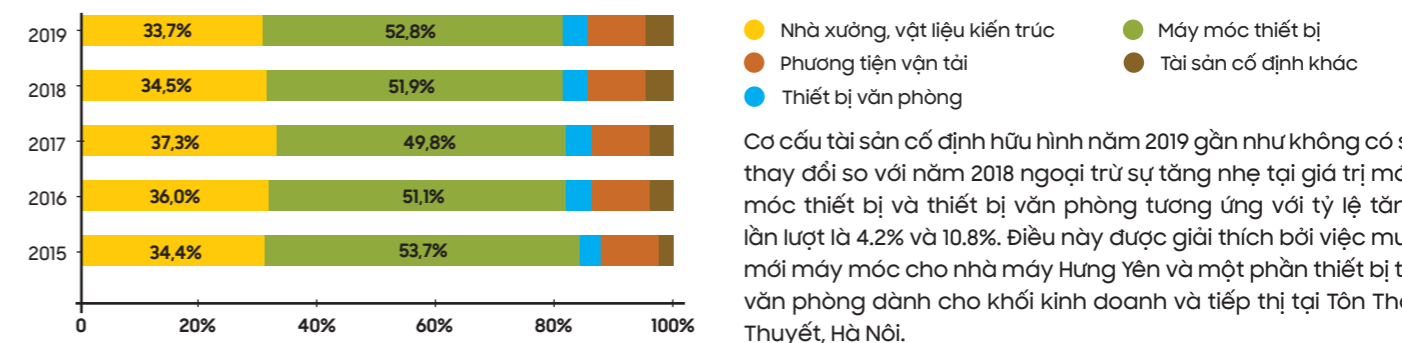
Cơ cấu tài sản 2019 có sự chuyển dịch nhẹ từ tài sản dài hạn sang tài khoản ngắn hạn với nguyên nhân chính Công ty dùng một phần tiền nhàn rỗi để thực hiện các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, theo đó giá trị tài sản ngắn hạn đã tăng 4,8%, trong đó đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 22,1%.

Cơ cấu tài sản ngắn hạn



Về các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho, trong năm 2019, Công ty tiếp tục siết chặt việc kiểm soát tồn kho và công nợ phải thu do đó tỷ trọng hàng tồn kho và công nợ phải thu trong tổng tài sản ngắn hạn giảm tương ứng từ 34,1% xuống 33,8% và 20,4% xuống 17,9%.

Cơ cấu nguyên giá tài sản cố định hữu hình



Cơ cấu tài sản cố định hữu hình năm 2019 gần như không có sự thay đổi so với năm 2018 ngoại trừ sự tăng nhẹ tại giá trị máy móc thiết bị và thiết bị văn phòng tương ứng với tỷ lệ tăng lần lượt là 4,2% và 10,8%. Điều này được giải thích bởi việc mua mới máy móc cho nhà máy Hưng Yên và một phần thiết bị tại văn phòng dành cho khối kinh doanh và tiếp thị tại Tôn Thất Thuyết, Hà Nội.

Hiệu suất sử dụng tài sản

Số ngày tồn kho

Mặc dù thành công trong việc giảm 39 ngày tại số ngày tồn kho năm 2018, số ngày tồn kho năm 2019 quay trở lại với 221 ngày do doanh số bán hàng giảm và giá trị nguyên vật liệu của 02 ngành hàng mới KingKoil và Rèm cửa cuối kỳ là 19,8 tỷ đồng. Trong kỳ, Ban giám đốc đã thực hiện nhiều biện pháp để giảm thiểu số ngày tồn kho như: triển khai chương trình bán hàng theo đơn đặt hàng trước của B2C cũng đã giúp giảm thiểu lượng nguyên vật liệu nhập về để phục vụ sản xuất bộ sưu tập mới; hàng tồn kho đặc biệt là tồn kho lâu ngày của nguyên liệu và thành phẩm thuộc ngành hàng Bông tấm và Chăn ga gối đệm đã được phân loại, sắp xếp tại khu vực riêng để dễ quản lý và đánh giá hiệu quả xử lý hàng tồn kho.

Số ngày phải thu

Xét về giá trị, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn giảm lần lượt là 12,2% và 9,3% so với 2018. Ban giám đốc định kỳ thực hiện đánh giá mức độ ảnh hưởng của các khoản phải thu xấu/ tài sản xấu tới hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ, từ đó tìm ra phương hướng giải quyết phù hợp để có thể thu hồi công nợ sớm nhất. Giá trị dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi thay đổi từ 53,5 tỷ năm 2017 xuống 35,5 tỷ năm 2018 và 38,8 tỷ năm 2019. Việc đánh giá dự phòng này đã ảnh hưởng đến

Chỉ tiêu	2017	2018	2019
Số ngày tồn kho	220	181	221
Số ngày phải thu thương mại	90	75	83
Số ngày phải trả thương mại	(28)	(30)	(29)
Thời gian chu chuyển vốn lưu động	282	227	275

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tuy nhiên Ban giám đốc vẫn luôn thực hiện để đảm bảo việc phản ánh chính xác lợi nhuận thực tế của doanh nghiệp trong kỳ.

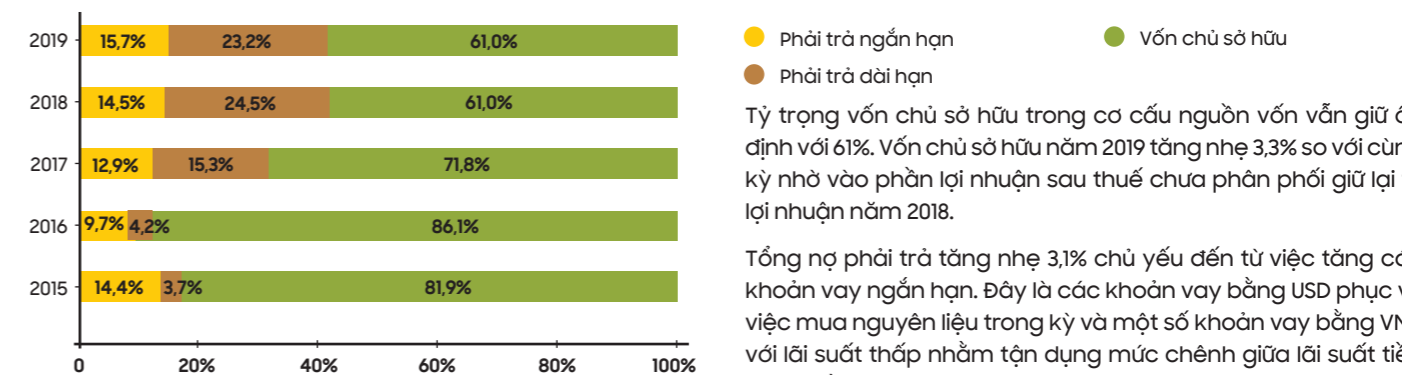
Số ngày phải trả

Số ngày phải trả tăng 1 ngày do giá vốn giảm tương ứng với sự giảm của doanh thu

Thời gian chu chuyển Vốn lưu động

Số ngày phải thu tăng và số ngày tồn kho tăng đã khiến cho thời gian chu chuyển vốn lưu động tăng từ 227 ngày năm 2018 lên 275 ngày năm 2019.

4.3 Nguồn vốn



Tỷ trọng vốn chủ sở hữu trong cơ cấu nguồn vốn vẫn giữ ổn định với 61%. Vốn chủ sở hữu năm 2019 tăng nhẹ 3,3% so với cùng kỳ nhờ vào phần lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giữ lại từ lợi nhuận năm 2018.

Tổng nợ phải trả tăng nhẹ 3,1% chủ yếu đến từ việc tăng các khoản vay ngắn hạn. Đây là các khoản vay bằng USD phục vụ việc mua nguyên liệu trong kỳ và một số khoản vay bằng VND với lãi suất thấp nhằm tận dụng mức chênh giữa lãi suất tiền gửi và tiền vay.

4.4 Tình hình dòng tiền

Khoản mục	2017	2018	2019
Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	106.010	83.014	51.301
Tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(142.640)	(266.275)	(57.059)
Tiền thuần từ hoạt động tài chính	88.443	112.913	8.51
Tiền và tương đương tiền cuối năm	131.587	64.672	67.058

Tại 31/12/2019, tiền và các khoản tương đương tiền đạt mức 67 tỷ đồng. Trong kỳ công ty đã chi 37 tỷ đồng thực hiện đầu tư trái phiếu ngắn hạn với lãi suất 11,5%/năm do đó tiền thuần từ hoạt động kinh doanh giảm từ 83 tỷ xuống 51.3 tỷ đồng; chu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư ở mức -57 tỷ đồng và hoạt động tài chính đạt 8.5 tỷ đồng.

Việc duy trì dòng tiền dương cho thấy hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty vẫn hoạt động hiệu quả và có khả năng tạo ra tiền lớn cho việc vận hành của Công ty.

Hệ số thanh toán

Khoản mục	2017	2018	2019
Hệ số thanh toán hiện hành	5,9	5,5	5,1
Hệ số thanh toán nhanh	3,4	3,5	3,4
Hệ số đảm bảo lãi vay	5,8	4,0	5,3

Các hệ số về thanh toán và đảm bảo lãi vay của Everpia hiện đều ở mức cao thể hiện mức độ phát triển an toàn cũng như khả năng sinh lời của tài sản tốt. Quyết định mua lại một phần trái phiếu đã phát hành cho Vietcombank giúp Công ty tiết kiệm được một khoản lãi tiền vay, đồng thời cùng với điều tiết hài hòa giữa các dòng vốn cũng đã giúp công ty giảm đáng kể khoản chi phí phát sinh do lỗi tỷ giá.

4.5 Đòn bẩy tài chính

Hệ số nợ năm 2019 giữ nguyên tỷ lệ so với năm 2018 do trong kỳ Công ty không phát sinh các khoản vay lớn nào. Hệ số nợ luôn ở mức dưới 1 cho thấy tài sản của Everpia chủ yếu được tài trợ bởi nguồn vốn Chủ sở hữu, công ty không gặp bất kỳ rủi ro nào trong việc trả nợ. 02 khoản nợ lớn nhất hiện tại của Công ty là trái phiếu không chuyển đổi phát hành cho Ngân hàng Vietcombank trị giá 100 tỷ, trả lãi 6 tháng 1 lần, lãi suất 8,5% (năm 2019) và khoản trái phiếu chuyển đổi trị giá 10.100.000 đô la Mỹ với lãi suất 1%/năm.

4.6 Đánh giá tác động của chênh lệch tỷ giá và lãi vay

35,7% giá trị NVL mua vào trong kỳ được thực hiện bằng hình thức nhập khẩu, thanh toán bằng ngoại tệ và 33,4% doanh thu trong kỳ thu vào bằng USD với giá trị tuyệt đối tương đương nhau. Nhờ đó, công ty không chịu nhiều tác động của chênh lệch tỷ giá. Với hoạt động doanh thu xuất khẩu diễn ra tại nhiều ngành hàng: Bông tấm, Chăn ga, khăn lau đã giúp công ty ghi nhận khoản lãi tỷ giá với giá trị là 865 triệu đồng.

Nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là vốn chủ sở hữu, thêm vào đó tính đến 31/12/2019, công ty hiện có tổng giá trị tiền gửi là 551,4 tỷ đồng, trong đó 6,5% là tiền gửi từ 1-3 tháng, 93,5% là tiền gửi từ 6 tháng đến 1 năm với lãi suất từ 6,9%/năm đến 12%/năm. Do đó, trong kỳ công ty đã thu được khoản lãi tuyệt đối từ lãi vay là 22,3 tỷ đồng. Khoản tiền lãi này đã giúp lợi nhuận sau thuế cuối kỳ tăng lên đáng kể.

Chỉ tiêu	2017	2018	2019
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,39	0,64	0,64
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	0,28	0,39	0,39

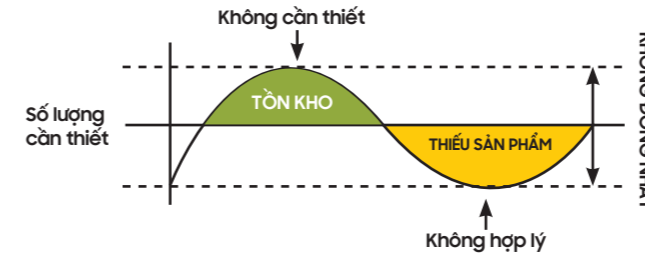
(Đơn vị: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	2017	2018	2019
Doanh thu tài chính			
Lãi tiền gửi	8.582	20.480	36.121
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.214	10.775	6.759
Chi phí tài chính			
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.428	11.148	5.894
Chi phí lãi vay	7.920	16.466	13.769

5. Những cải tiến về chính sách và cơ cấu tổ chức

5.1 Hình thái “3 Không” và “7 Lãng phí” trong sản xuất

Với khẩu hiệu “tiếp tục đổi mới để tiến xa hơn”, trong năm 2019, Everpia đã xây dựng các biện pháp cân bằng sản xuất thông qua việc áp dụng hình thái 3 không: không cần thiết (sản xuất dư thừa dẫn tới lưu kho), không hợp lý (khách hàng cần nhưng không thể cung cấp được) và không đồng nhất (tập trung nguồn lực vào một mặt hàng gây sản xuất dư thừa mà lại thiếu nguồn lực để sản xuất một mặt hàng khác).



Trong đó, hoạt động loại bỏ Không cần thiết được chú trọng hơn cả và được thực hiện thông qua việc triển khai đồng bộ các biện pháp loại bỏ 7 lãng phí:

- Không cần thiết của sản xuất dư thừa: sản xuất những sản phẩm không đảm bảo là bán được
- Không cần thiết của lưu kho: tình trạng đình trệ của nguyên phụ liệu, sản phẩm, hàng hóa,...
- Không cần thiết của thao tác thừa: thực hiện nhiều động tác phụ.
- Không cần thiết của sự chờ đợi: chờ đợi do nguyên phụ liệu khuyết thiếu hoặc do đợi công đoạn trước đó kết thúc.
- Không cần thiết của vận chuyển: đặt để tạm thời hoặc di chuyển trên mức cần thiết
- Không cần thiết của làm hàng lỗi: tạo ra các sản phẩm không thể bán được.
- Không cần thiết của gia công: công đoạn, công việc vốn dĩ không cần thiết nhưng lại suy nghĩ nó là một việc cần thiết phải làm.

Việc nhận diện và loại bỏ 7 lãng phí đã giúp Everpia đáp ứng tốt hơn các yêu cầu về chất lượng sản phẩm từ phía khách hàng; giảm thiểu lãng phí về vận chuyển, di chuyển bất hợp lý; giảm thiểu lãng phí do hàng lỗi và các vấn đề không phù hợp trong quá trình sản xuất; sử dụng hợp lý nguyên vật liệu sản xuất và sản xuất đúng thời hạn.

6. Đánh giá về các chỉ tiêu môi trường và xã hội

Năm 2019, Everpia đã được Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển bền vững Việt Nam vinh danh trong Top 100 Doanh nghiệp bền vững năm thứ 4 liên tiếp. Giải thưởng là sự ghi nhận xứng đáng cho những nỗ lực và quyết tâm của Everpia trong hành trình phát triển bền vững.

Với 4.479.085 mét vải được tiêu thụ trong năm 2019, lượng vải sử dụng cho các sản phẩm chăn ga chiếm tỉ trọng lớn nhất trong tổng nguyên vật liệu đầu vào của Everpia hàng năm. Trong đó, 53% là vải tự nhiên có nguồn gốc bền vững như: Cotton, Tencel, Modal và Bamboo. Ngoài ra, chương trình Cải tổ nhà máy với một loạt các sáng kiến tiết kiệm năng lượng đã giúp Công ty tiết kiệm 211.000 kWh và 7.700 lít xăng mỗi năm. Nhằm mục tiêu hướng tới mục tiêu môi trường bền vững, chúng tôi luôn khuyến khích khách hàng sử dụng các sản phẩm bông tái chế nhằm thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn. Xu hướng cắt

5.2 Quản lý tồn kho

Nhằm hạn chế tồn kho cả về nguyên liệu và thành phẩm, trong kỳ Ban lãnh đạo công ty đã triển khai đồng bộ các giải pháp:

- Phân loại hàng tồn kho theo bộ phận, theo ngày tồn kho để lên phương án xử lý phù hợp và chi tiết nhất có thể;
- Thực hiện quản lý bằng mắt thông qua việc biểu thị hóa hàng lưu giữ tại từng khoang nhằm nhanh chóng nhận diện rủi ro lưu kho đối với từng mặt hàng;
- Định kỳ phân tích đánh giá về tốc độ lưu chuyển của từng mặt hàng, tìm hiểu nguyên nhân và lên kế hoạch thúc đẩy bán;
- Nhập trước xuất trước là yêu cầu bắt buộc đối với mọi sản phẩm ra vào kho.

5.3 Thành lập tổ đánh giá 5S

Trong kỳ, công ty đã thành lập các tổ đánh giá 5S là đại diện của các phân xưởng sản xuất. Định kỳ hàng tuần, các tổ đánh giá thực hiện đánh giá chéo việc thực hiện 5S tại các phân xưởng.

Đến nay, toàn bộ cán bộ công nhân viên của nhà máy đều nhận thức được tầm quan trọng của 5S, tự động và chủ động kết hợp nhuần nhuyễn các chuẩn mực của 5S với công việc nhằm đạt được các mục tiêu:

- Nhà máy không có lãng phí,
- Nhà máy có hiệu suất cao,
- Nhà máy thuận tiện và an toàn,
- Nhà máy sạch sẽ, ngăn nắp,
- Nhà máy có kỷ luật.

5.4 Sắp xếp lại nhân sự Marketing

Để các kế hoạch Marketing có thể được triển khai một cách nhanh nhất với chi phí thấp nhất, trong kỳ Công ty đã thực hiện sắp xếp lại bộ phận Marketing, theo đó:

- Chia rõ trách nhiệm công việc giữa bộ phận Bán hàng và Marketing,
- Thành lập văn phòng Tôn Thất Thuyết là trụ sở làm việc của bộ phận Marketing,
- Thành lập bộ phận Digital Marketing.

giảm phát thải CO2 hiện nay của ngành dệt may toàn cầu cũng là yếu tố thúc đẩy nhu cầu sử dụng bông làm từ xơ tái chế. Trong năm 2019, lượng xơ tái chế Everpia đã sử dụng tương đương với việc tái sử dụng 137.041.488 vỏ chai nhựa.

Một trong các lĩnh vực trọng tâm của Công ty về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục chất lượng cao. Trong năm 2019, Everpia đã đóng góp 2.535.000.000 VNĐ cho cộng đồng địa phương thông qua các hoạt động tài trợ học bổng và đầu tư cơ sở hạ tầng cho trường học, đồng thời tham gia vào chương trình CSR của Korcham (Phòng thương mại Hàn Quốc) nhằm tài trợ cho sinh viên hàng năm. Công ty cũng liên tục tìm kiếm những cơ hội nhằm giúp đỡ những em học sinh chưa được tiếp cận với nền giáo dục chất lượng



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá về năm 2019

Năm 2019 tiếp tục là năm đổi mới toàn diện của toàn Công ty trên cả phương diện kinh doanh và sản xuất. Dưới sự lãnh đạo của Ban giám đốc, tinh thần đoàn kết, mạnh dạn thay đổi, trách nhiệm cao trong công việc đã lan tỏa từ các phòng ban văn phòng đến các phân xưởng.

Kế hoạch kinh doanh

Quản lý hoạt động

Mở rộng kênh phân phối

Kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm 2019

- Kế hoạch kinh doanh:** Doanh số năm 2019 đạt 1.004.199 triệu đồng, giảm 15,0% so với cùng kỳ và chỉ hoàn thành 77,2% doanh số mục tiêu. Lợi nhuận đạt 71.888 triệu đồng, giảm 5,7% so với cùng kỳ, hoàn thành 71,9% lợi nhuận mục tiêu. Kế hoạch kinh doanh không đạt được giải thích bởi 03 nhóm lý do: i) doanh thu 02 ngành hàng cơ bản giảm; ii) doanh thu các ngành hàng mới không đạt như kỳ vọng và iii) chi phí bán hàng tăng do các chi phí đầu tư mở mới showroom và thành lập các team mới thuộc hoạt động mở rộng kinh doanh.
- Quản lý hoạt động:** Sự gia tăng tỷ lệ lợi nhuận trong năm 2019 cho thấy tác động mạnh mẽ của các biện pháp quản lý chi phí từ Ban điều hành. Các hoạt động cải tổ nhà máy đặc biệt việc tăng hiệu quả vận hành kho và năng suất xưởng sẽ tiếp tục được duy trì trong các năm tới nhằm tiến tới tỷ lệ lợi nhuận sau thuế đạt 10%/doanh thu.
- Mở rộng kênh phân phối:** hướng tới mục tiêu dài hạn của Everpia: phân phối các đồ dùng gia đình thiết yếu tại thị trường Việt Nam, trong năm 2019, Công ty đã mở mới 08 showroom trong đó có 03 showroom tại Hà Nội, 05 showroom còn lại tại lần lượt các tỉnh: Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Nha Trang, Hồ Chí Minh, Bình Dương.

Tình hình thực hiện mục tiêu Môi trường – Xã hội

- Về mục tiêu môi trường:** Trong năm 2019, Ban điều hành đã nỗ lực áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng sản xuất đồng thời giảm mức tác động đến môi trường xung quanh, thông qua việc cắt giảm tiêu thụ năng lượng, nước, giảm lượng khí thải và quản lý tốt chất lượng rác thải, nước thải.
- Về mục tiêu xã hội:** Với tiêu chí phát triển kinh tế gắn liền với sự phát triển cộng đồng – xã hội, Công ty đã tạo thêm việc làm tại địa phương, đóng góp hơn 39 tỷ đồng vào ngân sách nhà nước.

Đối với người lao động, bên cạnh chế độ phúc lợi theo pháp luật, CBCNV công ty còn được hưởng nhiều chế độ phúc lợi ưu đãi khác nhằm khuyến khích người lao động tạo thêm nhiều giá trị hơn cho xã hội và nền kinh tế. Đối với cộng đồng địa phương, Công ty đã tài trợ học bổng và sửa chữa trường học với giá trị hơn 2,5 tỷ đồng.

Chi tiết về đánh giá liên quan đến được thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững.

2. Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị

2.1 Các hoạt động đã thực hiện trong năm 2019

Hoạt động hoạch định chiến lược:

- Xây dựng chiến lược kinh doanh giai đoạn 2018 – 2020;
- Tổ chức đánh giá tính khả thi việc lựa chọn và phát triển ngành hàng mới;
- Thúc đẩy việc triển khai các chương trình xây dựng năng lực cạnh tranh dài hạn;
- Cuộc họp định kỳ hàng quý, HĐQT tập trung vào việc đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh, xác định các vấn đề mới nổi có thể ảnh hưởng đến Công ty trong tương lai, từ đó phối hợp cùng Ban điều hành xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp.

Kiểm soát rủi ro

- Từ báo cáo của bộ phận chuyên môn về việc tuân thủ quy trình nội bộ, rủi ro về nguyên vật liệu đầu vào cũng như các rủi ro về năng lực cạnh tranh, HĐQT thường xuyên đánh giá và đưa ra các chiến lược dự phòng đối với quản trị khủng hoảng, kiểm soát rủi ro hoạt động.
- Tổ chức các buổi trao đổi với các chuyên gia để nâng cao năng lực quản trị, hạn chế rủi ro trong quá trình vận hành và phát triển

2.2 Đánh giá về hoạt động của Ban giám đốc

Phương pháp giám sát

HĐQT thực hiện việc giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua việc:

- Theo dõi việc hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng trong năm mà Tổng giám đốc và Ban điều hành đã cam kết;
- Yêu cầu Tổng giám đốc và Ban điều hành thực hiện báo cáo kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động trong các cuộc họp định kỳ hàng quý của HĐQT;
- Các thành viên HĐQT độc lập làm việc độc lập và phối hợp chặt chẽ với các thành viên Ban kiểm soát để nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty, từ đó kiến nghị tới thành viên HĐQT điều hành và Ban giám đốc các giải pháp để hoàn thành tốt nhiệm vụ được ĐHCĐ và HĐQT giao
- Đưa ra các nghị quyết sau các buổi họp HĐQT để Ban điều hành có cơ sở triển khai thực hiện.

Đánh giá chung

Dưới sự lãnh đạo, điều hành của Tổng giám đốc, tập thể Ban điều hành đã thể hiện tinh thần đoàn kết, sáng tạo và trách nhiệm cao trong công việc. HĐQT hiểu rõ và chia sẻ những quyết định khó khăn của Ban giám đốc trong việc cân bằng giữa mục tiêu phát triển bền vững và tạo doanh số trong kỳ.

Mặc dù không hoàn thành chỉ tiêu về doanh số và lợi nhuận như Đại hội cổ đông giao phó nhưng với sự nỗ lực của Ban điều hành các giải pháp chiến lược về thị trường, hệ thống phân phối, cải tổ hoạt động nhà máy về cơ bản đã được hoàn thành.

Ban lãnh đạo đã xây dựng được nhiều nền tảng và tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển dài hạn.

3. Định hướng hoạt động năm 2020

- Kế hoạch kinh doanh:** thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp kinh doanh nhằm hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2020 được giao đặc biệt là kế hoạch triển khai các ngành hàng mới; Cập nhật, rà soát, điều chỉnh chiến lược kinh doanh 2018 – 2020 phù hợp với tình hình thị trường
- Quản trị sản xuất:** đây là hoạt động nhằm sử dụng chi phí sản xuất thấp nhất để chuyển hóa thành các sản phẩm đầu ra có hiệu quả cao nhất. Cùng với việc quản trị tài chính, quản trị chiến lược Marketing thì quản trị sản xuất là một bước quan trọng giúp nâng cao và khẳng định vị thế của công ty trong lòng người tiêu dùng.
- Đổi mới phương pháp truyền thông tiếp thị, mở rộng đối tượng khách hàng:** áp dụng các hoạt động Digital Marketing nhằm tiếp cận khách hàng bằng chi phí rẻ đồng thời tăng cơ hội tiếp cận tới nhóm khách hàng trẻ – tầng lớp mua sắm mới của thị trường.
- Công nghệ thông tin:** tập trung đầu tư và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến hiện đại đáp ứng các nhu cầu kinh doanh của toàn hệ thống cũng như yêu cầu quản trị điều hành tập trung
- Quan hệ cổ đông:** với tình hình diễn biến dịch bệnh Covid 19 phức tạp, HĐQT yêu cầu Ban giám đốc công ty xây dựng kênh truyền thông, thường xuyên cập nhật tới cổ đông tình hình hoạt động, các chính sách và chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty.
- Hoạt động quản trị công ty:** tham chiếu Bộ Nguyên tắc quản trị Công ty theo thông lệ thống nhất để cải thiện chất lượng quản trị nội bộ Công ty. Nội dung chi tiết vui lòng tham khảo Chương 4: Báo cáo quản trị Công ty.





CHƯƠNG

04

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- I. Giới thiệu các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát 40
- II. Báo cáo quản trị Công ty 42
- III. Báo cáo của Ban Kiểm soát 48

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG. LEE JAE EUN

- ▶ **Chức vụ:** Chủ tịch HĐQT- Phó Tổng Giám Đốc
- ▶ **Quốc tịch:** Hàn Quốc
- ▶ **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế trường ĐH Sung Kyun Kwan
- ▶ **Kinh nghiệm:**
 - 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính và Đầu tư tại Hàn Quốc.
 - Sau 15 năm điều hành với vai trò Tổng giám đốc, ông đã đưa Everpia trở thành một trong 20 công ty Hàn Quốc có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tốt nhất tại Việt Nam, TOP 100 doanh nghiệp phát triển bền vững.
- ▶ **Chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác:** Công ty cổ phần Texpia.
- ▶ **Cổ phiếu sở hữu:** 7.006.800 cổ phiếu EVE, tỷ lệ 16,7%



ÔNG. CHO YONG HWAN

- ▶ **Chức vụ:** Thành viên HĐQT- Phó Tổng Giám Đốc
- ▶ **Quốc tịch:** Hàn Quốc
- ▶ **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Công nghệ Hóa học Polymer tại trường ĐH Quốc gia Kyungbook.
- ▶ **Kinh nghiệm:**
 - Với kiến thức sâu rộng về hóa chất tổng hợp - Polymer, ông đã góp phần rất lớn trong việc cho ra mắt thương hiệu chần ga hàng đầu Việt Nam - Everon.
 - Gia nhập Everpia từ ngày đầu thành lập, ông đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì thị phần, phát triển sản phẩm mới, mở rộng kênh phân phối và gia tăng năng lực cạnh tranh cho EVE.
- ▶ **Chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác:** Không có
- ▶ **Cổ phiếu sở hữu:** 372.000 cổ phiếu EVE, tỷ lệ 0,89%



ÔNG. YU SUNG DAE

- ▶ **Chức vụ:** Thành viên HĐQT- Phó Tổng Giám Đốc
- ▶ **Quốc tịch:** Hàn Quốc
- ▶ **Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ chuyên ngành kế toán - Đại học Hanyang, Hàn Quốc
- ▶ **Kinh nghiệm:**
 - 26 năm kinh nghiệm làm việc tại PricewaterhouseCoopers, 28 năm là thành viên Hiệp hội kiểm toán Hàn Quốc.
 - Gia nhập Everpia với vai trò thành viên HĐQT điều hành, Phó Tổng giám đốc phụ trách các bộ phận Quản lý, ông đã có nhiều đóng góp trong việc xây dựng Báo cáo tài chính, Hệ thống kiểm soát rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế,
- ▶ **Chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác:** Không có
- ▶ **Cổ phiếu sở hữu:** 70.000 cổ phiếu EVE, tỷ lệ 0,17%



ÔNG. PARK SUNG JIN

- ▶ **Chức vụ:** Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc
- ▶ **Quốc tịch:** Hàn Quốc
- ▶ **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân quản trị kinh doanh - Trường Đại học Yonsei
- ▶ **Kinh nghiệm:**
 - 20 năm kinh nghiệm làm việc tại công ty quản lý vốn tại Hàn Quốc
 - Ông trực tiếp điều hành nhà máy Đồng Nai từ năm 2011. Dưới sự kiểm soát chặt chẽ của ông, hoạt động sản xuất tại nhà máy cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty tại thị trường phía Nam đã đóng góp một giá trị lớn cho doanh thu toàn Công ty.
- ▶ **Chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác:** Không có
- ▶ **Cổ phiếu sở hữu:** 93.030 cổ phiếu EVE, tỷ lệ 0,22%



BÀ. LÊ THỊ THU HIỀN

- ▶ **Chức vụ:** Thành viên độc lập Hội đồng quản trị
- ▶ **Quốc tịch:** Việt Nam
- ▶ **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tín dụng - Học viện Ngân hàng
- ▶ **Kinh nghiệm:**
 - Chứng chỉ sau đại học Fulbright - trường Kinh doanh Harvard.
 - Tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam từ những năm đầu với tư cách trưởng phòng Tư vấn, Tài chính doanh nghiệp, đã tư vấn cho nhiều công ty, tập đoàn, tổ chức kinh tế lớn trong nước.
 - Đảm nhiệm vị trí thành viên HĐQT độc lập trong suốt hai nhiệm kỳ, bà đã hỗ trợ rất lớn trong hoạt động Quan hệ nhà đầu tư và nâng cao hình ảnh Everpia trên thị trường tài chính trong nước.
- ▶ **Chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác:** Không có
- ▶ **Cổ phiếu sở hữu:** Không



ÔNG. LÊ KHẢ TUYÊN

- ▶ **Chức vụ:** Thành viên độc lập Hội đồng quản trị
- ▶ **Quốc tịch:** Việt Nam
- ▶ **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài chính Ngân hàng - Đại học Kinh tế quốc dân. Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học George Mason University - Mỹ
- ▶ **Kinh nghiệm:**
 - Ông có nhiều năm kinh nghiệm tại các vị trí quản lý cấp cao tại các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực về đầu tư và chứng khoán- Với tư cách là thành viên HĐQT độc lập, ông đã có nhiều đóng góp trong việc thiết lập quan hệ với các cơ quan quản lý nhà nước, tư vấn về các hoạt động đầu tư và cải thiện các hoạt động về công bố thông tin.
- ▶ **Chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác:** Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư Vinataba
- ▶ **Cổ phiếu sở hữu:** Không



BÀ. NGUYỄN LÊ HOÀNG YẾN

- ▶ **Chức vụ:** Thành viên độc lập Hội đồng quản trị
- ▶ **Quốc tịch:** Việt Nam
- ▶ **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Cử nhân Kinh tế đối ngoại tại Đại học
- ▶ **Ngoại thương TP. Hồ Chí Minh**
- ▶ **Kinh nghiệm:**
 - Là đại diện của Quỹ đầu tư Rhinos - đơn vị đã đầu tư hơn 10,100,000 USD trái phiếu chuyển đổi tại Everpia và hơn 60 tập đoàn lớn trên thế giới, những đóng góp của bà Yến thể hiện cái nhìn đa chiều, khách quan đối với các quyết định của HĐQT, góp phần giúp tăng tính minh bạch trong hoạt động Công bố thông tin và Quản trị Công ty
- ▶ **Chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác:** Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (Pharimexco)
- ▶ **Cổ phiếu sở hữu:** Không

BAN KIỂM SOÁT



ÔNG. TRƯƠNG TUẤN NGHĨA

- ▶ **Chức vụ:** Trưởng Ban Kiểm soát
- ▶ **Quốc tịch:** Việt Nam
- ▶ **Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng trường Paris Dauphine
- ▶ **Kinh nghiệm:**
 - Với gần 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính và Đầu tư, ông đã áp dụng những kiến thức và kinh nghiệm của mình trong việc xây dựng, điều hành và kiểm soát các hoạt động của Công ty.
 - Với những đóng góp của mình cho Công ty cho nhiệm kỳ vừa qua, ông Nghĩa được Đại hội đồng Cổ đông tin tưởng tiếp tục giao phó trọng trách Trưởng ban Kiểm soát cho nhiệm kỳ 2017-2021.
- ▶ **Cổ phiếu sở hữu:** 18.630 cổ phiếu EVE, tỷ lệ 0,04%



ÔNG. KO TAE YEON

- ▶ **Chức vụ:** Thành viên Ban Kiểm soát
- ▶ **Quốc tịch:** Hàn Quốc
- ▶ **Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Helsinki
- ▶ **Kinh nghiệm:**
 - Ông Ko từng đảm nhiệm các vị trí quản lý cấp cao tại Công ty Điện tử LG Electronic như: Giám đốc Bộ phận Marketing và Bán hàng tại Châu Á, Giám đốc Điều hành LG Electronic Vietnam
 - Hiện tại ông là Giám đốc điều hành Chi nhánh Công ty điện tử Heesung Electronic tại Việt Nam
- ▶ **Cổ phiếu sở hữu:** Không



ÔNG NGUYỄN ĐỨC HƯỚNG

- ▶ **Chức vụ:** Thành viên Ban Kiểm soát
- ▶ **Quốc tịch:** Việt Nam
- ▶ **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Quản trị Kinh doanh - Đại học Kinh tế quốc dân
- ▶ **Kinh nghiệm:**
 - Là chuyên gia trong lĩnh vực Kế toán và quản trị kinh doanh, ông Hướng sẽ góp phần thúc đẩy công tác cải thiện hệ thống kế toán của Công ty theo chuẩn mực kế toán.
- ▶ **Chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác:** Công ty CP Công nghệ và đầu tư VINAFINS
- ▶ **Cổ phiếu sở hữu:** Không



Nguyên tắc 1: Thiết lập rõ vai trò, trách nhiệm và cam kết của HĐQT

Vai trò, trách nhiệm của Hội đồng quản trị được định nghĩa rõ ràng trong Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty. Nội dung quy chế được xây dựng trên nền tảng quy định pháp luật hiện hành và có tham khảo thông lệ tốt của OECD, Asean scorecard cũng như từ các doanh nghiệp niêm yết lớn, nhằm mục tiêu thúc đẩy văn hóa quản trị tốt trong nội bộ Công ty. Các văn bản này đã được phê duyệt bởi Đại hội đồng Cổ đông và được công bố rộng rãi qua website công ty.

Tại Everpia, từ khi niêm yết đến năm 2019, Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc công ty. Là người điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày, ông hiểu rất rõ đặc thù hoạt động, ưu và nhược điểm của từng lĩnh vực kinh doanh. Trên cơ sở đó, Chủ tịch HĐQT phê duyệt chương trình nghị sự để đưa ra xem xét tại cuộc họp HĐQT, chịu trách nhiệm về vai trò của mình trong việc giám sát hoạt động kinh doanh và quản lý phù hợp với chính sách của HĐQT, kế hoạch kinh doanh và cơ cấu tổ chức của Công ty. Bắt đầu từ năm 2020, Everpia sẽ thực hiện phân tách hai vị trí này nhằm tăng cường tính độc lập, khách quan trong việc ra quyết định của HĐQT, từng bước hướng đến những chuẩn mực cao hơn.

Công tác quy hoạch đội ngũ kế cận của HĐQT và Ban điều hành bước đầu được xây dựng trên cơ sở đào tạo nhân lực quản lý cấp cao nội bộ kết hợp với tìm kiếm nhân sự chất lượng bên ngoài. Bên cạnh việc bồi dưỡng trình độ chuyên môn theo ngành dọc, các nhà lãnh đạo tương lai cũng được trau dồi các kiến thức về quản trị, năng lực lãnh đạo và các kỹ năng cần thiết khác để sẵn sàng đảm nhận công việc khi được giao trọng trách.

Nguyên tắc 2: Thiết lập một HĐQT có năng lực và chuyên nghiệp

Tại ngày 31/12/2019, HĐQT của Everpia gồm 07 thành viên, trong đó có 03/07 thành viên độc lập, 02/07 thành viên là nữ, với kiến thức chuyên môn phong phú từ vật liệu, kinh doanh cho tới tài chính, đầu tư. Cơ cấu thành viên HĐQT thể hiện sự đa dạng về chuyên môn, kỹ năng, kinh nghiệm, quốc tịch, giới tính, tạo nên một Hội đồng với cái nhìn đa chiều trên nhiều lĩnh vực với các đóng góp giá trị cho sự phát triển dài hạn của Công ty. Đây là những cá nhân được cổ đông chọn lọc và tin nhiệm thông qua bầu cử chính thức theo Quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm, bầu thay thế thành viên HĐQT, được quy định rõ ràng tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ công ty.

Các thành viên HĐQT bảo đảm rằng họ dành đầy đủ thời gian và sự chú ý cho công việc của mình tại Everpia. 100% các thành viên tham dự đầy đủ 09/09 cuộc họp HĐQT trong năm 2019 với nhiều ý kiến và tư vấn sắc nét cho từng nội dung được bàn thảo.

Ngày 11/10/2019, HĐQT ban hành Nghị quyết số 009/2019/HĐQT/NQ về việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty. Theo đó, người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm đối với 4 hoạt động chính là quản trị, tư vấn, truyền thông và tuân thủ, cụ thể là bảo đảm sự tuân thủ đối với các thủ tục liên quan đến quản trị; cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh cho các thành viên HĐQT; cầu nối giữa HĐQT và ban điều hành; phụ trách quan hệ cổ đông và quản lý các cuộc họp của cổ đông; bảo đảm sự tuân thủ đối với các quy định pháp lý.

Trong năm 2019, HĐQT Công ty chỉ thực hiện đào tạo nội bộ để cập nhật về Bộ Nguyên tắc quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước biên soạn và ban hành, ngoài ra chưa tham gia khóa đào tạo nào khác về Quản trị Công ty. Dự kiến trong thời gian tới, HĐQT sẽ xây dựng lộ trình cụ thể để nâng cao năng lực quản trị cho các thành viên, thông qua các hình thức đào tạo nội bộ kết, bên ngoài kết hợp mở rộng giao lưu tiếp cận với các xu hướng hiện hành về quản trị và các vấn đề khác.

Nguyên tắc 3: Bảo đảm vai trò lãnh đạo hiệu quả và tính độc lập của HĐQT

Với 03/07 thành viên độc lập, các quyết định của HĐQT luôn đạt được sự khách quan cần thiết, đủ khả năng thực hiện tốt chức năng giám sát và đánh giá một cách độc lập hoạt động của Ban điều hành. Các thành viên HĐQT độc lập có quyền tiếp cận riêng lẻ và độc lập các thông tin có liên quan thông qua Bộ phận Kế hoạch và Kế toán của công ty. Các thành viên HĐQT, đặc biệt các thành viên độc lập luôn được cung cấp thông tin đầy đủ, toàn diện, liên tục, kịp thời để tất cả các thành viên có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Đối với các cuộc họp quý, tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp luôn được gửi tới các thành viên HĐQT trước 07 ngày. Đối với trường hợp lấy ý kiến qua mail, toàn bộ tài liệu liên quan luôn được gửi trước tối thiểu 03 ngày để HĐQT có đủ thời gian đọc, xem xét và đưa ra các ý kiến có giá trị cao. Để chủ động trong lịch làm việc của các thành viên HĐQT, lịch họp định kỳ hàng quý cùng các sự kiện quan trọng của Công ty được lập và gửi tới toàn bộ thành viên HĐQT tại cuộc họp Quý IV năm liền trước.

Để đảm bảo tính độc lập, khách quan đối với các quyết định của HĐQT, thành viên có ràng buộc hay xung đột về lợi ích sẽ không được tham gia bỏ phiếu cho các vấn đề liên quan.

Thành viên HĐQT độc lập

Tiêu chuẩn thành viên HĐQT độc lập tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các yêu cầu của Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty của G20/OECD sửa đổi năm 2015. Một thành viên HĐQT độc lập là người không có quan hệ với Công ty, các công ty có liên quan hoặc với cán bộ quản lý mà có thể gây trở ngại hoặc có cơ sở hợp lý để tin rằng sẽ gây trở ngại, cho khả năng đưa ra xét đoán kinh doanh độc lập của thành viên đó nhằm phục vụ cho lợi ích cao nhất của công ty, và thành viên HĐQT đó phải độc lập về cả bản chất lẫn xét đoán. Đồng thời, các thành viên này không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Tại các cuộc họp hoặc thông qua email, các thành viên HĐQT độc lập cập nhật định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các nghị quyết của HĐQT (*):

STT	Số Nghị quyết/ QĐ	Ngày	Nội dung	Tình hình thực hiện
01	001/2019/HĐQT/NQ	25/01/2019	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019	Đã hoàn thành
02	002/2019/HĐQT/NQ	06/03/2019	Thông qua việc mở chi nhánh tại Khánh Hòa	Đã hoàn thành
03	003/2019/HĐQT/NQ	22/03/2019	Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2019 và phân phối lợi nhuận năm 2018	Đã hoàn thành
04	004/2019/HĐQT/NQ	03/05/2019	Thông qua việc nâng tổng hạn mức vốn đầu tư cho dự án tại Đồng Nai	Đã hoàn thành
05	005/2019/HĐQT/NQ	07/05/2019	Thông qua kế hoạch trả cổ tức năm 2018 bằng tiền	Đã hoàn thành
06	006/2019/HĐQT/NQ	28/06/2019	Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho hoạt động kiểm toán BCTC năm 2019	Đã hoàn thành
07	009/2019/HĐQT/NQ	11/10/2019	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	Đã hoàn thành

(*) 2/9 cuộc họp của HĐQT chỉ cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh và không ban hành Nghị quyết

Trên cơ sở các thông tin và hiểu biết về ngành, vận động của thị trường cũng như các công cụ tài chính, các thành viên độc lập đưa ra các ý kiến tư vấn, giúp Ban Giám đốc định hình chiến lược và đưa ra những quyết sách hợp lý, kịp thời. Trong năm 2019, các thành viên độc lập đã có những tư vấn quan trọng trong việc đẩy mạnh phát triển ngành nghề kinh doanh mới, vận dụng hiệu quả đòn bẩy tài chính và mở rộng quan hệ với các đối tác nước ngoài.

Do tất cả các vấn đề đều được đối thoại thẳng thắn, cởi mở và bình đẳng giữa các thành viên, bao gồm cả các thành viên HĐQT độc lập, và cho tới nay chúng tôi không gặp xung đột hay mâu thuẫn nào giữa các thành viên điều hành và thành viên độc lập nên chúng tôi không thực hiện việc bổ nhiệm Thành viên HĐQT độc lập đứng đầu.

Nguyên tắc 4: Thành lập các Ủy ban trực thuộc HĐQT

Everpia không thành lập các Tiểu ban HĐQT do quy mô hoạt động của Công ty không quá lớn, vẫn nằm trong tầm kiểm soát của HĐQT. Hơn nữa, các bộ phận chuyên trách, bộ phận Kiểm soát nội bộ cũng như đơn vị kiểm toán độc lập đã trợ giúp đắc lực cho HĐQT trong việc kiểm soát vận hành và quản trị rủi ro nội bộ.

Nguyên tắc 5: Bảo đảm Hoạt động hiệu quả của HĐQT

Trong năm 2019, HĐQT công ty đã tiến hành 09 phiên họp, trong đó có 4 phiên họp thường kỳ mỗi quý và các phiên họp lấy ý kiến khác. Các cuộc họp đều được thực hiện theo đúng các quy trình thủ tục với sự tham gia tích cực, đóng góp ý kiến và biểu quyết thông qua của các thành viên HĐQT.

Ngoài các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT, các cuộc họp trong năm 2019 chủ yếu xoay quanh các vấn đề liên quan đến việc thực hiện kế hoạch kinh doanh do ĐHCĐ giao phó; bám sát diễn biến của kết quả kinh doanh trong từng quý để có những quyết sách, chỉ đạo kịp thời phù hợp với các biến động của thị trường. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua dựa trên sự nhất trí cao của các thành viên nhằm đảm bảo lợi ích cao nhất của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.

Tại cuộc họp quý 4 hàng năm, HĐQT thực hiện rà soát và đánh giá kết quả hoạt động chung và từng thành viên trên cơ sở vai trò, nhiệm vụ đã định, kết quả kinh doanh công ty cũng như đóng góp chuyên môn của từng thành viên, đồng thời thống nhất mục tiêu và kế hoạch hành động cho năm tới.

Thù lao HĐQT

Mức thù lao cho HĐQT được Đại hội cổ đông thông qua tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên mỗi năm. Do doanh thu và lợi

nhuận các năm vừa qua không đạt kế hoạch như Đại hội đồng cổ đông đã giao phó nên thù lao cho HĐQT độc lập từ năm 2013 đến nay không tăng mà chỉ giữ nguyên.

Các thành viên HĐQT nắm giữ vị trí điều hành không nhận thù lao, chỉ nhận lương tương ứng với chức vụ và trọng trách đảm nhiệm. Cơ cấu thù lao các thành viên HĐQT độc lập được chi trả dựa trên đóng góp của từng thành viên.

Cơ cấu thù lao năm 2019 như sau:

Thành viên HĐQT	Chức danh	Thời gian làm việc	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
Lee Jae Eun	Chủ tịch HĐQT / Tổng giám đốc	1/1/2019- 31/12/2019	100%	0%	0%	100%
Cho Yong Hwan	Thành viên HĐQT Phó TGĐ	1/1/2019- 31/12/2019	100%	0%	0%	100%
Yu Sung Dae	Thành viên HĐQT Phó TGĐ	1/1/2019- 31/12/2019	100%	0%	0%	100%
Park Sung Jin	Thành viên HĐQT Phó TGĐ	1/1/2019- 31/12/2019	100%	0%	0%	100%
Lê Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT độc lập	1/1/2019- 31/12/2019	0%	0%	100%	100%
Lê Khả Tuyên	Thành viên HĐQT độc lập	1/1/2019- 31/12/2019	0%	0%	100%	100%
Nguyễn Lê Hoàng Yến	Thành viên HĐQT độc lập	1/1/2019- 31/12/2019	0%	0%	100%	100%

Thu nhập trước thuế các thành viên HĐQT điều hành:

Khoản mục	Năm 2018 (VND)	Năm 2019 (VND)	Tăng/giảm
Lương	16.289.007.189	15.001.068.797	-8%*
Thưởng	0%	0%	

(*) Lý do giảm: Nhận định kết quả kinh doanh năm 2019 không đạt được như kế hoạch được ĐHĐCĐ giao phó, các thành viên HĐQT điều hành đã tự nguyện cắt giảm 40% tiền lương của mình trong Q4.2019 như một cách để nhận trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ.

(Thưởng tính trên % lợi nhuận sau thuế)

Thù lao trước thuế cho các thành viên HĐQT không điều hành

Khoản mục	Năm 2018 (VND)	Năm 2019 (VND)
Thù lao	196.800.000	259.200.000

Mức thù lao cơ bản trên mỗi thành viên vẫn là 7.2 triệu đồng/tháng theo phê duyệt của ĐHĐCĐ.

Nguyên tắc 6: Thiết lập và duy trì văn hóa đạo đức Công ty

Ngay từ khi bắt đầu nhiệm kỳ mới vào năm 2017, HĐQT cùng Ban điều hành đã ký quyết định ban hành bản Nguyên tắc đạo đức kinh doanh, quy định 05 nguyên tắc ứng xử với các bên liên quan trọng yếu gồm:

01 Tôn trọng khách hàng

Cam kết với quốc gia và xã hội 02

03 Tôn trọng CBCNV

Đồng hành phát triển cùng đối tác 04

05 Coi trọng cổ đông

Những nguyên tắc này được HĐQT và Ban điều hành triệt để áp dụng để thiết lập văn hóa kinh doanh và chuẩn mực hành vi cho toàn bộ nhân viên Công ty. Theo đó, các chính sách, quy chế, quy định nội bộ cũng được xây dựng trên nền tảng trách nhiệm, công bằng và minh bạch này. Ngoài việc công bố bộ Nguyên tắc trên website Công ty tại đường link: <http://www.everpia.vn/everon/tro-giup/dao-duc-kinh-do-anh.aspx>, một đường dây nóng về đạo đức kinh doanh kết nối trực tiếp với bộ phận kiểm soát nội bộ cũng được thành lập, khuyến khích người nội bộ và các bên liên quan lên tiếng về các hành vi không đúng chuẩn mực và nêu cao tinh thần tuân thủ, góp phần xây dựng một Everpia minh bạch và bền vững.

Nguyên tắc 7: Thiết lập khung quản lý rủi ro và môi trường kiểm soát vững mạnh

Dưới sự giám sát của Ban Kiểm soát, HĐQT triển khai các hoạt động nhằm bảo vệ khoản đầu tư của các cổ đông và tài sản công ty. Để tuân thủ luật pháp và các quy định hiện hành, HĐQT xây dựng hệ thống kiểm soát rủi ro thông qua việc xác định chủ thể cấu trúc, thiết lập hệ thống giám sát phòng ngừa và theo dõi kết quả quản lý rủi ro theo khung quản trị của Đạo luật Sarbanes-Oxley năm 2002, dưới sự tư vấn hướng dẫn của đơn vị kiểm toán PwC.

Mô hình "ba tuyến phòng vệ" được áp dụng như một nguyên tắc cơ bản trong quản trị rủi ro nội bộ tại Everpia. Tuyến phòng vệ thứ ba, đơn vị kiểm toán độc lập, có vai trò rất quan trọng trong việc giám sát và bảo đảm tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh của Công ty, thông qua việc kiểm soát

đồng chày tài chính. Hiểu rõ điều đó, trong những năm vừa qua, HĐQT đều đề xuất 04 đơn vị kiểm toán quốc tế hàng đầu thế giới trình ĐHĐCĐ phê duyệt. Căn cứ vào khuyến nghị của Ban kiểm soát, HĐQT sẽ quyết định lựa chọn một đơn vị uy tín với mức chi phí hợp lý nhất, đảm bảo tính hiệu quả của quy trình kiểm toán. Việc ký kết hợp đồng kiểm toán được công bố thông tin đầy đủ trên website Công ty ngay tại ngày ký.

Định kỳ, căn cứ vào Báo cáo của bộ phận Kiểm soát nội bộ và công ty kiểm toán độc lập về hoạt động kiểm soát tài chính, vận hành, tuân thủ và công nghệ thông tin, HĐQT điều hành đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan và bảo vệ các tài sản quan trọng của Công ty khỏi các hành vi gian lận.

Nguyên tắc 8: Tăng cường hoạt động công bố thông tin của Công ty

HĐQT có trách nhiệm đánh giá một cách công bằng và dễ hiểu về thành tích, vị trí và triển vọng của Everpia thông qua Báo cáo tài chính quý và năm. Báo cáo tài chính hàng quý sẽ được công bố cho cổ đông trong vòng 30 ngày sau khi kết thúc mỗi quý, các báo cáo tài chính bán niên được phát hành cho các cổ đông trong vòng 45 ngày và báo cáo tài chính năm được công bố trong vòng 90 ngày sau khi kết thúc năm tài chính.

Ngoài báo cáo tài chính, Everpia luôn tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định hiện hành. Những thông tin này được cung cấp công khai bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh cho tất cả các cổ đông một cách đồng thời, bình đẳng, nhanh chóng và chính xác, thông qua Cổng thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM, Ủy ban chứng khoán nhà nước và website chính thức của Công ty. Đối với thông tin về môi trường và xã hội, hàng năm Công ty đều công bố Báo cáo phát triển bền vững, và bắt đầu áp dụng chuẩn mực Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (GRI) từ năm 2017.

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư chịu trách nhiệm quản lý, cập nhật liên tục các thông tin công bố; tiếp nhận và phản hồi trung thực các câu hỏi từ các nhà đầu tư, nhà phân tích; tổ chức các cuộc đối thoại, tiếp xúc trực tiếp và thăm quan nhà máy cho các nhà đầu tư và đơn vị chứng khoán. Thông tin liên lạc của bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư được trình bày trong phần Thông tin NĐT của Báo cáo thường niên này và cũng có sẵn trong phần Quan hệ cổ đông trên website công ty: <http://www.everpia.vn/everon/ir/tro-giup-nha-dau-tu.aspx>. Toàn bộ hoạt động truyền thông này nhằm mục đích thúc đẩy tiếp cận thông tin hiệu quả, dễ dàng và không phân biệt đối xử.

Ngoài ra, toàn bộ các thành viên của HĐQT và BKS đều được nhắc nhở và yêu cầu báo cáo cho Công ty tất cả các giao dịch cổ phiếu của cá nhân hoặc người liên quan trong vòng 03 ngày làm việc trước ngày phát sinh giao dịch hoặc sau khi hoàn thành giao dịch.

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ phát sinh trong năm 2019:

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lee Bang Hyun	Con trai chủ tịch HĐQT	500.000	1,19%	580.000	1,38%	Tăng tỷ lệ sở hữu do đã giao dịch mua 80.000 CP từ ngày 28/10/2019 đến 31/10/2019
2	Lee Jung Hyun	Con trai chủ tịch HĐQT	500.000	1,19%	580.000	1,38%	Tăng tỷ lệ sở hữu do đã giao dịch mua 80.000 CP từ ngày 11/12/2019 đến 13/12/2019





Nguyên tắc 9: Thiết lập khuôn khổ để thực hiện hiệu quả quyền của Cổ đông

Công ty công nhận và coi trọng quyền của các cổ đông, những người chủ sở hữu của Công ty. Quyền của Cổ đông được quy định cụ thể trong Điều lệ Công ty, bao gồm các quyền cơ bản đối với lượng cổ phần sở hữu, quyền ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phiếu sở hữu, và các quyền tiếp cận thông tin. Ngoài ra, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 06 tháng trở lên có thêm các quyền đề cử thành viên HĐQT & BKS, yêu cầu triệu tập ĐHCĐ, yêu cầu BKS rà soát các vấn đề cụ thể, kiểm tra danh sách các cổ đông và một số đặc quyền khác theo quy định.

Hoạt động Công bố thông tin

Bên cạnh việc công bố đầy đủ, chính xác, kịp thời, minh bạch những thông tin quan trọng có thể ảnh hưởng tới giá trị cổ phiếu hoặc quyết định nắm giữ cổ phiếu của cổ đông và duy trì kết nối với cổ đông thông qua các hoạt động quan hệ Nhà đầu tư, Everpia rất chú trọng công tác tổ chức ĐHCĐ, đảm bảo các cổ đông có đầy đủ thông tin và căn cứ để ra quyết định tại cuộc họp. Thông báo chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự họp được công bố tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Giấy mời họp và toàn bộ thông tin liên quan đến quyền biểu quyết của cổ đông:

Danh mục giao dịch với các bên liên quan trong năm 2019

Tên bên liên quan	Mối quan hệ với Công ty	Nội dung giao dịch	Thời điểm giao dịch	Số Nghị quyết của ĐHCĐ/HĐQT
Công ty Cổ phần Everpia Korea	Công ty con	Các giao dịch mua bán hàng hóa và dịch vụ	Trong năm 2019	009/2017/HĐQT/NQ

(Chi tiết giao dịch vui lòng tham khảo Thuyết minh số 31 tại Chương 6: Báo cáo tài chính)

Chính sách trả cổ tức

Về chính sách cổ tức, kể từ khi niêm yết, Công ty duy trì đều đặn cổ tức bằng tiền mặt hàng năm dựa trên chính sách phân phối lợi nhuận: 1/3 cho cổ tức, 1/3 đầu tư và 1/3 cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Từ năm 2016, do hoạt động tại các nhà máy đã đi vào ổn định và nhằm gia tăng lợi ích cho cổ đông, Ban Giám đốc và HĐQT công ty đề xuất thay đổi chính sách phân phối lợi nhuận theo hướng: 50% cho cổ tức và 50% cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó, năm 2018, Công

nội dung vấn đề lấy ý kiến, mẫu phiếu biểu quyết, trình tự, quy tắc bỏ phiếu đều được gửi trực tiếp cho cổ đông và/hoặc thông báo chi tiết trên website công ty tối thiểu 10 ngày trước ngày họp. Thông tin chi tiết về kinh nghiệm, lý lịch các ứng viên HĐQT và BKS đều được công bố đầy đủ, rõ ràng trong tài liệu họp. Trong cuộc họp, các câu hỏi của cổ đông đều được các thành viên HĐQT, Ban điều hành và BKS trả lời thỏa đáng, nhờ vậy các vấn đề đưa ra xin ý kiến đều đạt được sự thống nhất cao. Kết quả và biên bản họp được công bố trong vòng 24h kể từ khi ĐHCĐ kết thúc. Thực tiễn thực hiện cho Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019, công ty đã thực hiện CBTT về ngày đăng ký cuối cùng vào ngày 25/01/2019 cho ngày đăng ký chốt danh sách cổ đông vào ngày 12/03/2019, ngày tổ chức họp là ngày 19/04/2019.

Các giao dịch với bên liên quan được HĐQT kiểm soát và thực hiện nghiêm ngặt theo đúng phân quyền đã được quy định, đảm bảo sự minh bạch và đặt lợi ích Công ty hàng đầu. Các giao dịch này cũng được công bố mỗi 06 tháng trong Báo cáo quản trị Công ty.

ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền 1.000 đồng/cổ phiếu, với tổng giá trị chi trả là hơn 38 tỷ đồng. Danh sách cổ đông được nhận cổ tức năm 2018 được chốt vào ngày 07/06/2019 và được thanh toán vào ngày 19/06/2019.

Theo cam kết này, HĐQT cũng đã đề xuất dùng 50% lợi nhuận sau thuế năm 2019 để chi trả cổ tức bằng tiền mặt, tương ứng 9% mệnh giá (900 đồng/cổ phiếu) trình ĐHCĐ phê duyệt.

Nguyên tắc 10: Tăng cường tham gia hiệu quả của các bên có quyền lợi liên quan

Everpia tôn trọng lợi ích và quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đã được pháp luật công nhận hoặc được xác lập tại các hợp đồng giao dịch. Cam kết này được thể hiện qua bộ Nguyên tắc đạo đức kinh doanh và sự tuân

thủ nghiêm túc của Công ty đối với các quy định của pháp luật. Chi tiết hơn vui lòng tham khảo Báo cáo phát triển bền vững.

Kế hoạch hoạt động quản trị Công ty của HĐQT

Để tăng cường trách nhiệm của HĐQT, tuân thủ các chuẩn mực về trách nhiệm của HĐQT tại Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất, HĐQT xác định các kế hoạch hành động sau:



Tiếp tục duy trì các cuộc họp định kỳ hàng quý và các cuộc họp theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản nhằm kịp thời đưa ra những chỉ đạo, hướng dẫn cần thiết cho Ban Điều hành.

Thúc đẩy các hoạt động quan hệ Nhà đầu tư và Công bố thông tin, đảm bảo tính minh bạch, công bằng.



Tách biệt vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

Xây dựng lộ trình nâng cao năng lực quản trị cho Người phụ trách quản trị Công ty và các thành viên HĐQT, thông qua việc kết hợp đào tạo nội bộ và tham gia các khóa đào tạo bên ngoài về quản trị Công ty.

Nâng cao năng lực quản trị công ty trên cơ sở vận dụng các thông lệ Quốc tế tốt nhất để đảm bảo khai thác các nguồn lực hiệu quả, tạo ra các giá trị bền vững trong dài hạn.



Xây dựng ma trận kiến thức kỹ năng cho các thành viên HĐQT nhằm cụ thể hóa vai trò và trách nhiệm của từng thành viên.

Tăng cường chia sẻ thông tin, khuyến khích các thành viên HĐQT độc lập có những đánh giá, phân tích chuyên sâu các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, cung cấp những đề xuất có tính thực tiễn và khả thi trong chương trình nghị sự để HĐQT thảo luận và quyết định.

3.1. Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát

Với vai trò giám sát cao nhất, BKS luôn theo sát các phiên họp của HĐQT và cập nhật thông tin từ Ban điều hành để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ do ĐHCĐ giao phó, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

3.1.1 Các hoạt động chính của Ban Kiểm soát

- Kiểm tra tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Quyết định của HĐQT đảm bảo hợp lý, công khai, minh bạch.
- Giám sát tình hình hoạt động và tài chính Công ty: BKS đã kiểm tra các báo cáo tài chính Quý, bán niên và cả năm, các báo cáo tài chính kiểm toán nhằm đánh giá tính hợp lý và chính xác của các số liệu tài chính, chất vấn Ban điều hành và Hội đồng quản trị đối với những nội dung bất thường.
- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin, tổ chức họp ĐHCĐ đảm bảo tuân thủ, kịp thời, chính xác.
- Phối hợp với bộ phận Kiểm soát nội bộ trong việc thực thi nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, thực hiện rà soát định kỳ việc quản trị rủi ro nội bộ theo đạo luật Sarbanes-Oxley.

3.1.2 Các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong năm 2019

Trong năm 2019, BKS đã tiến hành 02 cuộc họp thường kỳ với sự tham gia đầy đủ của các thành viên và thực hiện trao đổi các nội dung thuộc thẩm quyền được giao:

Ngày họp 12/3/2019

- Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2018
- Đánh giá hiệu quả các hoạt động kiểm soát nội bộ năm 2018 và kế hoạch năm 2019
- Chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Ngày họp 06/11/2019

- Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh 09 tháng đầu năm 2019 của Công ty
- Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Ban điều hành
- Đánh giá hiệu quả các hoạt động kiểm soát nội bộ
- Cập nhật quy định mới liên quan đến Kiểm toán nội bộ tại Nghị định 05/2019/NĐ-CP ban hành ngày 22/01/2019 và lên phương án đào tạo, hỗ trợ triển khai cho HĐQT và Ban điều hành

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ dự họp
1	Ông Trương Tuấn Nghĩa	Trưởng Ban	21/04/2017	2/2	100%
2	Ông Ko Tae Yeon	Thành viên	20/04/2018	2/2	100%
3	Ông Nguyễn Đắc Hương	Thành viên	10/08/2018	2/2	100%

3.1.3. Thù lao của Ban Kiểm soát trong năm 2019

Trong năm, các thành viên BKS đã có rất nhiều đóng góp trong việc thực thi giám sát, tư vấn quản trị Công ty. Năm 2019, BKS đã được chi trả thù lao tổng cộng 259.200.000 VND, chi tiết:

Khoản mục	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Thù lao	259.200.000	249.600.000
Công tác phí	0	0
Tổng cộng	259.200.000	249.600.000

3.2. Báo cáo kết quả Kiểm soát năm 2019

3.2.1. Giám sát các hoạt động của Công ty

BKS ghi nhận không có điều gì bất thường trong hoạt động của các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc cũng như các bộ phận quản lý của Công ty. HĐQT và Ban Giám đốc đã vận hành công ty hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông

Công ty đã thực hiện đầy đủ các kế hoạch đề ra đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/ĐHCĐ2019/NG ngày 19/04/2019, bao gồm việc chi trả cổ tức bằng tiền, lựa chọn đơn vị kiểm toán tài chính độc lập, thù lao cho thành viên HĐQT và BKS.

Hoạt động kinh doanh

Hội đồng quản trị luôn bám sát mục tiêu và định hướng phát triển đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt để đưa ra các quyết định, giải pháp triển khai các nhiệm vụ cụ thể.

Hoạt động kinh doanh năm 2019 chưa đạt được kỳ vọng về doanh thu, lợi nhuận theo kế hoạch do nhiều nguyên nhân, tuy nhiên các ngành nghề kinh doanh mới như Màn hình, đệm Kingkoil bước đầu đã được người tiêu dùng đón nhận với số lượng và giá trị đơn hàng ngày một tăng. Hoạt động cải tổ cũng đạt được những thành tựu nhất định, góp phần cải thiện tỷ lệ lợi nhuận gộp. Các chỉ số tài chính về thanh khoản, tỷ lệ nợ, hiệu quả sử dụng tài sản và hoạt động đều ở mức ổn định và an toàn.

Công bố thông tin

Công tác hạch toán kế toán của công ty đã tuân thủ đúng chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Thực hiện các công tác cung cấp và công bố thông tin định kỳ và bất thường theo đúng quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở GDCK

TP HCM. Năm 2019, báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Everpia được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. BKS nhận thấy các báo cáo thể hiện đầy đủ, rõ ràng, phản ánh đúng tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, không có ý kiến loại trừ

3.2.2. Các tư vấn, khuyến nghị đã thực hiện

- Đối với hoạt động cải tổ nhà máy dưới sự tư vấn của chuyên gia Hàn Quốc, Ban kiểm soát đề nghị HĐQT và Ban Giám đốc đánh giá hiệu quả định kỳ hàng quý để có những điều chỉnh phù hợp. Sau khi nhận thấy hiệu quả và ý thức tự cải tổ được nâng lên rõ rệt, Công ty đã quyết định ngừng hợp đồng với chuyên gia cải tổ để tiết kiệm chi phí, tập trung nguồn lực cho hoạt động tự cải tổ.
- Cần nhắc chi phí và hiệu quả sau 2 năm triển khai đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, quảng cáo qua truyền hình, ban Kiểm soát đã đề xuất chuyển sang thúc đẩy hình thức digital marketing vốn đang thành trào lưu được ưa chuộng tại Việt Nam, chấm dứt hợp đồng đại diện thương hiệu với diễn viên Hàn Quốc Kim Tae Hee.
- Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản trị hàng tồn kho: rà soát hoàn thiện quy trình đặt hàng, sản xuất, giao hàng để hạn chế tối đa tồn kho tại cả nguyên vật liệu và thành phẩm.
- Tăng cường vai trò của Bộ phận Kiểm soát nội bộ, cập nhật với HĐQT và Ban điều hành về quy định mới liên quan đến Kiểm toán nội bộ tại Nghị định 05/2019/NĐ-CP ban hành ngày 22/01/2019, đồng thời hỗ trợ rà soát các quy định nội bộ liên quan để đáp ứng được yêu cầu thay đổi.
- Sử dụng hiệu quả số tiền thu được từ các đợt phát hành trái phiếu

3.3. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020

Ban Kiểm soát sẽ hỗ trợ giám sát tình hình tài chính, xem xét báo cáo đánh giá của Kiểm toán độc lập và giám sát việc thực thi những vấn đề được bên kiểm toán độc lập đưa ra, đồng thời giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ và tuân thủ trong doanh nghiệp thông qua việc phối hợp cùng bộ phận Kiểm soát nội bộ phân tích hiệu quả các chốt kiểm soát trọng yếu. Bên cạnh đó, trong năm 2020, Ban Kiểm soát cũng lên

kế hoạch thực hiện chuyên đề đánh giá chuyên sâu hiệu quả của các hoạt động tự cải tổ nhà máy, tư vấn cho Ban điều hành các chiến lược quản trị sản xuất hiệu quả, phù hợp với thực tế vận hành tại Công ty, và hỗ trợ Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong quá trình xây dựng quy chế và thành lập bộ phận Kiểm toán nội bộ theo quy định mới.



Chỉ với 5 giây
ngủ ngay lập tức!



CHƯƠNG

05

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

I. Phương pháp quản trị tổng thể	55
II. Chia sẻ các giá trị kinh tế	57
III. Đảm bảo môi trường bền vững	59
IV. Trách nhiệm xã hội	64
V. Bảng mục lục GRI	70



Lời mở đầu

Phát triển bền vững, vốn đã là một phần trong chính tên gọi của chúng tôi, Everpia.

Ẩn sâu bên trong cái tên là tầm nhìn và khát vọng về một thế giới tươi đẹp trường tồn. Đó cũng chính là kim chỉ nam cho mọi quyết định của chúng tôi, và sẽ tiếp tục dẫn lối cho Everpia trên con đường phía trước. Vì lẽ đó, phát triển bền vững là một phần không thể tách rời trong mọi hoạt động của doanh nghiệp.

Mặc dù vậy, chúng tôi hiểu rằng để làm tốt công tác này hoàn toàn không phải là một việc dễ dàng. Đó không đơn thuần chỉ là cân nhắc chọn lựa vật liệu nào thân thiện hơn với môi trường, mà hơn hết, điều đó cần xuất phát từ cái tâm - từ nhận thức rõ ràng về một phát triển bền vững xuyên suốt trong quá trình ra quyết định, có cân nhắc đến các tác động tiềm ẩn tới môi trường cũng như kinh tế và xã hội.

Everpia rất tự hào rằng, những cống hiến của mình cho sự phát triển bền vững đã được toàn xã hội công nhận. Năm 2019, Everpia vinh dự được Hội đồng phát triển bền vững Việt Nam trao giải thưởng Top 100 doanh nghiệp phát triển bền vững năm thứ 4 liên tiếp kể từ 2016. Thành tựu này chính là minh chứng rõ ràng cho cái tâm, cho những nỗ lực tận tụy, bền bỉ của mỗi thành viên Everpia vì sự phát triển bền vững.

Một trong những vấn đề cấp bách nhất của phát triển bền vững hiện nay là biến đổi khí hậu. Everpia rất trăn trở về việc làm thế nào để chung tay góp sức cho các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc, và nhận ra rằng, phần việc mình có thể đóng góp lớn nhất là Mục tiêu số 12: Đảm bảo các mô hình tiêu dùng và sản xuất bền vững. Tuy nhiên, chúng tôi cũng hiểu rằng sự nỗ lực của chỉ riêng Everpia là chưa đủ để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu. Sự phối hợp với các bên liên quan là yếu tố cần thiết để giữ vững và khuếch đại tầm ảnh hưởng. Everpia đã chính thức gia nhập Tổ chức hành động chống biến đổi khí hậu (Climate Action Corps) với vai trò thành viên sáng lập. Được điều phối bởi Hiệp hội ngành công nghiệp ngoài trời Hoa Kỳ (Outdoor Industry Association), Tổ chức là một diễn đàn hợp tác hiệu quả cho các Công ty có chung tầm nhìn và cam kết, cùng chia sẻ, hành động vì mục tiêu giảm lượng phát thải carbon của toàn ngành. Đây là cơ hội tốt để Everpia tiếp cận phương thức tính toán, rà soát lượng phát thải carbon của doanh nghiệp theo chuẩn mực quốc tế và chủ động lên phương án giảm thiểu một cách hiệu quả.

Là thương hiệu hàng may mặc gia đình hàng đầu Việt Nam và nhà cung cấp được tin nhiệm trong chuỗi dệt may và ngành công nghiệp ngoài trời toàn cầu, chúng tôi nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm của mình trong việc thúc đẩy phát triển ngành theo hướng bền vững hơn. Chúng tôi thiết lập các mục tiêu cụ thể để cắt giảm một nửa tác động môi trường, nâng cao đời sống của cộng đồng địa phương, quốc gia và cộng đồng quốc tế. Everpia đã thành lập Ủy ban phát triển bền vững để chủ động theo dõi tiến độ thực hiện và đánh giá hiệu quả các biện pháp cắt giảm khí nhà kính trên cơ sở mục tiêu đã đề ra.

Với việc ra mắt ấn phẩm toàn diện đầu tiên của Báo cáo phát triển bền vững, năm 2020 đánh dấu một cột mốc quan trọng giúp Everpia xác định lại vị trí hiện tại và hướng đi sắp tới trong hành trình phát triển bền vững của mình. Tôi hi vọng rằng các độc giả có thể chia sẻ tầm nhìn và đồng hành cùng chúng tôi trên chặng đường hướng tới một tương lai bền vững.

Tổng Giám đốc

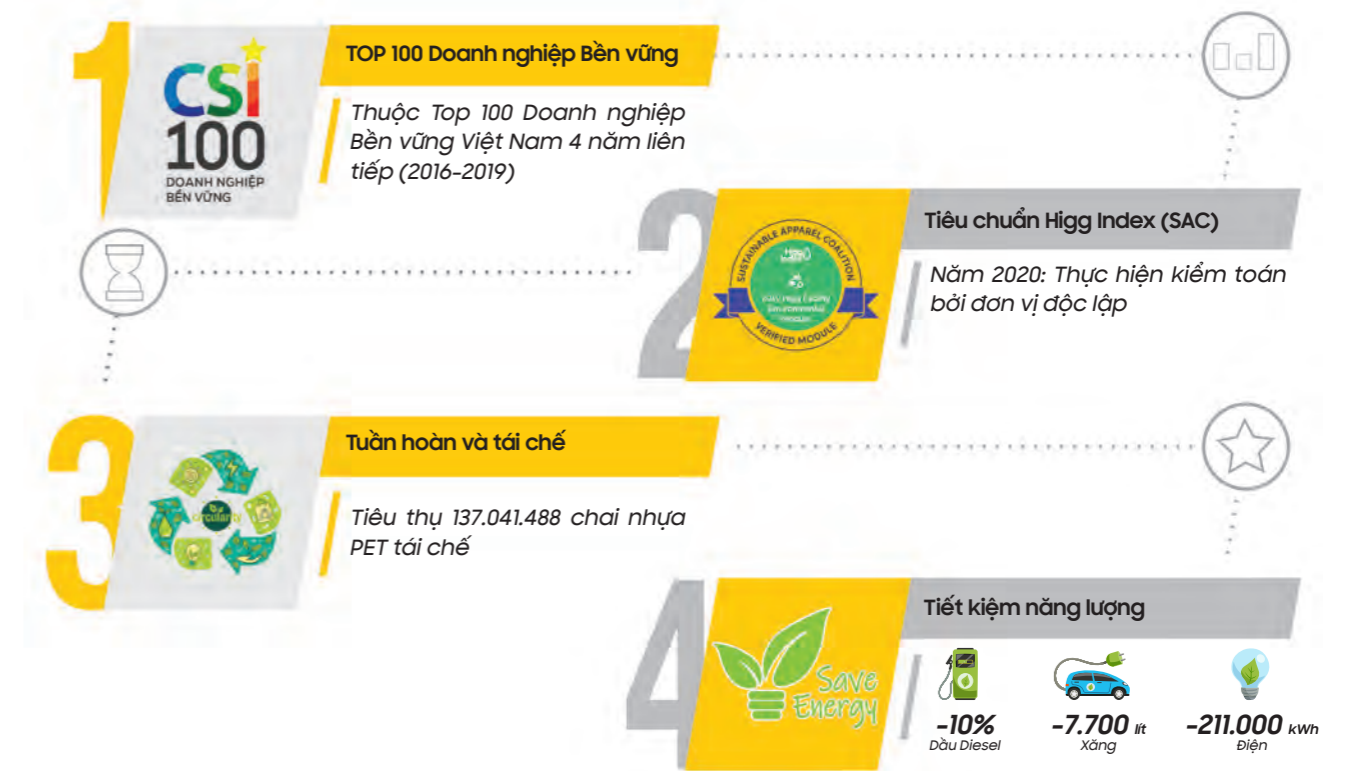


Lee Jae Eun

Mục tiêu hành động về Phát triển bền vững đến năm 2023

Lĩnh vực	Chủ đề	Đường cơ sở tại năm 2019	Mục tiêu	Năm hoàn thành	SDG
Cơ sở	Thiết lập mục tiêu		Cam kết mục tiêu thông qua tổ chức Science Based Target	2022	13
Môi trường	Mục tiêu cơ bản		Giảm một nửa tác động môi trường của doanh nghiệp	2023	
	Phát thải		Tính toán lượng phát thải khí nhà kính Cấp độ 1 và Cấp độ 2	2022	12, 13
				Tính toán lượng phát thải khí nhà kính Cấp độ 3	2023
	Năng lượng	7,70 MJ/kg	Giảm tiêu thụ năng lượng trên mỗi đơn vị sản phẩm bông 10%	2021	12, 13
			Tiếp cận nguồn năng lượng tái tạo	2021	12, 13
		67% tổng năng lượng	Giảm tỷ trọng năng lượng từ dầu diesel và LPG xuống 50%	2021	12, 13
	Nước	Level 1	Đạt level 2 theo Higg Index	2020	12
	Nước thải	Mức A	Duy trì chất lượng nước thải ở mức A	2020	12
	Hóa chất	Chưa hoàn thiện level 1	Hoàn thiện level 1 theo Higg Index	2020	12
	Nguyên liệu sản xuất chần ga	53% vải tự nhiên	Tăng tỷ trọng vải tự nhiên lên 70%	2022	12
	Bao bì sản phẩm	0%	Tăng tỷ lệ nhựa tái chế trong bao bì nhựa lên 50%	2022	12
		0%	Thay 20% lượng sử dụng bao bì nhựa bằng vật liệu khác thân thiện môi trường	2021	12
	Tái chế	47%	Tăng tỷ lệ sử dụng xơ tái chế lên 70% tổng lượng xơ dầu vào	2021	12
Xã hội	Mục tiêu cơ bản		Cải thiện đời sống cộng đồng địa phương và toàn xã hội Việt Nam	2023	
			Xây dựng văn hóa doanh nghiệp truyền cảm hứng	2023	8
	Bình đẳng giới	39% lãnh đạo cấp cao là nữ	Tăng tỷ lệ thành viên nữ trong bộ máy lãnh đạo	2021	5
	Phát triển sự nghiệp	4,9 giờ đào tạo	Phát triển các chương trình phát triển kỹ năng cho các cấp độ nhân viên	2022	8
	Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng		Lập chế độ ưu tiên người dân tộc thiểu số trong quá trình tuyển dụng	2020	8, 10
Phát triển cộng đồng		Cam kết dành 1-2% lợi nhuận cho các hoạt động phát triển cộng đồng	2020	10	

Các thành tựu nổi bật năm 2019



I PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ TỔNG THỂ

► 1.1 Phương pháp quản trị các vấn đề phát triển bền vững

Tại Everpia, các công tác về phát triển bền vững được quản lý và điều phối bởi một bộ phận chuyên trách là Ủy ban phát triển bền vững. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm cao nhất cho mọi hoạt động của Ủy ban, và các thành viên có trách nhiệm phát triển, thực thi các sáng kiến bền vững. Ưu tiên tính minh bạch trong hệ thống quản trị nội bộ, Everpia đã được lọt vào Top 5 đơn vị quản trị Công ty tốt nhất trong chương trình trao giải cho các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam. Để thúc đẩy cam kết hành động vì sự phát triển bền vững, Ủy ban nội bộ của chúng tôi sẽ chủ động theo dõi các tác động môi trường của Công ty, đánh giá tính hiệu quả của các biện pháp giảm thiểu tác động, cũng như thúc đẩy các thông lệ tốt hơn về trách nhiệm xã hội. Ủy ban cũng chịu trách nhiệm theo dõi, cập nhật và kiểm soát việc thực hiện

các quy định pháp luật liên quan nhằm mục tiêu kiểm soát tuân thủ.

Từ năm 2018, Everpia đã triển khai chương trình cải tổ toàn diện cho toàn bộ các nhà máy nhằm nâng cao hiệu quả việc quản lý nguồn lực trong sản xuất và tăng năng suất lao động. Chương trình này đã giúp chúng tôi hiểu rõ hơn về thực trạng sử dụng nguồn lực và thiết lập đường cơ sở để theo dõi hiệu quả công tác giảm thiểu tác động môi trường trong tương lai. Hàng loạt những sáng kiến từ chương trình Cải tổ Nhà máy đã góp phần xây dựng một văn hóa sản xuất tinh gọn và bền vững.

Everpia cũng hợp tác với các tổ chức quốc tế về phát triển bền vững nhằm tiếp cận những giải pháp thiết thực và hiệu quả hơn. Một số tổ chức và sáng kiến hiện Everpia đang tham gia gồm:

	Higg Index Modules (SAC)		Tiêu chuẩn tái chế toán cầu (GRS)
	Bộ tiêu chuẩn đánh giá tuân thủ trách nhiệm xã hội trong kinh doanh (BSCI)		OEKO-TEX
	Climate Action Corps điều phối bởi Outdoor Industry Association Hoa Kỳ		International Chiropractors Association
	ISO 14001		Các trường học tại địa phương

► 1.2 Tham vấn các bên liên quan

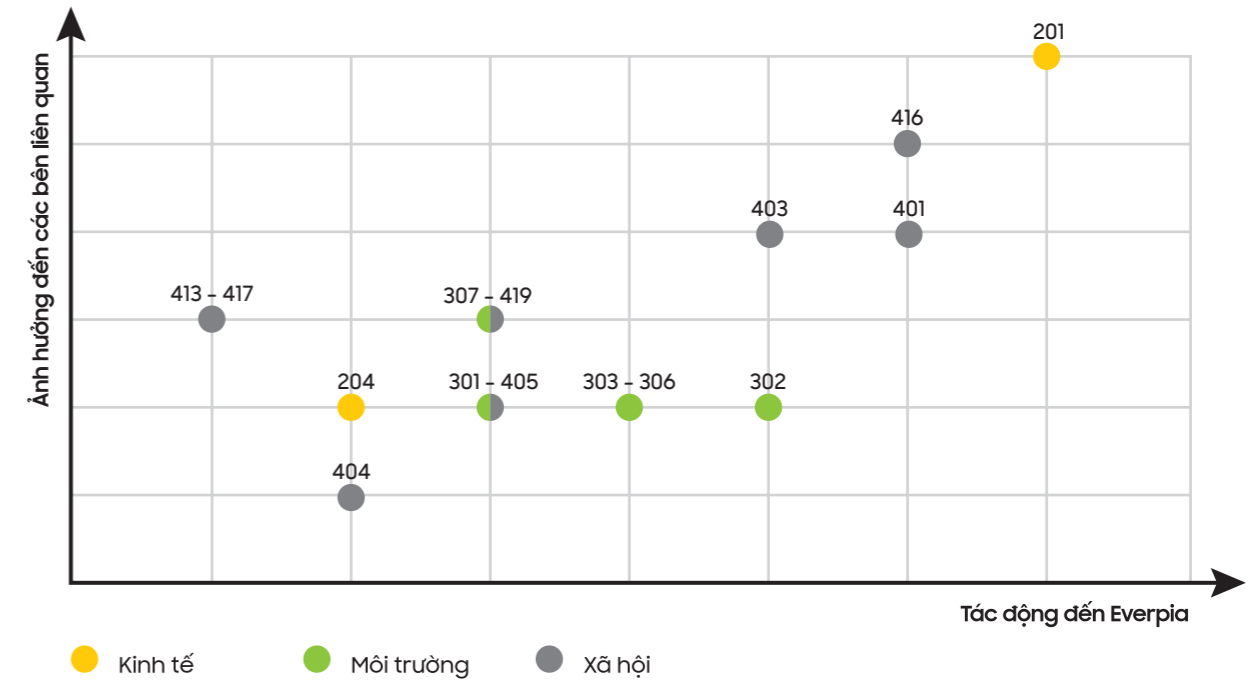
Everpia luôn nỗ lực cộng tác với các đối tác, tham gia nhiều chương trình sáng kiến khác nhau để cùng nhận diện và xử lý các vấn đề có thể ảnh hưởng tới các bên liên quan. Để xác định các bên liên quan trọng yếu, chúng tôi phân tích toàn bộ chuỗi giá trị của doanh nghiệp, bắt đầu bằng quá trình huy động vốn, mua nguyên vật liệu đầu vào, cho tới sản xuất và bán hàng tới người tiêu dùng.



Các bên liên quan	Nội dung
Khách hàng	Khách hàng là một trong những bên liên quan quý giá nhất. Thông qua bộ phận kinh doanh, chúng tôi gắn kết với khách hàng bằng nhiều kênh khác nhau: gặp mặt trực tiếp tại cửa hàng, văn phòng, hay qua các cuộc khảo sát trực tuyến. Nhận thấy rằng khách hàng đánh giá chúng tôi trên khía cạnh cam kết về chất lượng sản phẩm, dịch vụ hậu mãi, cũng như các mô tả và hướng dẫn rõ ràng, trung thực về sản phẩm, chúng tôi đã giới thiệu tới khách hàng về hệ thống kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt tại nhà máy và niêm yết rõ ràng các thông tin về sản phẩm theo đúng quy định.
Nhà cung cấp	Nhận định nhà cung cấp là đối tác kinh doanh chiến lược, Everpia triển khai một quy trình sàng lọc và lựa chọn nhà cung cấp. Việc đối thoại với nhà cung cấp được thực hiện bằng nhiều hình thức, bao gồm các buổi tham quan nhà máy, gặp gỡ nhà cung cấp, và giữ liên hệ thường xuyên. Vấn đề trọng yếu mà nhà cung cấp quan tâm chính là quy trình lựa chọn nhà cung cấp và quy chế mua hàng minh bạch, liêm chính. Everpia đã công bố các nguyên tắc đạo đức kinh doanh và cam kết chống tham nhũng trên website của Công ty.
Người lao động	Thành công của Everpia dựa trên khả năng thu hút, tuyển dụng, phát triển và giữ chân đội ngũ nhân viên. Chúng tôi phấn đấu tạo ra một môi trường làm việc không chỉ an toàn, khỏe mạnh mà còn khuyến khích sự phát triển cá nhân. Thông qua các cuộc đối thoại định kỳ với nhân viên từ các bộ phận khác nhau, chúng tôi hiểu và đáp ứng những mối quan tâm và yêu cầu chính đáng của người lao động như: chính sách lương và phúc lợi rõ ràng và công bằng, cơ hội đào tạo phát triển nghề nghiệp, và môi trường làm việc bình đẳng, dân chủ.
Nhà đầu tư	Kiến tạo giá trị lâu dài với lợi nhuận cao nhất cho cổ đông và các nhà đầu tư thông qua hoạt động kinh doanh bền vững là mục tiêu cơ bản của Everpia. Là một doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam, Everpia tham vấn với cổ đông và nhà đầu tư thông qua Đại hội cổ đông, các cuộc gặp mặt nhà đầu tư và đơn vị chứng khoán, cũng như các báo cáo tài chính định kỳ. Mối bận tâm chính của họ là đảm bảo tính minh bạch và kịp thời các quyết định quản trị, khả năng sinh lời cũng như lợi ích kinh tế. Everpia đã triển khai áp dụng đạo luật Sarbanes - Oxley và IFRS nhằm nâng cao trách nhiệm cũng như tính minh bạch trong quản trị công ty.
Cộng đồng và chính quyền địa phương	Là một chủ thể kinh doanh trong xã hội, chúng tôi nhận thức được vai trò, trách nhiệm của mình trong việc thúc đẩy sự phát triển, thịnh vượng của cộng đồng địa phương và xã hội Việt Nam nói chung, thông qua giải quyết việc làm cho lao động địa phương; đóng góp, hỗ trợ cho cộng đồng thông qua các hoạt động tài trợ giáo dục, đầu tư cho các thể hệ tương lai. Bên cạnh đó, chúng tôi luôn nỗ lực giảm thiểu tác động tới môi trường sống trên địa bàn bằng cách nghiêm túc tuân thủ các quy định tại địa phương và thông lệ trên thế giới. Cộng đồng và chính quyền địa phương sẽ đánh giá doanh nghiệp trên khía cạnh tuân thủ các quy định về kinh tế, môi trường và xã hội.

► 1.3 Ma trận tính trọng yếu

Đối với một doanh nghiệp sản xuất- kinh doanh như Everpia, việc gắn kết và nắm bắt nhu cầu cũng như mong đợi của các bên liên quan chính đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển của công ty. Những vấn đề trọng yếu được tổng hợp và phân loại dựa theo Bộ tiêu chuẩn báo cáo phát triển bền vững GRI.



Sau khi phân tích tính trọng yếu của các vấn đề trên cơ sở đánh giá tầm ảnh hưởng và tác động tương ứng, Everpia xác định phạm vi các chủ đề báo cáo như sau:

201	Hiệu quả hoạt động kinh tế	403	An toàn và sức khỏe nghề nghiệp
204	Thông lệ mua sắm	404	Giáo dục và đào tạo
301	Vật Liệu	413	Cộng đồng địa phương
302	Năng lượng	416	An toàn và sức khỏe của khách hàng
303	Nước và nước thải	417	Tiếp thị và nhãn hiệu
306	Nước thải và chất thải	419	Tuân thủ về kinh tế - xã hội
307	Tuân thủ về môi trường	405	Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng
401	Việc làm		

II CHIA SẺ CÁC GIÁ TRỊ KINH TẾ

Chúng tôi hiểu rằng hiệu quả kinh tế là thước đo định lượng cơ bản nhất phản ánh tầm ảnh hưởng và trách nhiệm của doanh nghiệp tới các bên liên quan. Tác động của hiệu quả kinh tế tới mỗi bên liên quan được đo lường thông qua các chỉ số về doanh thu, cấu phần chi phí, giá trị cổ tức, thuế nộp ngân sách Nhà nước, đóng góp xã hội,... Những chỉ số này là hân thù biểu quan trọng, luôn được Everpia theo dõi sát sao nhằm duy trì những tác động tích cực đến các bên liên quan.

Everpia quản lý chủ đề này thông qua 03 nhóm hành động:

- (1) thiết lập các mục tiêu tài chính cho toàn Công ty và mỗi phòng ban;
- (2) ban hành các chính sách thúc đẩy bán như: chính sách thưởng kinh doanh, chính sách khuyến mại,...
- (3) kiểm soát tính chính xác của dữ liệu kế toán. Việc thực hiện quản trị tốt về Hiệu quả kinh tế giúp Công ty luôn xác định rõ vị trí và hướng đi của mình, từng bước hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững trong dài hạn.

Các cấu phần của phương pháp quản trị:

Chính sách	<ul style="list-style-type: none"> Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận 2019 (Phòng Kế hoạch, 18/02/2019) Tỷ lệ SG&A năm 2019 (Phòng Kế hoạch, 20/02/2019) Chính sách lương kinh doanh cho bộ phận bán hàng (Phòng Kế hoạch) Chính sách thưởng cho đại lý (Phòng Marketing) Hướng dẫn sử dụng ERP (IT team)
Cam kết	<ul style="list-style-type: none"> Luật doanh nghiệp 2014 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) Các luật và quy định về thuế Báo cáo tài chính theo chuẩn IFRS
Mục tiêu	<ul style="list-style-type: none"> Doanh thu 2019: 1.300 tỷ đồng, tăng 10% so với 2018 Lợi nhuận 2019: 100 tỷ đồng, tỷ lệ 7,7% trên doanh thu
Trách nhiệm	<ul style="list-style-type: none"> Tổng Giám đốc
Nguồn lực	<ul style="list-style-type: none"> Toàn bộ các phòng ban trong công ty, với chức năng và nhiệm vụ của mình, cùng nỗ lực và đóng góp vào việc hoàn thành mục tiêu doanh thu và lợi nhuận toàn công ty.
Các hành động cụ thể	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện báo cáo bán hàng hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng Lãnh đạo cấp cao họp hàng tuần để cập nhật kết quả kinh doanh và đưa ra quyết sách tương ứng Các chính sách thúc đẩy bán và chương trình khuyến mại theo sát mục tiêu kinh doanh

Đối với chủ đề này, Everpia đánh giá phương pháp quản trị dựa trên cơ chế kết hợp kiểm soát nội bộ và kiểm toán độc lập. Các chính sách về kinh doanh, bao gồm chiến lược kinh doanh, được các bộ phận đồng thuận trước khi ban hành, và sẽ được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt nếu cần. Các trường hợp phát sinh ngoài chính sách sẽ được báo cáo lại và ghi nhận để sửa đổi trong năm sau. Trong năm 2019, chúng tôi đã áp dụng chính sách lương kinh doanh mới cho các bộ phận bán hàng, tiến hành thay chính sách thưởng cho đại lý bằng

chính sách chiết khấu theo từng dòng sản phẩm, và thực hiện điều chỉnh tỷ lệ SG&A cho các bộ phận kinh doanh căn cứ trên số liệu 2018. Đối với việc ghi nhận các dữ liệu kế toán, thông tin ghi nhận vào hệ thống đều phải được rà soát bởi: (i) Trưởng bộ phận; (ii) Bộ phận kiểm soát nội bộ; (iii) Bộ phận tài chính kế toán. Báo cáo tài chính 06 tháng và cả năm đều được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán độc lập, được chấp thuận bởi Đại hội đồng cổ đông.

Giá trị kinh tế tạo ra và được phân bổ

(Đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	2018	2019
Doanh thu tạo ra	1.182.046.477.206	1.044.036.295.472
Doanh thu được phân bổ	1.105.834.082.550	967.805.113.884
<i>Bao gồm</i>		
Chi phí hoạt động	793.467.837.479	647.649.159.987
Chi phí lương & phúc lợi nhân viên	232.177.856.627	226.778.615.009
Chi phí vốn	56.272.193.569	51.807.853.121
Nộp Ngân sách nhà nước	23.140.169.143	39.034.485.767
Đầu tư cộng đồng	776.025.732	2.535.000.000
Doanh thu tạo ra chưa phân bổ	76.212.394.656	76.231.181.588

► 2.1 Giá trị chia sẻ với nhà cung cấp

Cấu phần chi phí vận hành gồm giá trị mua vào từ các nhà cung cấp, bao gồm nguyên vật liệu, các sản phẩm và dịch vụ mua ngoài. Là một đơn vị sản xuất, cấu phần này chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng giá trị kinh tế được phân bổ của Everpia, tới gần 67%, tương đương 647,6 tỷ đồng trong năm

2019. Giá trị kinh tế phân bổ cho các nhà cung cấp đầu vào giảm so với 2018 do Công ty thay đổi chính sách tồn kho, giảm lượng dự trữ nguyên vật liệu cho sản xuất và tăng cường tận dụng, xử lý tồn kho.

► 2.2 Giá trị chia sẻ với Nhà đầu tư

Chúng tôi rất trân trọng sự đồng hành của các Cổ đông, quỹ đầu tư và nhà băng trong hành trình hiện thực hóa sứ mệnh Kiến tạo giá trị của Công ty. Trong năm 2019, Everpia đã dành hơn 50% tổng lợi nhuận sau thuế của mình, tương đương 38 tỷ đồng để chia cổ tức bằng tiền mặt cho các cổ đông hiện hữu, tương ứng tỷ lệ chi trả 10% trên mệnh giá cổ phiếu. Tổng chi phí lãi vay đã trả trong năm 2019 cho các tổ chức tín dụng và trái chủ là 13,7 tỷ đồng.

Khoản mục	2018	2019
Cổ tức tiền mặt	39.805.509.500	38.038.781.750
Chi phí lãi vay	16.466.684.069	13.769.071.371
Tổng	56.272.193.569	51.807.853.121

► 2.3 Giá trị chia sẻ với Chính quyền địa phương

Chúng tôi hiểu rằng việc nộp thuế vào Ngân sách nhà nước không chỉ là nghĩa vụ cần làm của doanh nghiệp mà là cách gián tiếp để doanh nghiệp san sẻ trách nhiệm cộng đồng với chính quyền. Vì vậy, Everpia luôn rất nghiêm túc, chủ động và minh bạch trong việc kê khai và nộp thuế. Tổng giá trị thuế phải nộp trong năm của Everpia là 39 tỷ đồng, bao gồm 22,6 tỷ đồng tiền thuế thu nhập doanh nghiệp và 16 tỷ đồng tiền thuế khác.

Tuy nhiên, một quy mô hoạt động lớn với gần 1.500 cán bộ nhân viên và hơn 1.000 tỷ doanh thu mỗi năm, việc phát sinh nhầm lẫn trong vận hành là không thể tránh khỏi. Trong năm 2019, Công ty đã phát sinh 02 khoản phạt về thuế do mất hóa đơn và khai nhầm thuế, tuy nhiên hậu quả không lớn nên giá trị tiền phạt không đáng kể với tổng giá trị là 12 triệu đồng.

► 2.4 Giá trị chia sẻ với cộng đồng địa phương

Giá trị của sự sẻ chia là lan toả những giá trị tốt đẹp và tích cực trong cộng đồng. Tại Everpia, chúng tôi đặc biệt quan tâm tới vấn đề giáo dục và sức khỏe cộng đồng, thông qua các hành động cụ thể thiết thực. Chi tiết vui lòng tham khảo

mục "Trách nhiệm với Cộng đồng". Trong năm 2019, Everpia đã đóng góp 2.535.000.000 VNĐ cho cộng đồng địa phương thông qua các hoạt động tài trợ học bổng và đầu tư cơ sở hạ tầng cho trường học, tăng 227% so với năm 2018.

► 2.5 Giá trị chia sẻ với người lao động

Với gần 1.500 cán bộ công nhân viên làm việc tại 03 nhà máy và 07 chi nhánh trải dài từ Bắc vào Nam, chúng tôi cực kỳ thấu hiểu mối tương quan sâu sắc giữa thành công của mỗi cá nhân và thành tựu chung của tổ chức. Vì vậy, bên cạnh việc đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về việc chi trả lương và các chế độ bảo hiểm, Everpia luôn nỗ lực cải tiến các chính sách lương kinh doanh cũng như ban hành nhiều chương trình thưởng sáng kiến, nâng cao chất lượng môi trường làm việc nhằm tạo và duy trì động lực phấn đấu cho cán bộ nhân viên. Chi tiết vui lòng tham khảo mục "Kết nối với Cán bộ công nhân viên".

Khoản mục	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ
Tổng lương trước thuế	187.455.965.000	83%
Phúc lợi	15.315.568.068	7%
Giá trị bảo hiểm chi trả bởi công ty	24.007.081.942	11%
Tổng	226.778.615.009	100%

III ĐẢM BẢO MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG

Ngành may mặc - dệt may là một trong những ngành chủ chốt gây ra tác động lớn nhất đối với sự xuống cấp của môi trường như hiện nay, chịu trách nhiệm cho 8,1% tác động biến đổi khí hậu và 20% tổng lượng nước thải toàn cầu. Là một mắt xích trong chuỗi cung ứng dệt may toàn cầu, chúng tôi ý thức rất rõ tính cần thiết và cấp bách của việc đảm bảo tính bền vững về môi trường trong quá trình sản xuất. Ủy ban Phát triển bền vững của Everpia tham gia giám sát từ việc lựa chọn nguyên vật liệu, sử dụng năng lượng, nước, cho tới xử lý nước thải, chất thải, khí thải tại cả 03 nhà máy Hà Nội, Hưng Yên và Đồng Nai.

Chúng tôi quản trị các chủ đề về môi trường qua 03 bước: (1) Chỉ định cán bộ phụ trách từng vấn đề tại từng nhà máy; (2) Thực hiện các phương pháp, biện pháp để định lượng mức độ sử dụng hoặc phát thải đối với từng chủ đề; (3) Thiết lập mục tiêu kèm các chiến lược hành động, lấy dữ liệu năm 2019 làm dữ liệu cơ sở để đo lường mức độ cải thiện, định kỳ đánh giá tiến độ hoàn thành mục tiêu.

Cấu phần phương pháp quản trị sẽ được trình bày chi tiết tại mỗi chủ đề.

Việc đánh giá phương pháp quản trị được thực hiện thông qua Kiểm soát nội bộ và kiểm toán độc lập. Cụ thể: (1) Kiểm soát nội bộ: Ủy ban phát triển bền vững tiến hành họp cập nhật tình hình thực hiện tất cả các vấn đề định kỳ hàng quý, và hàng năm sẽ báo cáo Ban Giám đốc vào cuộc họp tổng kết kinh doanh đầu năm; (2) Kiểm soát độc lập: thực hiện báo cáo theo module về môi trường của Higg Index, thuê bên thứ 3 độc lập theo chỉ định của SAC - đơn vị quản lý Higg Index - thực hiện kiểm soát trực tiếp tại nhà máy hàng năm; thông qua các đợt kiểm tra nhà máy của khách hàng. Sau các đợt đánh giá trên, Công ty sẽ so sánh thực tế thực hiện với mục tiêu và tiến hành điều chỉnh mục tiêu hoặc phương án hành động nếu cần thiết. Năm 2020 là năm đầu tiên Công ty đặt ra Chiến lược môi trường trung hạn nên hiện chưa có thay đổi nào phát sinh.

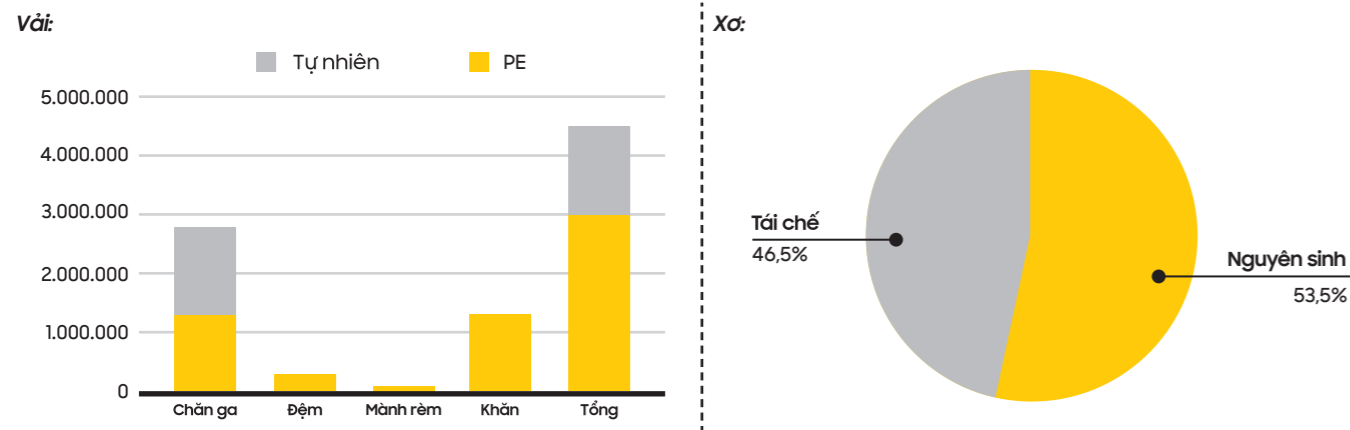
3.1 Lựa chọn nguyên liệu bền vững

Hành trình phát triển bền vững của chúng tôi khởi đầu bằng việc lựa chọn nguyên vật liệu. Khâu lựa chọn này tác động đáng kể đến toàn bộ chu trình sản xuất, tiêu thụ và thải bỏ. Chúng tôi mong muốn sử dụng các nguyên liệu bền lâu và không gây ra tác hại không đáng có cho môi trường. Mục tiêu của chúng tôi là tăng tỷ lệ sử dụng các nguyên liệu bền vững đối với từng loại nguyên vật liệu chính. Để thực hiện mục tiêu này, Everpia làm việc với chuỗi cung ứng để thúc đẩy sử dụng các nguyên liệu được chứng nhận thân thiện với môi trường, tạo ra bởi một chu trình sản xuất bền vững.

Số lượng tiêu thụ các nguyên vật liệu chính:

Nguyên vật liệu	ĐVT	2017	2018	2019	+/-
Vải	m	4.287.090	4.346.526	4.479.085	3%
Xơ	kg	4.989.525	5.941.128	4.337.873	-27%
Resin	kg	1.041.208	1.110.366	1.020.400	-8%
Túi	Chiếc	651.479	622.183	1.566.867	152%
Nhãn mác, catalogue,...	Chiếc	3.162.706	3.574.013	7.621.462	113%

Phân loại nguyên liệu tái tạo và không tái tạo đối với một số nguyên liệu chính:



Vải

Tại Việt Nam, các sản phẩm dệt may phải tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về hàm lượng hóa chất trong các sản phẩm theo thông tư 21/2017/TT-BCT của Bộ công thương. 100% các loại vải sử dụng cho chăn ga, đệm và các mặt hàng rèm của Everon đều không chứa chất độc hại như formaldehyde, chất thơm hóa học theo đúng quy định của pháp luật.

Với 4.479.085 mét vải được tiêu thụ trong năm 2019, lượng vải sử dụng cho các sản phẩm chăn ga chiếm tỉ trọng lớn nhất trong tổng nguyên vật liệu đầu vào của Everpia hàng năm. Trong đó, 53% có nguồn gốc bền vững. Chúng tôi sẽ tiếp tục tăng dần tỷ trọng vải có nguồn gốc tự nhiên như: Cotton, Tencel, Modal và Bamboo, thay thế cho vải có nguồn gốc dầu mỏ như Polyester,

Bao bì sản phẩm

Một vấn đề khác trong việc sử dụng nguyên liệu là bao bì sản phẩm làm từ polyethylene (PE) và nylon. Đối với các sản phẩm Chăn ga gối đệm và Bông tấm, công tác bảo quản sản phẩm tránh bị ẩm, nấm mốc,... hết sức quan trọng. PE và nylon là chất liệu phù hợp nhất với yêu cầu này vì độ bền cao, có thể bảo quản tốt sản phẩm khi không sử dụng. Tuy nhiên, để giảm thiểu

Đảm bảo tiêu chuẩn cao về tính bền vững trong nguyên liệu là một trong những thách thức lớn nhất đối với chúng tôi do tính chất đa dạng trong danh mục sản phẩm. Từ mỗi sợi chỉ của tấm chăn Everon đến từng lõi thép trong đệm lò xo King-Koil, chúng tôi luôn cố gắng đảm bảo rằng sản phẩm của Everpia không chỉ vượt tiêu chuẩn luật định mà còn đáp ứng được những yêu cầu quốc tế khắt khe về tính bền vững của nguyên liệu.

Polypropylene. Những loại vải mới này được làm từ sợi tự nhiên (bông hoặc bột gỗ) vừa thân thiện với môi trường và tốt cho sức khỏe con người.

Đối với vải làm vỏ đệm và màn hình rèm, bắt buộc phải sử dụng chất liệu polyester để đảm bảo độ bền và hình dáng sản phẩm, chúng tôi đã ưu tiên lựa chọn các loại vải có chứng chỉ Oeko-Tex, Greenguard, hoặc mua từ các nhà cung cấp được chúng tôi nhận tuân thủ về quản lý chất lượng ISO 9001:2009/ISO 9001:2008. Đối với các loại vải chưa đáp ứng được những tiêu chí trên, chúng tôi đưa sản phẩm sau sản xuất đi kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn Fiti về độ an toàn sản phẩm trước khi giao đến tay người tiêu dùng.

tác động môi trường của loại vật liệu nhựa này, chúng tôi đã lựa chọn nhà cung cấp có quy trình sản xuất bền vững hơn. Trong tương lai, Everpia đặt mục tiêu thay thế bao bì với chất liệu có nguồn gốc dầu mỏ sang những chất liệu có khả năng tái tạo cao hơn.

3.2 Thực hành sản xuất có trách nhiệm

Chúng tôi quản lý và chịu trách nhiệm toàn phần đối với toàn bộ các hoạt động sản xuất của mình. Chương trình Cải tổ nhà máy và các sáng kiến giảm thiểu tác động môi trường tiếp tục được triển khai rộng rãi thể hiện nỗ lực của Everpia trong việc đảm bảo những thông lệ sản xuất bền vững nhất được áp dụng tại các nhà máy. Đến năm 2023, Everpia đặt mục tiêu tăng nguồn năng lượng tái tạo, tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên và giảm thiểu tiêu thụ nước cũng như phát thải, xả thải.

Đảm bảo thực hiện phát triển bền vững tại cả 03 nhà máy sản xuất thực sự là một thử thách lớn. Mỗi dây chuyền sản xuất lại có những vấn đề khác nhau trên khía cạnh tiêu thụ năng lượng, nước, quản lý hóa chất hay kiểm soát chất thải, nước thải. Chúng tôi tiến hành đánh giá kỹ lưỡng tác động của những

hoạt động sản xuất kinh doanh của mình tới môi trường xung quanh trước khi đi vào vận hành, và thực hiện quan trắc chất lượng môi trường hàng năm trên các khía cạnh về môi trường như chất lượng không khí, chất lượng nước, nước thải,...

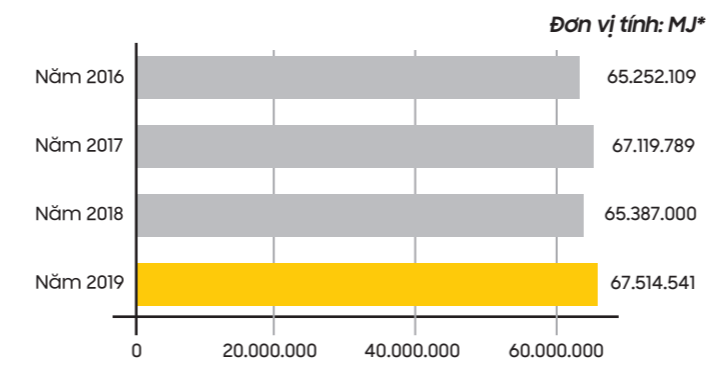
Chúng tôi hợp tác chặt chẽ với các tổ chức quốc tế như: Liên đoàn may mặc bền vững (Sustainable Apparel Coalition), Diễn đàn dệt may (Textile Exchange) và NQA để quản trị tác động môi trường và đảm bảo hoạt động sản xuất của Everpia đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế. Cả 03 nhà máy đều được chứng nhận bởi (NQA) về quản lý môi trường theo tiêu chuẩn BS EN ISO 14001:2004 từ năm 2015 đến nay. Đầu năm 2020, Everpia là một trong những đơn vị sản xuất đầu tiên thực hiện kiểm toán độc lập chỉ số Higg Index.

3.2.1 Năng lượng

Khủng hoảng năng lượng cùng với biến đổi khí hậu đang là mối quan tâm lớn đối với nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam. Trong những năm qua, Everpia đã và đang nỗ lực để cải tiến việc sử dụng năng lượng một cách hiệu quả hơn, tiết kiệm hơn và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

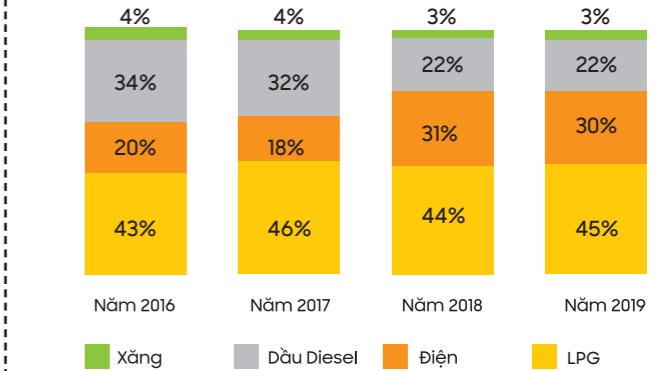
Từ năm 2017, Everpia đã đầu tư vào việc chuyển hướng sử dụng từ nguồn năng lượng kém bền vững như dầu diesel sang loại bền vững hơn là điện. Nhờ vậy mà sang năm 2018, lượng tiêu thụ dầu diesel giảm 10% và điện tiêu thụ tăng tương ứng 13%. Sự thay đổi cấu trúc này đánh dấu bước khởi đầu trong việc ứng dụng nguồn năng lượng tái tạo vào sản xuất tại Everpia.

Tổng năng lượng tiêu thụ



(*) Hệ số quy đổi năng lượng sang MJ: Áp dụng theo Higg Index

Cấu phần sử dụng theo nguồn năng lượng



ĐVT: MJ	Lượng tiêu thụ	Tỷ trọng
Điện	20.159.762	30%
Năng lượng không tái tạo	47.405.102	70%
Tổng	67.564.864	100%

Sản xuất bông tấm là mảng tiêu thụ nhiều năng lượng nhất tại Everpia, với 62% tổng năng lượng tiêu thụ trong năm của toàn công ty, trong đó phần năng lượng sử dụng nhiều nhất là LPG (chiếm 45%). Bảng dưới đây thể hiện mức tiêu thụ năng

lượng trên một đơn vị sản phẩm cho ngành sản xuất bông tấm. Chúng tôi chọn năm 2019 là năm cơ sở để đo lường mức tiêu thụ năng lượng cơ bản của sản phẩm bông tấm cho những năm sau, theo đó, để sản xuất 1kg bông tấm cần 7,70 MJ năng lượng.

Bảng tiêu thụ năng lượng cho từng đơn vị sản phẩm đối với mảng bông tấm:




ĐVT: MJ/kg bông tấm	Hà Nội	Đông Nai	Everpia
Diesel	N/A	3,84	1,30
LPG	6,24	2,21	4,88
Điện năng	2,05	0,48	1,52
Tổng năng lượng	8,29	6,53	7,70%

Thành quả của các nỗ lực cải tiến liên tục

Nỗ lực tiết giảm bắt đầu từ những thói quen sử dụng thiết bị tiêu thụ năng lượng hợp lý hàng ngày, từ sản xuất cho đến hoạt động văn phòng. Việc hiểu rõ về cơ cấu, cách vận hành máy cho phép chúng tôi tối ưu hóa việc tiêu thụ năng lượng cho hệ thống máy móc, thông qua các công tác bảo dưỡng định kỳ và lựa chọn các máy có hiệu suất cao. Ngoài ra, theo dõi việc

sử dụng năng lượng cũng giúp CBNV có ý thức hơn trong việc tiết kiệm năng lượng.

Trong khuôn khổ chương trình Cải tổ nhà máy, một loạt các sáng kiến tiết kiệm năng lượng đã được thực hiện và giúp Công ty tiết kiệm 211.000 kWh và 7.700 lít xăng mỗi năm. Cụ thể:

	<p>Tái cơ cấu quy trình sản xuất</p> <ul style="list-style-type: none"> Cải tiến cách bố trí máy móc tại xưởng Chần bông: sắp xếp lại máy móc, dỡ bỏ các cột chống không cần thiết, lắp đặt lại hệ thống điện để tăng hiệu quả sử dụng ánh sáng trong xưởng. Việc tái cơ cấu này đã giúp tiết giảm 60 bóng đèn, tiết kiệm khoảng 6.000 kWh mỗi năm. (Thời điểm áp dụng: Tháng 12/2018)
	<p>Cải tiến, nâng cấp máy móc thiết bị</p> <ul style="list-style-type: none"> Nâng cấp hệ thống quạt hút cho dây chuyền sản xuất bông tấm: thay thế 20 quạt cũ bằng 03 quạt hút công nghiệp tự chế tạo, sử dụng máy biến tần để chủ động điều chỉnh tốc độ quạt, lưu lượng gió theo từng độ dày bông khác nhau, giúp cải thiện chất lượng sản phẩm cũng như tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng trong sản xuất bông, đồng thời tăng năng suất lao động và giảm thời gian vệ sinh máy. Ước tính tổng lượng điện tiết kiệm được nhờ sáng chế này là 60.000 kWh/năm, tương đương 50% lượng tiêu thụ ban đầu. (Thời điểm áp dụng: Tháng 01/2020) Cải tạo hộp điện tại xưởng đệm bông ép: thay thế 02 tủ điện không có máy biến tần hiện có bằng 01 tủ điện mới sử dụng máy biến tần, nhằm điều chỉnh dòng điện theo độ dày khác nhau của đệm. Sáng kiến này cũng đã giúp nhà máy tiết kiệm 115.000 kWh điện mỗi năm. (Thời điểm áp dụng: Tháng 02/2020)
	<p>Thay đổi phương thức vận hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> Ứng dụng đèn LED tại kho thành phẩm: thay thế 19 bộ đèn compact bằng 10 bộ đèn LED, giúp tiết kiệm hơn 30.000 kWh điện mỗi năm. (Thời điểm áp dụng: Tháng 02/2020) Điều phối lại hệ thống xe đưa đón: lái xe ở gần địa điểm đón nào sẽ phụ trách việc đưa đón tại địa điểm đó, hạn chế quãng đường di chuyển dư thừa của lái xe sau khi đưa đón. Phương án này giúp tiết kiệm hơn 200km di chuyển mỗi ngày, tương ứng gần 25 lít xăng mỗi ngày, và khoảng 7.700 lít xăng mỗi năm. (Thời điểm áp dụng: Tháng 02/2019)

3.2.2 Rác thải

Đối với lĩnh vực hàng may mặc, việc phát sinh rác thải trong quá trình sản xuất là không thể tránh khỏi. Vì vậy, trên khía cạnh quản lý chất thải, chúng tôi ưu tiên việc giảm thiểu những loại chất thải không cần thiết và xử lý chất thải phát sinh với trách nhiệm cao nhất.

Bắt đầu từ năm 2015, chúng tôi thực hiện phân loại và quản lý chất thải theo đúng tiêu chuẩn ISO 14001:2004 trên cơ sở các hợp đồng thu mua và xử lý chất thải với các đơn vị được cấp phép. Chất thải công nghiệp không nguy hại chiếm 21.625 kgs, hầu hết là các nguyên phụ liệu thừa trong quá trình sản xuất (vải thừa, chỉ, đai buộc, giấy thải và bì carton). Các loại rác này được thu gom, phân loại hàng ngày và bán cho các đơn vị thu gom chất thải công nghiệp hàng tuần để tái chế hoặc xử

lý. Chất thải sinh hoạt cũng được thu gom hàng ngày để phân loại và giao cho đơn vị xử lý đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật. Chất thải nguy hại đến chiếm 434.5kgs, bao gồm bóng đèn huỳnh quang, hộp mực in, dầu máy và giẻ lau dính dầu. Toàn bộ chất thải được lưu trữ riêng biệt tại một khu vực riêng, hạn chế đi lại, và sẽ được thu gom bởi những đơn vị có thẩm quyền để xử lý theo phương án thích hợp.

Thông tin và khối lượng của các loại chất thải đều được đăng ký với Sở Tài Nguyên và Môi Trường địa phương. Phương án xử lý đối với hầu hết các chất thải của Everpia là tái chế/đốt bỏ, ngoại trừ bóng đèn huỳnh quang (124,5kgs) được phân tách/hóa rắn bởi đơn vị xử lý được cấp phép.

Đơn vị tính: kg

Loại chất thải	Hà Nội	Hung Yên	Đồng Nai	Tổng
Chất thải nguy hại	124,5	60	250	434,5
Chất thải không nguy hại	2.375	2.350	25.000	29.725
Chất thải sinh hoạt	2.100	1.000	5.000	8.100
Chất thải rắn công nghiệp	275	1.350	20.000	21.625
Tổng	2.500	2.410	25.250	30.160

Chương trình cải tổ nhà máy cũng đã đem lại những cải tiến nhất định nhằm giảm lượng rác thải trong quá trình sản xuất. Một số sáng kiến điển hình như:

- Cải tạo sửa chữa máy Carding tại xưởng sản xuất bông tấm, giảm thiểu lượng bông bay ra ngoài tới 70% so với máy cũ, giúp giảm lượng bông thải sau sản xuất.

3.2.3 Quản lý hóa chất

Chúng tôi đặt ra yêu cầu khắt khe ngay từ khâu lựa chọn nguồn cung đầu vào. 100% resin sử dụng tại Everpia có chứng chỉ oeKo-tex đảm bảo tiêu chí an toàn cho sức khỏe. Các nhà cung cấp được yêu cầu thông tin chi tiết và hướng dẫn cụ thể về thành phần hóa chất, cách thức sử dụng, bảo quản, cũng như phương pháp ứng phó với sự cố về hóa chất theo tiêu chuẩn về Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (Globally Harmonized System of Classification and Labeling of Chemicals - GHS) của Liên hợp quốc, đồng thời tham vấn tới các thông lệ quốc tế tiên tiến như RSL/MRSL về danh mục hóa chất hạn chế của ZDHC.

Hóa chất được phân loại, lưu trữ và bảo quản trong kho riêng, chỉ người có phận sự được tiếp cận. Trong quá trình sản xuất, lượng hóa chất dư dùng trong ngày sẽ được chuyển đến khu vực lưu trữ tạm, gần khu trộn hóa chất. Tại những khu vực lưu trữ này, toàn bộ thông tin liên quan đến hóa chất tương ứng

3.2.4 Nước và nước thải

Mặc dù Everpia không có quy trình chế biến ướt, nhưng chúng tôi hiểu tầm quan trọng của việc nhận diện tác động môi trường trong quá trình tiêu thụ nước và quản lý nước thải phát sinh từ nhà máy.

Everpia sử dụng nước từ 2 nguồn chính: (1) Nước máy từ các nhà cung cấp tại địa phương và (2) nguồn nước ngầm được xử lý qua giếng khoan tại chỗ. Tổng lượng nước đầu vào của chúng tôi là 36,649m³, trong đó hơn 70% là nước máy. Everpia không sử dụng nước tái chế và tái sử dụng trong hoạt động.

Do tất cả các nhà máy của Everpia đều nằm trong khu công nghiệp nên việc đánh giá tác động môi trường của nguồn nước tại địa phương luôn được thực hiện sát sao. Hơn nữa, việc khai thác nước ngầm của Công ty tuân thủ theo Giấy phép khai thác nước ngầm được Sở Tài nguyên và môi trường địa phương cấp phép cho từng Nhà máy.

Việc quản lý chất lượng nước thải cũng là một khía cạnh quan trọng thể hiện trách nhiệm trong sản xuất. Đối với nhà máy Đồng Nai, việc xử lý nước thải được thực hiện bởi đơn vị phụ

3.2.5 Tuần hoàn và tái chế

Yếu tố quan trọng nhất giúp giảm thiểu các tác động môi trường trong dài hạn là khả năng dịch chuyển từ mô hình kinh tế truyền thống sang kinh tế tuần hoàn.

Một trong những nỗ lực của chúng tôi hướng tới nền kinh tế tuần hoàn là những cải tiến trong ngành sản xuất bông tấm. Nguyên liệu chính sản xuất bông tấm là xơ polyester, có thể thay thế sử dụng xơ tái chế thay vì xơ nguyên sinh. Loại xơ này được tái chế từ những vỏ chai nhựa PET sau khi sử dụng, vốn đang là một phần quan trọng của nền kinh tế tuần hoàn. Cam kết hướng tới sự bền vững, Everpia đã nhanh chóng triển khai

- Thiết kế cần gạt bông tự động giúp giảm 60% định mức xơ hao hụt trong quá trình sản xuất.

- Chế tạo và lắp đặt hệ thống cắt và hút phần rìa bông tấm, đưa lại tái sử dụng trước khi chuyển từ giai đoạn ép sang giai đoạn phun keo, nhằm tiết kiệm keo cũng như tăng chất lượng bông tấm tái sử dụng, góp phần giảm lượng bông thải sau sản xuất.

sẽ được biểu thị rõ ràng để nhân viên trực tiếp sử dụng nắm được, đồng thời áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn cho người sử dụng như trang bị rào chắn quanh khu trộn, nắp đậy cho thùng trộn. Ngoài việc được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ như khẩu trang, găng tay, kính, quần áo bảo hộ, những người trực tiếp làm việc với hóa chất còn được đào tạo kiến thức liên quan đến hóa chất và diễn tập ứng phó sự cố tràn hóa chất định kỳ hàng năm, hoặc trước khi bắt đầu làm việc đối với nhân viên mới.

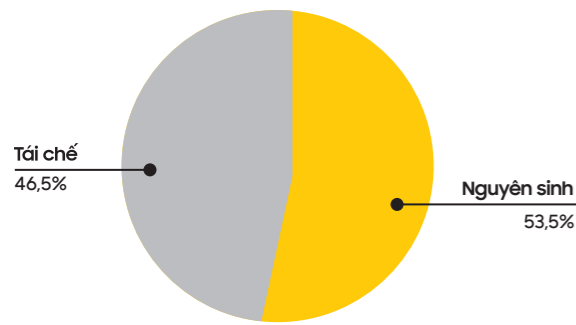
Everpia cũng đã ứng dụng máy phun keo dạng sương tự động để tối ưu hóa việc sử dụng keo, đồng thời tự thiết kế và hoàn thiện thành chu trình khép kín nhằm thu lại và tái sử dụng phần keo thừa, qua đó hạn chế xả thải ra môi trường.

Cho tới nay, Everpia chưa ghi nhận bất kỳ sự cố tràn hóa chất nào.

trách hạ tầng khu công nghiệp thông qua hợp đồng xử lý nước thải. Đối với 02 nhà máy tại miền Bắc, Everpia tiến hành lắp đặt hệ thống xử lý nước thải tại chỗ nhằm đảm bảo nước thải từ các nhà máy không gây ảnh hưởng đến môi trường nước mặt tại các điểm xả thải của Công ty. Theo kết quả quan trắc của Viện nghiên cứu Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường phối hợp với Trung tâm kỹ thuật đo lường chất lượng số 1, nước thải từ hệ thống xử lý chất thải của công ty đã đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng nước thải quốc gia số QCVN 14:2008/BTNMT.

Tuy vậy, nhưng trong năm 2019, một điểm xả thải xuất phát từ nhà bảo vệ mới xây của Công ty do chưa được kết nối vào hệ thống xử lý nước thải của toàn Công ty nên chất lượng nước thải ra từ điểm này chưa đạt tiêu chuẩn yêu cầu. Ngay sau đó Công ty đã tiến hành nộp phạt vi phạm hành chính (30 triệu đồng) theo quyết định và thực hiện khắc phục ngay trong tháng 1. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau khi khắc phục đã đạt tiêu chuẩn quy định, và Phòng cảnh sát môi trường tại địa phương đã tới kiểm tra, và xác nhận việc hoàn thành khắc phục của Công ty.

áp dụng Tiêu chuẩn tái chế toàn cầu (GRS), được chúng nhận bởi bên thứ 3 độc lập cho nguồn gốc tái chế, quy trình sản xuất, quản lý hóa chất cũng như các tác động tới môi trường và xã hội. Chúng tôi luôn khuyến khích khách hàng của mình sử dụng các sản phẩm bông tái chế nhằm thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn. Xu hướng cắt giảm phát thải CO₂ hiện nay của ngành dệt may toàn cầu cũng là yếu tố thúc đẩy nhu cầu sử dụng bông làm từ xơ tái chế. Trong năm 2019, lượng xơ tái chế Everpia đã sử dụng tương đương với việc tái sử dụng 137.041.488 vỏ chai nhựa.



Một trong những sáng kiến khác của Everpia trong nỗ lực thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn là tạo thêm tính năng cho bao bì nhựa để kéo dài vòng đời sử dụng. Bộ sưu tập chần ga May Collection đã được thử nghiệm với thiết kế bao bì bắt mắt, có đế và quai xách như một túi xách phụ nữ thông thường thay vì form chữ nhật truyền thống. Nhờ có tính thẩm mỹ cao, chiếc túi này hoàn toàn có thể được dùng như một túi đựng mỹ phẩm, hay túi xách thời trang, thay vì chỉ dùng một lần và chỉ bảo quản chần ga.

IV TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Everpia mong muốn góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn bằng những cam kết mạnh mẽ và hành động thiết thực đối với người lao động, đối tác, khách hàng và cộng đồng. Bên cạnh những chuẩn mực đạo đức kinh doanh xác định rõ

nguyên tắc hành động đối với các bên liên quan, chúng tôi cũng áp dụng bộ tiêu chuẩn đánh giá tuân thủ trách nhiệm xã hội (BSCI) trong phạm vi doanh nghiệp.

4.1 Kết nối với Cán bộ công nhân viên

Nguồn nhân lực là tài sản quý giá nhất của Công ty. Các chính sách nhân sự của Everpia đều hướng tới mục tiêu tăng mức độ gắn kết và thỏa mãn của người lao động, thông qua

- Cơ chế tuyển dụng minh bạch,
- Chế độ đãi ngộ hợp lý,
- Cơ hội phát triển cá nhân,
- Môi trường làm việc công bằng, dân chủ, và
- Đảm bảo an toàn vệ sinh lao động.

Bộ phận nhân sự của Công ty chịu trách nhiệm nghiên cứu các quy định của pháp luật và tham khảo các thông lệ tốt, tư vấn cho Ban Giám đốc những chính sách phù hợp với thực trạng doanh nghiệp, và kiểm soát việc thi hành những chính sách đó cùng bộ phận Kiểm soát nội bộ định kỳ hàng tháng

hoặc đột xuất theo chuyên đề. Người lao động được khuyến khích đưa kiến nghị của mình bằng nhiều hình thức: trao đổi với quản lý trực tiếp/bộ phận nhân sự/bộ phận Kiểm soát nội bộ/Ban Giám đốc; gọi điện tới đường dây nóng; hoặc gửi thư qua hòm thư góp ý. Đây cũng là cơ sở để Công ty có những điều chỉnh phù hợp về cơ chế và chính sách nhân sự. Trong năm 2019, trên cơ sở kiến nghị của CBNV, Công ty đã tiến hành điều chỉnh cơ chế tính lương, và quy chế quản lý đối với việc đi muộn - về sớm, tăng mức độ hài lòng của người lao động.

Nhờ những nỗ lực liên tục này, tính đến cuối năm 2019, thâm niên bình quân của nhân viên Everpia là 7,5 năm, trong đó tỷ lệ CBCNV có thâm niên trên 05 năm đạt 48%, trên 03 năm đạt 71%. Đây là những con số ấn tượng so với bình quân ngành may mặc tại Việt Nam.

4.1.1 Tuyển dụng

Tuyển dụng tại Everpia diễn ra công khai, minh bạch, không phân biệt giới tính, tôn giáo, không tuyển dụng lao động trẻ em, không thông qua tổ chức, c4.1.á nhân trung gian và ứng viên không phải mất bất kỳ khoản lệ phí nào khi nộp hồ sơ cũng như trong suốt quá trình tuyển dụng. Việc tuyển dụng tuân theo quy chế rõ ràng, với sự tham gia phỏng vấn, xét duyệt của Ban Giám đốc cho thấy việc tuyển dụng được Everpia đặc biệt quan tâm. Ứng viên trúng tuyển được đảm bảo đúng quy định về thời gian thử việc và chế độ trả lương trong thời gian thử

việc. Khi làm việc ở Everpia, các CBNV đều được tạo điều kiện tối đa để thể hiện năng lực bản thân và mọi ý tưởng sáng tạo đều được ghi nhận và đánh giá cao.

Năm 2019, Everpia có 243 nhân viên tuyển mới, 367 nhân viên nghỉ việc. Đối với mỗi nhân viên nghỉ việc, Công ty đều tiến hành khảo sát ý kiến để làm cơ sở đưa ra những cải tiến nâng cao chất lượng môi trường làm việc.

Số lượng và tỷ lệ nhân viên thuê mới theo nhóm tuổi, giới tính và khu vực

Tiêu chí	Số lượng						Tỷ lệ					
	Nam giới			Nữ giới			Nam giới			Nữ giới		
	<30	30-50	>50	<30	30-50	>50	<30	30-50	>50	<30	30-50	>50
Tại địa phương	30	16	1	25	23	0	12%	7%	0%	10%	9%	
Khu vực lân cận	61	22	0	50	15	0	25%	9%		21%	6%	
Tổng theo độ tuổi	91	38	1	75	38		37%	16%	0%	31%	16%	
Tổng theo giới tính	130			113			53%			47%		
Tổng cộng	243						100%					

Số lượng và tỷ lệ nhân viên nghỉ việc theo nhóm tuổi, giới tính và khu vực:

Tiêu chí	Số lượng						Tỷ lệ					
	Nam giới			Nữ giới			Nam giới			Nữ giới		
	<30	30-50	>50	<30	30-50	>50	<30	30-50	>50	<30	30-50	>50
Tại địa phương	37	26	6	41	35	2	14%	8%	2%	16%	12%	1%
Khu vực lân cận	74	36	0	67	44	0	16%	9%		16%	6%	
Tổng theo độ tuổi	111	62	6	108	79	2	30%	17%	2%	32%	18%	1%
Tổng theo giới tính	179			189			49%			51%		
Tổng cộng	368						100%					

4.1.2 Chế độ phúc lợi

Không chỉ nghiêm túc tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, Everpia còn chủ động đưa ra những chính sách đãi ngộ tốt hơn cho CBNV của mình.

Với nhân viên chính thức, ngoài các chế độ lương thưởng cơ bản thì sẽ được hưởng thêm các phúc lợi sau:

- Xe con đưa đón dành cho cán bộ cấp cao, xe con đưa đón phục vụ nhân viên đi công tác;
- Xe bus đón trả hàng ngày đối với nhân viên văn phòng và hỗ trợ phí gửi xe; phụ cấp đi lại 10.000 VNĐ/ngày đối với công nhân;
- Phụ cấp thâm niên;
- Phụ cấp chuyên cần; Phụ cấp điện thoại;
- Hỗ trợ phí gửi trẻ cho các CBNV có con nhỏ dưới 06 tuổi 100.000 VNĐ/tháng/cháu.
- Trợ cấp ốm đau, hiếu hỷ cho CBCNV và gia đình

vii. Phụ cấp độc hại, nguy hiểm áp dụng cho các công việc lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

viii. Phụ cấp cho CBNV dưới điều kiện làm việc khắc nghiệt: cung cấp đồ ăn nhẹ như bánh, sữa, đá lạnh,... để phục vụ công nhân ở các xưởng trong những ngày nắng nóng hay làm tăng ca.

Ngoài ra, Công ty có thông lệ tổ chức 2 hoạt động tập thể lớn hàng năm là Đại hội tổng kết cuối năm vào ngày 31/12 và Đại hội thể dục thể thao vào tháng 3. Đây là sân chơi ý nghĩa để các cán bộ nhân viên cùng gia đình được hội tụ, chia sẻ và tham gia các hoạt động chung, nâng cao tinh thần đoàn kết và rèn luyện sức khỏe. Nhiều phần quà ý nghĩa đã được trao tặng cho hầu hết các CBNV vào những dịp này.

Tổng tiền lương và phúc lợi Công ty đã chi trả trong năm 2019 là 226.8 tỷ đồng, trong đó tổng lương là 187.5 tỷ, chiếm 83%. Mức lương bình quân tháng và tổng thu nhập bình quân tháng trên mỗi cán bộ nhân viên lần lượt là 10,7 triệu đồng và 12 triệu đồng.

Loại phúc lợi	Tên phúc lợi	Giá trị (VND)	Tỷ trọng đóng góp của Công ty (*)	Tỷ lệ đóng góp của NLD (*)	Tổng cộng
Bắt buộc	Bảo hiểm xã hội	28.343.785.071	17,5%	8%	25,5%
Bắt buộc	Bảo hiểm y tế	5.129.066.326	3%	1,5%	4,5%
Bắt buộc	Bảo hiểm thất nghiệp	2.272.174.371	1%	1%	2%
Bắt buộc	Phí công đoàn	294.367.958	2%		2%
Bắt buộc	Khám sức khỏe	247.380.500	100%		
Tự nguyện	Trợ cấp ăn ca	7.660.700.000	100%		
Tự nguyện	Trợ cấp xe đưa đón	534.192.610	100%		
Tự nguyện	Trợ cấp nuôi con nhỏ	413.900.000	100%		
Tự nguyện	Sinh nhật	219.000.000	100%		
Tự nguyện	Hỗ trợ gửi xe	63.390.000	100%		
Tự nguyện	Thưởng nhân viên xuất sắc	134.000.000	100%		
Tự nguyện	Chuyên cần	2.238.700.000	100%		
Tự nguyện	Hỗ trợ xăng xe	2.060.965.000	100%		
Tự nguyện	Teambuilding	1.448.972.000	100%		
	Tổng phúc lợi	51.060.593.836			

(*): Tỷ lệ tính trên tổng lương, phụ cấp

Trong các chế độ phúc lợi xã hội, chế độ thai sản là một trong những vấn đề được quan tâm nhất. Trong năm 2019, trên toàn Công ty đã có 165 CBNV được nghỉ hưởng chế độ thai sản, trong đó có 114 nhân viên nữ và 51 nhân viên nam, chiếm 100% số người được quyền hưởng chế độ.

Tổng số nhân viên đã và đang nghỉ sinh con	100 người
Tổng số nhân viên đã quay lại làm việc trong năm sau khi kết thúc nghỉ thai sản	66 người
Tổng số nhân viên đã quay lại làm việc và được giữ lại, trong vòng 12 tháng, sau khi kết thúc nghỉ thai sản	66 người
Tỷ lệ quay lại làm việc của nhân viên đã nghỉ thai sản	100%
Tỷ lệ được giữ lại của nhân viên đã nghỉ thai sản	100%

4.1.3 Cơ hội phát triển cá nhân

Tại Everpia, người lao động được trao cơ hội để thử thách và hoàn thiện bản thân, được khuyến khích đưa ra những ý tưởng mới mẻ táo bạo và được ghi nhận xứng đáng. Everpia tạo điều kiện tốt nhất để CBCNV được đào tạo nâng cao chuyên môn thông qua các chương trình đào tạo nội bộ, đào tạo chuyên sâu từ chuyên gia.

Với bộ phận sản xuất, các nhân viên mới sẽ được đào tạo 05 ngày tại xưởng để làm quen với công việc. Với bộ phận văn phòng, tất cả nhân viên khi mới vào sẽ được giới thiệu về cơ cấu tổ chức, văn hóa doanh nghiệp và các chế độ chính sách cơ bản. Sau đó, mỗi nhân viên sẽ được đào tạo tạo trực tiếp tại phòng ban của mình về nghiệp vụ chuyên môn. Tổng thời gian đào tạo tân tuyển năm 2019 là 156 giờ đối với bộ phận văn phòng và 5.560 giờ đối với bộ phận sản xuất.

Ngoài ra, các chức danh quản lý từ tổ trưởng trở lên sẽ phải tham gia đào tạo về cải tổ sản xuất theo chương trình Factory Innovation trong 01 ngày mỗi tháng tại mỗi nhà máy với Chuyên gia tư vấn cải tổ từ Hàn Quốc, riêng Ban Giám đốc sẽ có thêm 1 buổi đào tạo nửa ngày riêng về quản lý tinh gọn. Sau đó, Giám đốc sản xuất tại mỗi nhà máy sẽ có 1 buổi họp triển khai các hành động cụ thể theo nội dung đào tạo, và các tổ trưởng sẽ phổ biến lại kiến thức cho toàn bộ nhân viên

của mình. Tổng thời gian đào tạo cải tổ cùng chuyên gia trong năm 2019 là 336 giờ, và đào tạo nội bộ về cải tổ là 1.152 giờ.

Như vậy, số giờ đào tạo bình quân cho từng nhân viên trong năm 2019 là 4,9 giờ.

Một số nhân viên xuất sắc được lãnh đạo công ty xác định sẽ là nhân sự cốt cán và là thế hệ lãnh đạo kế cận sẽ được cử đi đào tạo tại Hàn Quốc. Đây là một trong những đầu tàu phát triển của khu vực Châu Á, và các nhân viên sẽ được học hỏi thêm về kỹ năng quản lý cũng như kiến thức chuyên môn ngành. Bình quân mỗi năm sẽ có 1-2 suất học bổng như vậy được Công ty tài trợ cho nhân viên.

Định kỳ cuối mỗi năm, Công ty sẽ triển khai đánh giá hiệu quả công việc cho toàn bộ cán bộ công nhân viên, đồng thời bình bầu nhân viên và phòng ban xuất sắc, riêng cán bộ cấp quản lý từ trưởng phòng trở lên được đánh giá 2 lần/năm. Việc đánh giá sẽ được thực hiện qua 2 bước: i) bản thân tự đánh giá và ii) quản lý trực tiếp đánh giá và xếp hạng lao động. Với bộ phận bán hàng, việc đánh giá sẽ căn cứ phần lớn vào chỉ tiêu tài chính là doanh số bán hàng. Nhờ vậy, việc đánh giá và xếp hạng nhân viên được thực hiện một cách minh bạch và công bằng, góp phần khuyến khích sự cố gắng của cán bộ nhân viên và tăng cường sự gắn bó với Công ty.

Cơ chế khuyến khích tinh thần đổi mới, sáng tạo cũng là một điểm nổi trội của Everpia. Định kỳ hàng quý, Công ty tổ chức cuộc thi phát biểu cải tổ, để mỗi bộ phận trình bày những sáng kiến cải tiến công việc của mình trước Ban Giám đốc,

như một cách ghi nhận sự cố gắng liên tục của các bộ phận và cá nhân. Top 5 sáng kiến được Ban Giám đốc chấm điểm cao nhất sẽ được trao thưởng và vinh danh.

4.1.4 Môi trường làm việc nhân văn, dân chủ và công bằng

"Toàn thể cán bộ công nhân viên được đối xử công bằng dựa trên hiệu suất và năng lực bất kể giới tính, học vị và chức vụ".

khẳng định xuyên suốt từ văn hóa doanh nghiệp cho tới quá trình tuyển dụng, cách thức quản lý và vận hành nhân sự.

Tại Everpia, tôn trọng sự đa dạng & cơ hội bình đẳng được

Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên

	Số lượng			Tỷ lệ	
	Tổng	Nam	Nữ	Nam	Nữ
Nhân viên	1,291	507	784	34,6%	53,5%
30-50 tuổi	768	276	492	18,8%	33,6%
Dưới 30 tuổi	426	173	253	11,8%	17,3%
Trên 50 tuổi	97	58	39	4,0%	2,7%
Quản lý	140	91	49	6,2%	3,3%
30-50 tuổi	124	78	46	5,3%	3,1%
Dưới 30 tuổi	3	3	-	0,2%	0,0%
Trên 50 tuổi	13	10	3	0,7%	0,2%
Quản lý cấp cao	35	15	20	1,0%	1,4%
30-50 tuổi	25	7	18	0,5%	1,2%
Trên 50 tuổi	10	8	2	0,5%	0,1%
Tổng	1,466	613	853	41,8%	58,2%

Có thể thấy, đối với cấp nhân viên, tỷ lệ lao động nữ trong độ tuổi dưới 50 khá áp đảo, do đặc thù Công ty thuộc ngành may mặc. Đối với cấp quản lý (từ trưởng phòng trở lên), tỷ lệ nam giới chiếm tỷ trọng cao hơn, tuy nhiên tại cấp quản lý cấp cao (từ trưởng bộ phận trở lên), số lượng nữ giới lại nhiều hơn rõ rệt.

Sự phong phú này thể hiện mức độ bình đẳng giới trong chính sách đánh giá và bổ nhiệm nhân sự của Everpia. Về lương cơ bản và thù lao, Everpia áp dụng chính sách chung đối với nhân viên nam và nữ, do đó về cơ bản, tỷ lệ thu nhập của nam và nữ tương đối cân bằng.

Tỷ lệ thu nhập của lao động nữ so với lao động nam năm 2019:

Cấp bậc	Lương	Thù lao
Nhân viên	99%	100%
Quản lý	108%	106%
Quản lý cấp cao	96%	101%
Toàn bộ công ty	101%	99%

Tại Everpia, người lao động được quan tâm và trao quyền dân chủ. Chúng tôi có những quy định rõ ràng về Quy chế dân chủ cơ sở ở nơi làm việc. Người lao động có quyền cho ý kiến và quyết định nội dung thương lượng thỏa ước lao động tập thể của công ty, cũng như tự do tham gia tổ chức Công đoàn, tổ chức nghề nghiệp khác.

Hình thức thực hiện quyền dân chủ là định kỳ và thường xuyên tổ chức đối thoại giữa ban lãnh đạo công ty với người lao động hay tổ chức Hội nghị người lao động để tổng hợp ý kiến cho Công đoàn. Bên cạnh việc duy trì Hộp thư góp ý và Đường dây nóng nội bộ của công ty, chúng tôi cũng có những hướng dẫn cụ thể về Quy chế Đối thoại định kỳ tại nơi làm việc và

Quy chế hội nghị người lao động để thuận tiện và dễ dàng trong thực tế triển khai. Những quy chế này được thống nhất với Công đoàn và lấy ý kiến biểu quyết của người lao động trước khi được chính thức ban hành. Theo đó, việc đối thoại được thực hiện tối thiểu hàng quý với các nội dung cơ bản như: cập nhật tình hình sản xuất kinh doanh, trao đổi các vấn đề liên quan đến việc thực hiện hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, điều kiện làm việc, hay các yêu cầu khác từ người lao động hoặc người sử dụng lao động. Trường hợp có vấn đề phát sinh mà một trong hai bên yêu cầu cuộc đối thoại đột xuất, hai bên sẽ phải thu xếp tiến hành họp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày được yêu cầu.

4.1.5 An toàn vệ sinh lao động

Đảm bảo an toàn vệ sinh lao động là ưu tiên hàng đầu trong quá trình sản xuất tại Everpia. Vì vậy, ngoài cán bộ phụ trách An toàn vệ sinh lao động trong Ủy ban phát triển bền vững, Công ty còn triển khai thành lập mạng lưới An toàn vệ sinh viên tại cả 03 nhà máy, trong đó mỗi xưởng cử 1-2 người đại diện tham gia mạng lưới nhằm đảm bảo công tác an toàn vệ sinh lao động được thực hiện và theo dõi sát sao. Vào thứ 3 mỗi tuần, các cán bộ An toàn vệ sinh viên cùng đại diện của tổ Factory Innovation sẽ đi kiểm tra việc thực hiện vệ sinh 5S tại toàn nhà máy. Định kỳ 06 tháng hoặc trong trường hợp khẩn cấp, mạng lưới này sẽ báo cáo trực tiếp lên Ban Giám đốc và Công đoàn Công ty, và thông báo cho Ủy ban phát triển bền vững, nhằm cập nhật tình hình thực hiện, thống nhất phương hướng và nhanh chóng đưa ra giải pháp. Khi có tai nạn phát sinh, Đoàn điều tra tai nạn lao động, gồm đại diện Ban Giám đốc, Chủ tịch Công đoàn, Trưởng bộ phận y tế, và Cán bộ chuyên trách Bảo hộ lao động, sẽ được thành lập, và kích hoạt quy trình điều tra khai báo tai nạn lao động.

Vai trò của Công đoàn trong việc quản trị chủ đề này không chỉ dừng lại ở việc xử lý tình huống phát sinh mà bắt đầu từ khâu xây dựng các điều khoản liên quan trong Thỏa ước lao động tập thể như một trách nhiệm và nghĩa vụ của Người lao động và Người sử dụng lao động.

Hàng năm, mỗi nhà máy thực hiện rà soát toàn bộ quy trình sản xuất và môi trường làm việc tại tất cả các xưởng, đánh giá tác động tiềm ẩn tới môi trường và người lao động, và phân loại rủi ro an toàn vệ sinh lao động, sau đó đưa ra các biện pháp kiểm soát tương ứng. Trên cơ sở đó, Công ty tiến hành truyền thông, đào tạo đến từng CBNV định kỳ hàng năm và trước khi vận hành công việc, đồng thời cấp phát dụng cụ bảo hộ lao động và nghiêm túc kiểm soát việc tuân thủ của người lao động. Diễn tập sự cố phòng cháy chữa cháy và tập huấn về sơ cấp cứu cũng được thực hiện hàng năm nhằm

► 4.2 Quan hệ hợp tác chiến lược với Nhà cung cấp

Việc xây dựng một hệ sinh thái đa dạng, cân bằng trong chuỗi cung ứng là một yếu tố quan trọng quyết định tính bền vững của doanh nghiệp.

Tại Everpia, chúng tôi tiến hành đánh giá nhà cung cấp trước khi lựa chọn hợp tác, và rà soát định kỳ hàng năm, dựa trên các tiêu chí như: năng lực cung ứng, công nghệ, sức khỏe tài chính, chất lượng sản phẩm, giá cả, thời gian giao hàng,... Thông tin được thu thập thông qua trao đổi trực tiếp, tham khảo từ mạng lưới đối tác hiện hữu hoặc internet. Các nội dung cơ bản về giá cả, thời gian giao hàng sẽ được đàm phán trước giao dịch, hoặc định kỳ mỗi năm đối với các hợp đồng nguyên tắc. Trường hợp có vấn đề phát sinh, hai bên sẽ trao đổi trực tiếp và thống nhất phương án xử lý trên nguyên tắc hài hòa lợi ích. Việc truy xuất nguồn gốc của nguyên vật liệu chủ yếu được thực hiện thông qua hệ thống chứng chỉ như

Số lượng và giá trị mua hàng từ các nhà cung cấp nội địa và nước ngoài:

Nhà cung cấp	Số lượng	Tỷ lệ năm 2019	Tỷ lệ năm 2018	Giá trị mua hàng (VND)	Tỷ lệ năm 2019	Tỷ lệ năm 2018
Nội địa	609	90,1%	85,4%	311.571.022.860	45,8%	38,7%
Nước ngoài	67	9,9%	14,6%	368.045.562.430	54,2%	61,3%
Tổng	676	100%	100%	679.616.585.290	100%	100%

chuẩn bị tâm lý và kỹ năng cần thiết cho người lao động trong các tình huống xấu nhất.

Ngoài ra, CBCNV Everpia cũng được kiểm tra sức khỏe lao động định kỳ hàng năm, hoặc 2 lần mỗi năm đối với CBNV làm công việc nặng nhọc. Hồ sơ sức khỏe bản gốc được đơn vị khám gửi tận tay đến từng CBNV trong phong bì dán kín. Thông tin tổng hợp sẽ được chuyển bằng bản cứng đến bộ phận Hành chính nhân sự, và được bảo mật trong tủ tài liệu khóa kín, quản lý trực tiếp bởi Trưởng bộ phận.

Các tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh lao động nêu trên được áp dụng cho toàn bộ gần 1.500 cán bộ công nhân viên Everpia tại Việt Nam. Đối với nhân viên nhà thầu làm việc tại Công ty, bộ phận y tế của Công ty sẽ hỗ trợ sơ cấp cứu nếu có phát sinh tai nạn, và hợp tác điều tra tai nạn lao động nếu được yêu cầu.

Trong năm 2019, trên phạm vi toàn Công ty, bao gồm cả nhân viên thuộc nhà thầu làm việc tại Công ty, Everpia ghi nhận 01 trường hợp tai nạn lao động duy nhất tại nhà máy Đồng Nai do lỗi vận hành máy, với mức tổn thương không nghiêm trọng. Sau 40 ngày điều trị và nghỉ ngơi tại nhà, hiện tại nhân viên này đã quay trở lại làm việc bình thường.

Một trong những mục tiêu chính của chương trình Factory Innovation là cải thiện môi trường làm việc cho người lao động. Trong năm 2019, 6 sáng kiến cải tiến đã được áp dụng, trong đó có 04 cải tiến về cách thực hiện hiệu quả chương trình 5S tại xưởng, và 02 sáng kiến liên quan trực tiếp đến an toàn lao động, bao gồm:

- Cải tiến máy dập khuy: thiết kế vị trí để tay bắt buộc xa khu vực dập, hạn chế rủi ro dập vào tay.
- Nâng cấp hệ thống quạt thông gió xưởng may: tăng số lượng và công suất quạt thông gió, giúp tăng độ lưu thông không khí trong xưởng.

Oeko-tex, và phòng vấn trực tiếp nhà cung cấp.

Tiêu chí hàng đầu trong việc lựa chọn nhà cung cấp của Everpia là chất lượng sản phẩm. Nếu đáp ứng được yêu cầu về chất lượng sản phẩm, chúng tôi sẽ ưu tiên lựa chọn nhà cung cấp địa phương, vừa để tăng tính chủ động trong nguồn cung ứng nguyên liệu đầu vào, vừa tăng tỷ lệ nội địa hóa cho sản phẩm. Hiện tại, hầu hết nguyên vật liệu chính như vải, xơ, resin đều được nhập từ Hàn Quốc, Trung Quốc do chất lượng và quy mô sản xuất nội địa chưa đáp ứng được nhu cầu của Công ty. Tuy nhiên, đối với các phụ liệu khác như chun, chỉ, interlining,..., số lượng nhà cung cấp Việt Nam hiện đang chiếm ưu thế. Nhờ những nỗ lực của Everpia cùng với sự tiến bộ của chuỗi cung ứng nội địa, sự tham gia của các nhà cung cấp Việt Nam trong chuỗi giá trị của Everpia đang ngày trở nên rõ ràng hơn.

► 4.3 Thúc đẩy tiêu dùng bền vững

Là một đơn vị sản xuất hàng tiêu dùng, việc đảm bảo an toàn và sức khỏe cho khách hàng không chỉ là nghĩa vụ mà còn là sứ mệnh của chúng tôi. Chúng tôi hiện thực hóa sứ mệnh này thông qua toàn bộ quá trình, từ lựa chọn nguyên vật liệu chất lượng, ứng dụng những công nghệ sản xuất tiên tiến, an toàn, cho đến việc truyền tải thông tin sản phẩm một cách đầy đủ, trung thực và minh bạch đến cho khách hàng.

Đối với mỗi dòng sản phẩm của mình, Everpia đều nghiên cứu kỹ lưỡng tác động tới sức khỏe của khách hàng. Khâu kiểm soát ban đầu sẽ được chịu trách nhiệm bởi bộ phận nghiên cứu phát triển sản phẩm của mỗi ngành hàng, thông qua nhiều lần thử nghiệm và hiệu chỉnh. Thông qua công tác nghiên cứu và phân tích nhu cầu thị trường, bộ phận này sẽ phát triển các tính năng mới cho sản phẩm, đáp ứng các yêu cầu khác nhau của khách hàng. Trong năm 2019, sản phẩm chần gối 5 giây và dòng gối định hình đã được Everpia phát triển và ra mắt tại Việt Nam, đặc biệt phù hợp với những người có vấn đề về cổ vai gáy. Bông giả lông và với nhiều chức năng ưu việt hơn chất liệu lông và thật như: không gây dị ứng, không mùi, không biến chất sau một thời gian sử dụng, cũng đã được Everpia cung ứng ra thị trường.

Trong giai đoạn sản xuất, từng công đoạn đều được thực hiện tỉ mỉ tận tâm, tuân thủ các quy định về an toàn vệ sinh lao động. Từ nguyên vật liệu đến bán thành phẩm và sau khi hoàn thiện, sản phẩm được bảo quản trong điều kiện tiêu chuẩn về

niệt độ, độ ẩm. Toàn bộ sản phẩm đầu ra đều phải đi qua khâu kiểm soát chất lượng cuối cùng trước khi lưu kho thành phẩm và giao cho khách hàng, bao gồm dò kim loại, magnet trong bông, kiểm tra độ đàn hồi lò xo của đệm, cũng như các tiêu chuẩn chất lượng khác của từng loại sản phẩm. Riêng đối với mặt hàng rèm cửa, Everon là đơn vị sản xuất đầu tiên tại Việt Nam trang bị máy hấp rèm theo công nghệ Hàn Quốc, vừa tạo độ rũ và duy trì nếp sóng cho rèm, vừa có tác dụng diệt 99,9% vi khuẩn bao gồm tụ cầu vàng và trực khuẩn chứng nhận bởi Viện nghiên cứu và kiểm nghiệm chất lượng hàng may mặc Fiti.

Về khâu truyền tải thông tin sản phẩm tới khách hàng, 100% sản phẩm đầu ra của Everpia đáp ứng được tiêu chí này. Đối với bán thành phẩm là bông tấm, bông chần và vải, chúng tôi thống nhất và tuân thủ về đặc tính sản phẩm trong mỗi hợp đồng, nhà sản xuất sẽ có đủ thông tin để cung cấp cho người tiêu dùng cuối cùng. Đối với các sản phẩm chần ga gối đệm, màn rèm và khăn được phân phối trực tiếp tới người dùng, ngoài việc ghi đầy đủ thông tin cần thiết trên nhãn mác sản phẩm theo quy định, chúng tôi tạo ra các video, bài viết giới thiệu về công dụng của từng chất liệu vải, hoặc từng sản phẩm, cũng như hướng dẫn sử dụng và bảo quản đúng cách, và truyền tải rộng rãi qua mạng xã hội để cung cấp thêm thông tin cho khách hàng. Các thông tin trên nhãn mác sản phẩm bao gồm:

STT	Loại nhãn mác	Nội dung
1	Thông tin sản phẩm	(i) Tên sản phẩm; (ii) Quy cách kỹ thuật: chất liệu, kích cỡ,...; (iii) Hướng dẫn sử dụng và bảo quản; (iv) Tên, địa chỉ, điện thoại Công ty
2	Mác thương hiệu	Thông tin nhãn hiệu được in khổ lớn trên bao bì hoặc đính trên sản phẩm, phục vụ mục đích nhận diện thương hiệu và hạn chế hàng giả
3	Tem kiểm định chất lượng	Xác nhận hàng hóa đã vượt qua khâu kiểm định cuối cùng và đủ tiêu chuẩn lưu thông
4	Mã vạch sản phẩm	Gồm tên sản phẩm và mã code nội bộ, giá bán niêm yết,
5	Tem chống hàng giả	Có logo Công ty, áp dụng công nghệ tem vỡ, cà đá lạnh 6.0 và cho phép nhắn tin SMS để xác thực sản phẩm chính hãng
6	Phiếu bảo hành	Có dấu đỏ Công ty, và các trường thông tin cần cung cấp cho chế độ bảo hành

Ý kiến phản hồi của khách hàng là nguồn thông tin tin cậy và quý giá để chúng tôi đánh giá tác động sản phẩm và có những điều chỉnh hợp lý. Khách hàng được khuyến khích gửi phản hồi của họ sau khi trải nghiệm sản phẩm tới Everpia, thông qua hệ thống cửa hàng, hotline, website hay các tài

khoản mạng xã hội của Công ty.

Trong năm 2019, Everpia không ghi nhận bất cứ phản ánh nào của khách hàng hay hành vi không tuân thủ nào về vấn đề an toàn sức khỏe khách hàng.

► 4.4 Trách nhiệm với Cộng đồng

Là một chủ thể kinh doanh trong xã hội, chúng tôi nhận thức được vai trò và trách nhiệm của mình trong việc thúc đẩy sự thịnh vượng và phát triển của cộng đồng địa phương cũng như toàn xã hội Việt Nam.

Để góp phần trong việc thực hiện 17 mục tiêu Phát triển bền vững của UN, chúng tôi tham gia hoạt động cộng đồng để

đóng góp cho các mục tiêu: 1 Xóa nghèo dưới mọi hình thức, 3. Đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và nâng cao phúc lợi cho tất cả, 5. Đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện, công bằng và 11. Xây dựng đô thị, cộng đồng dân cư hiệu quả, an toàn và bền vững.



Đầu tư cho giáo dục

- Một trong các lĩnh vực trọng tâm của Công ty về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục chất lượng cao. Hàng năm, Everpia luôn tổ chức một quỹ đặc biệt dành riêng cho học bổng. Chúng tôi đã hợp tác với Ủy ban nhân dân tại Hưng Yên và Đồng Nai cung cấp học bổng cho học sinh sinh viên. Hơn nữa, Chúng tôi tham gia chương trình CSR của Korcham (Phòng thương mại Hàn Quốc) nhằm tài trợ cho sinh viên hàng năm. Công ty cũng liên tục tìm kiếm những cơ hội nhằm giúp đỡ những em học sinh chưa được tiếp cận với nền giáo dục chất lượng.



Các chương trình thiện nguyện

- Cùng với đó, công ty thường xuyên hợp tác với những tổ chức phi lợi nhuận (trại trẻ mồ côi, quỹ từ thiện) để tặng những sản phẩm chăn ga. Những sản phẩm an toàn và chất lượng là nền tảng cho sức khỏe và hạnh phúc. Trong năm 2019, Everpia đã tổ chức chương trình Green Santa nhằm ủng hộ và tặng những sản phẩm chất lượng của mình cho một trại trẻ mồ côi tại Hà Nội.

V BẢNG MỤC LỤC GRI

Báo cáo phát triển bền vững của Everpia được lập theo tiêu chuẩn GRI, phiên bản cốt lõi - tiêu chuẩn được công nhận quốc tế từ Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI). Báo cáo này cũng được sự hỗ trợ từ Chương trình Thương mại Cạnh tranh (CSRCS) do GRI cung cấp trực tiếp để cải thiện khả năng

cạnh tranh và chất lượng báo cáo của các doanh nghiệp ở Việt Nam, giúp các doanh nghiệp như chúng tôi có thể tham gia mạnh mẽ vào chuỗi giá trị toàn cầu. Báo cáo này cũng thể hiện cam kết của Everpia trong việc đồng hành cùng các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc (17 UN SDGs).

Tiêu chuẩn	Công bố thông tin	Ghi chú	Trang
GRI 101 TIÊU CHUẨN TỔNG QUÁT 2016			
GRI 102 CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CHUNG 2016			
	<i>Hồ sơ tổ chức</i>		
102-1	Tên tổ chức		2
102-2	Các hoạt động, thương hiệu, sản phẩm và dịch vụ		9
102-3	Địa điểm của trụ sở chính		2
102-4	Địa điểm hoạt động		11-13
102-5	Quyền sở hữu và hình thức pháp lý		14-15
102-6	Các thị trường phục vụ		10
102-7	Quy mô của tổ chức		3,8,9
102-8	Thông tin về nhân viên và người lao động khác		8
102-9	Chuỗi cung ứng		68
102-10	Những thay đổi đáng kể đối với tổ chức và chuỗi cung ứng của tổ chức	Không có thay đổi đáng kể	
102-11	Phương pháp hoặc Nguyên tắc Phòng ngừa		23-25
102-12	Các sáng kiến bên ngoài		55
102-13	Quyền hội viên trong các hiệp hội		55
	<i>Chiến lược</i>		
102-14	Tuyên bố của người ra quyết định cấp cao		53
	<i>Đạo đức và tính chính trực</i>		
102-16	Các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn và chuẩn mực của hành vi		2,44
	<i>Quản trị</i>		

102-18	Cơ cấu quản trị		7
	<i>Sự tham gia của bên liên quan</i>		
102-40	Danh sách các nhóm liên quan		56
102-41	Thỏa ước thương lượng tập thể		67
102-42	Nhận diện và lựa chọn các bên liên quan		56
102-43	Phương pháp tiếp cận đối với gắn kết các bên liên quan		56
102-44	Các chủ đề và mối quan ngại chính được nêu lên		56
	<i>Thông lệ báo cáo</i>		
102-45	Các đơn vị được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất		
102-46	Xác định nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề		57
102-47	Danh sách các chủ đề trọng yếu		57
102-48	Trình bày lại thông tin	Không áp dụng	
102-49	Các thay đổi trong báo cáo	Không áp dụng	
102-50	Kỳ báo cáo		70
102-51	Ngày của báo cáo gần nhất	Không áp dụng	
102-52	Chu kỳ báo cáo		70
102-53	Đầu mối liên hệ cho các thắc mắc về báo cáo	Ben Lee, Phòng Kế hoạch	
102-54	Tuyên bố lập báo cáo tuân theo Tiêu chuẩn GRI		70
102-55	Mục lục GRI		70-73
102-56	Bảo đảm độc lập của bên thứ ba	Không áp dụng	
GRI 200 Kinh Tế			
201	Hiệu quả Kinh tế		
103-1	Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề		57-58
103-2	Phương pháp Quản trị và các hợp phần		57-58
103-3	Đánh giá về Phương pháp Quản trị		57-58
201-1	Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ		58
201-3	Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác		59,65-66
204	Thông lệ mua sắm		
103-1	Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề		68
103-2	Phương pháp Quản trị và các hợp phần		68
103-3	Đánh giá về Phương pháp Quản trị		68
204-1	Tỷ lệ chi tiêu cho các nhà cung cấp địa phương		68
GRI 300 Môi Trường			
301	Vật liệu		
103-1	Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề		60
103-2	Phương pháp Quản trị và các hợp phần		59-60
103-3	Đánh giá về Phương pháp Quản trị		59-60
301-1	Vật liệu đã được sử dụng theo trọng lượng hoặc khối lượng		60
301-2	Vật liệu tái chế đã được sử dụng		60,63-64

301-3	Sản phẩm được tái chế và vật liệu đóng gói sản phẩm	60,63-64
302	Năng lượng	
103-1	Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề	61
103-2	Phương pháp Quản trị và các hợp phần	59,61
103-3	Đánh giá về Phương pháp Quản trị	59,61
302-1	Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức	61
302-3	Cường độ sử dụng Năng lượng	61
302-4	Giảm tiêu hao năng lượng	62
303	Nước và nước thải	
103-1	Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề	63
103-2	Phương pháp Quản trị và các hợp phần	59,63
103-3	Đánh giá về Phương pháp Quản trị	59,63
303-1	Lượng nước đầu vào theo nguồn	63
303-2	Những nguồn nước chịu ảnh hưởng đáng kể bởi lượng nước đầu vào	63
303-3	Tuần hoàn và tái sử dụng nước	63
306	Nước Thải và Chất Thải	
103-1	Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề	62,63
103-2	Phương pháp Quản trị và các hợp phần	59,62,63
103-3	Đánh giá về Phương pháp Quản trị	59,62,63
306-2	Tổng lượng chất thải theo loại và phương pháp xử lý	62
306-3	Sự cố tràn đáng kể	63
306-4	Vận chuyển chất thải nguy hại	62
307	Tuân Thủ Về Môi Trường	
103-1	Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề	55,59
103-2	Phương pháp Quản trị và các hợp phần	55,59
103-3	Đánh giá về Phương pháp Quản trị	55,59
307-1	Không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường	63
GRI 400 Social Standards 2016		
401	Việc Làm	
103-1	Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề	64
103-2	Phương pháp Quản trị và các hợp phần	64
103-3	Đánh giá về Phương pháp Quản trị	64
401-1	Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc	65
401-2	Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian	65-66
401-3	Nghỉ thai sản	66
403	An Toàn và Sức Khỏe Nghề Nghiệp	
103-1	Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề	68
103-2	Phương pháp Quản trị và các hợp phần	68,63
103-3	Đánh giá về Phương pháp Quản trị	68,63
403-1	Đại diện của người lao động trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động	68
403-2	Loại thương tích và tỷ lệ thương tích, bệnh nghề nghiệp, ngày công bị mất, tình trạng vắng mặt và số vụ tử vong liên quan đến công việc	68
403-3	Người lao động có tỷ lệ cao hoặc có nguy cơ cao mắc các bệnh liên quan đến nghề nghiệp	68
403-4	Các chủ đề về sức khỏe và an toàn được đề cập trong thỏa thuận chính thức với công đoàn	68
403-5	Đào tạo về sức khỏe và an toàn lao động	68,63
403-6	Tăng cường sức khỏe cho người lao động	68,63

403-7	Phòng ngừa và giảm thiểu tác động trực tiếp đến an toàn và sức khỏe nghề nghiệp gây ra bởi các mối quan hệ kinh tế	68,63
403-8	Đối tượng người lao động được tham gia hệ thống quản lý về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	68,63
403-9	Tai nạn lao động	68
404	Giáo dục và đào tạo	
103-1	Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề	66-67
103-2	Phương pháp Quản trị và các hợp phần	66-67
103-3	Đánh giá về Phương pháp Quản trị	66-67
404-1	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên	66
404-3	Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp	66
405	Sự Đa Dạng và Cơ hội Bình Đẳng	
103-1	Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề	67
103-2	Phương pháp Quản trị và các hợp phần	67
103-3	Đánh giá về Phương pháp Quản trị	67
405-1	Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên	67
405-2	Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của phụ nữ so với nam giới	67
413	Cộng đồng Địa phương	
103-1	Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề	69-70
103-2	Phương pháp Quản trị và các hợp phần	69-70
103-3	Đánh giá về Phương pháp Quản trị	69-70
413-1	Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển	69-70
416	Sức khỏe và An toàn của Khách hàng	
103-1	Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề	69
103-2	Phương pháp Quản trị và các hợp phần	69
103-3	Đánh giá về Phương pháp Quản trị	69
416-1	Đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn của các loại sản phẩm và dịch vụ	69
416-2	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động sức khỏe và an toàn của các sản phẩm và dịch vụ	69
417	Tiếp thị và Nhãn hiệu	
103-1	Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề	69
103-2	Phương pháp Quản trị và các hợp phần	69
103-3	Đánh giá về Phương pháp Quản trị	69
417-1	Các yêu cầu đối với thông tin nhãn hiệu, sản phẩm và dịch vụ	Loại trừ mục: a.i. Không có thông tin
417-2	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến thông tin và nhãn hiệu của sản phẩm và dịch vụ	69
419	Tuân thủ về Kinh tế - Xã hội	
103-1	Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề	55
103-2	Phương pháp Quản trị và các hợp phần	55
103-3	Đánh giá về Phương pháp Quản trị	55
419-1	Không tuân thủ luật pháp và các quy định trong lĩnh vực kinh tế và xã hội	59



CHƯƠNG

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính đã kiểm toán của công ty bao gồm: Báo cáo tài chính Hợp nhất và Báo cáo tài chính Công ty mẹ. Toàn văn hai báo cáo này đã được công bố trên website công ty theo đường dẫn: <http://www.everpia.vn/everon/ir/thong-tin-tai-chinh/bao-cao-tai-chinh.aspx>

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 011033000055 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh lần thứ 19 được cấp ngày 7 tháng 11 năm 2018.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010 theo Quyết định số 247/2010/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Các hoạt động chính của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư là sản xuất, thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) và xuất khẩu vải không dệt, vải lọc, ni, chần, ga trải giường, nệm, gối, túi ngủ, vali, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác; thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ), tư vấn, chuyển giao công nghệ và xuất khẩu hàng hóa đồ dùng nội thất bằng gỗ, và các chất liệu khác, bộ đồ nhà bếp vệ sinh và đồ văn phòng, kinh doanh bất động sản dưới hình thức thuê nhà và công trình xây dựng để cho thuê lại tại địa điểm dự án.

Công ty có trụ sở chính đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và bảy chi nhánh tại Hưng Yên, Thành phố Hồ Chí Minh, Hòa Bình, Đồng Nai, Bình Dương, Đà Nẵng và Khánh Hòa.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lee Jae Eun	Chủ tịch
Ông Cho Yong Hwan	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Hiền	Thành viên
Ông Yu Sung Dae	Thành viên
Ông Park Sung Jin	Thành viên
Ông Lê Khả Tuyên	Thành viên
Bà Nguyễn Lê Hoàng Yến	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Tuấn Nghĩa	Trưởng ban
Ông Ko Tae Yeon	Thành viên
Ông Nguyễn Đắc Hương	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lee Jae Eun	Tổng Giám đốc	
Ông Cho Yong Hwan	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Yu Sung Dae	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lim Jin Taek	Giám đốc Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	Miễn nhiệm ngày 01/01/2020
Ông Park Sung Jin	Giám đốc Chi nhánh Đồng Nai	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lee Jae Eun, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Everpia ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ông Lee Jae Eun
Tổng Giám Đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Everpia

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Everpia ("Công ty") và công ty con, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 49, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0402-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam. Ngày 25 tháng 3 năm 2020

Đào Văn Thích
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3732-2016-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.233.241.183.789	1.176.271.684.040
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	67.058.857.742	64.671.862.409
111	1. Tiền		35.941.347.742	47.271.862.409
112	2. Các khoản tương đương tiền		31.117.510.000	17.400.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	552.700.000.000	452.548.500.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		37.000.000.000	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		515.700.000.000	452.548.500.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		210.480.983.579	239.769.555.933
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	198.047.102.616	227.811.538.716
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	25.453.385.785	25.442.860.902
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	25.786.318.326	21.983.210.878
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1,6.2,7,8	(38.805.823.148)	(35.468.054.563)
140	IV. Hàng tồn kho	9	397.655.085.181	400.852.915.732
141	1. Hàng tồn kho		412.745.335.931	416.941.146.121
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(15.090.250.750)	(16.088.230.389)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.346.257.287	18.428.849.966
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	3.778.973.934	10.461.302.311
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.416.846.887	7.817.204.083
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		150.436.466	150.343.572
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		304.392.020.480	313.841.264.239
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	7	2.893.502.995	3.190.217.098
216	1. Phải thu dài hạn khác		4.218.391.670	4.515.105.773
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	8	(1.324.888.675)	(1.324.888.675)
220	II. Tài sản cố định		244.477.613.256	273.930.178.491
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	238.535.047.589	265.794.612.166
222	Nguyên giá		584.850.873.428	571.332.073.478
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(346.315.825.839)	(305.537.461.312)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	5.942.565.667	8.135.566.325
228	Nguyên giá		41.308.597.805	41.352.801.184
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(35.366.032.138)	(33.217.234.859)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		8.419.200.000	2.638.200.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	12	11.590.390.000	11.590.390.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13	8.419.200.000	2.638.200.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	12	(11.590.390.000)	(11.590.390.000)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		48.601.704.229	34.082.668.650
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	29.538.937.630	17.003.502.987
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	19.062.766.599	17.079.165.663
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.537.633.204.269	1.490.112.948.279

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		599.105.607.685	581.127.785.434
310	I. Nợ ngắn hạn		241.885.645.873	215.547.039.933
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	47.613.732.688	74.085.389.244
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	22.728.254.237	21.403.410.987
313	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	15.282.751.409	23.080.448.343
314	4. Phải trả người lao động		21.839.768.340	18.136.048.383
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	3.471.829.165	3.312.520.102
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	6.586.839.883	6.427.378.211
320	7. Vay ngắn hạn	19	124.362.470.151	69.101.844.662
330	II. Nợ dài hạn		357.219.961.812	365.580.745.502
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	19.858.728.868	17.290.080.411
338	2. Vay dài hạn	19	105.336.861.944	113.516.165.091
339	3. Trái phiếu chuyển đổi	20	232.024.371.000	234.774.500.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	21	938.527.596.584	908.985.162.844
410	I. Vốn chủ sở hữu		938.527.596.584	908.985.162.844
411	1. Vốn cổ phần	21.3	419.797.730.000	419.797.730.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		419.797.730.000	419.797.730.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	21.2	203.072.724.247	203.072.724.247
415	3. Cổ phiếu quỹ	21.2	(76.000.000.000)	(76.000.000.000)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(2.985.195.157)	(1.490.120.168)
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	21.6	1.328.325.577	329.683.203
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		393.314.011.917	363.275.145.562
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lấy kế đến cuối năm trước		321.425.744.080	287.062.750.906
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		71.888.267.837	76.212.394.656
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.537.633.204.269	1.490.112.948.279

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	1.007.852.142.423	1.182.921.118.473
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(3.653.585.797)	(2.201.416.707)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	1.004.198.556.626	1.180.719.701.766
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(660.487.708.090)	(799.644.833.823)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		343.710.848.536	381.074.867.943
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	43.087.986.926	31.471.110.724
22	7. Chi phí tài chính	25	(20.372.109.446)	(27.794.893.440)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(13.769.071.371)	(16.466.684.069)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(174.314.310.208)	(175.645.691.878)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(98.836.259.139)	(114.627.166.160)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		93.276.156.669	94.478.227.189
31	11. Thu nhập khác		1.137.709.722	1.326.775.440
32	12. Chi phí khác		(441.608.944)	(95.847.918)
40	13. Lợi nhuận khác		696.100.778	1.230.927.522
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		93.972.257.447	95.709.154.711
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(22.648.932.480)	(23.131.970.018)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.3	564.942.870	3.635.209.963
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		71.888.267.837	76.212.394.656
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		71.888.267.837	76.212.394.656
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	1.889	1.933
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	30	1.654	1.933



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu
Trưởng phòng Tài chính kế toán

Hà Nội, Việt Nam. Ngày 25 tháng 3 năm 2020



Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu
Trưởng phòng Tài chính kế toán

Hà Nội, Việt Nam. Ngày 25 tháng 3 năm 2020



Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		93.972.257.447	95.709.154.711
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình		45.051.989.110	44.479.888.042
03	Các khoản dự phòng		4.908.437.403	19.147.213.846
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.459.966.323)	539.077.308
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(36.895.604.482)	(21.077.913.094)
06	Chi phí lãi vay và phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	25	14.477.788.371	16.466.684.069
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		119.054.901.526	155.264.104.882
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		35.698.874.884	(52.526.285.461)
10	Giảm hàng tồn kho		4.195.810.190	7.754.521.806
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(21.446.648.187)	24.652.787.129
12	Tăng chi phí trả trước		(5.853.106.266)	(1.533.801.366)
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(37.000.000.000)	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(13.851.039.211)	(14.753.572.027)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(26.685.699.070)	(20.571.815.592)
17	Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh		(2.811.977.358)	(15.271.919.567)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		51.301.116.508	51.301.116.508
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ)		(21.939.932.851)	(23.333.451.681)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		572.727.273	743.122.598
23	Tiền chi cho vay, đầu tư ngắn hạn		(515.700.000.000)	(648.229.326.666)
24	Tiền thu cho vay, đầu tư ngắn hạn		452.548.500.000	383.540.826.666
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(5.781.000.000)	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		33.240.085.207	21.003.052.638
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(57.059.620.371)	(266.275.776.445)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(TIẾP THEO)

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(27.000.000.000)
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		265.554.957.896	425.576.155.084
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(219.003.870.244)	(245.831.656.490)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	(25.728.214)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông		(38.038.781.750)	(39.805.509.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		8.512.305.902	112.913.260.880
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		2.753.802.039	(70.348.495.761)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		64.671.862.409	131.586.803.113
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(366.806.706)	3.433.555.057
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	67.058.857.742	64.671.862.409

Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu
Trưởng phòng Tài chính kế toán

Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam, Ngày 25 tháng 3 năm 2020

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 011033000055 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh lần thứ 19 được cấp ngày 7 tháng 11 năm 2018.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010 theo Quyết định số 247/2010/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Các hoạt động chính của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư là sản xuất, thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ), tư vấn và chuyển giao công nghệ và xuất khẩu vải không dệt, vải lọc, ni, chần, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác; thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) và xuất khẩu hàng hóa đồ dùng nội thất bằng gỗ và các chất liệu khác, bộ đồ nhà bếp vệ sinh và đồ văn phòng, kinh doanh bất động sản dưới hình thức thuê nhà và công trình xây dựng để cho thuê lại tại địa điểm dự án.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các

Công ty có trụ sở chính đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và bày chi nhánh tại Hưng Yên, Thành phố Hồ Chí Minh, Hòa Bình, Đồng Nai, Bình Dương, Đà Nẵng và Khánh Hòa.

Số lượng nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.474 người (ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.599 người).

Cơ cấu tổ chức

Thông tin chi tiết về công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Công ty Cổ phần Everpia Korea

Công ty này là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 201600179 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 1 tháng 8 năm 2016. Công ty Cổ phần Everpia Korea có trụ sở tại số 18 Samsung-ro, 104-Gil, Gangnam-gu, thành phố Seoul, Hàn Quốc. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Everpia Korea là kinh doanh chăn ga trải giường, gối, nệm; tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh và thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định của pháp luật Hàn Quốc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty nắm 100% tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết trong công ty con này. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đã góp vốn 1.500.000 đô la Mỹ (tương đương 34.285.000.000 VND), tương đương với 100% vốn điều lệ vào công ty con này.

đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là kế toán trên máy vi tính.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch

này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu của công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	-	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Chi phí hoàn trả mặt bằng được ghi nhận là một mục thuộc tài sản nhà xưởng, vật kiến trúc và được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền trong tương lai để chi trả cho nghĩa vụ đi dời nêu trên tại thời điểm kết thúc thời hạn thuê đất.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Nhãn hiệu, kênh phân phối

Giá trị nhãn hiệu và kênh phân phối được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo giá mua trên các hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu và kênh phân phối.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 - 46 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	6 - 8 năm
Phương tiện vận tải	9 - 10 năm
Các tài sản cố định hữu hình khác	4 - 20 năm
Nhãn hiệu hàng hóa	6 - 16 năm
Kênh phân phối	15 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Các tài sản cố định vô hình khác	4 năm
Chi phí hoàn trả mặt bằng	10 năm
Tên miền	10 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- v.v.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với ông Nguyễn Hoài Thanh vào ngày 22 tháng 2 năm 2019 trong thời hạn 50 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian còn lại của hợp đồng thuê và thời gian hoạt động còn lại của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đầu tư.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chúng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Công ty

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

Công ty con

Trợ cấp thôi việc phải trả cho toàn bộ người lao động đang làm việc tại Công ty con được tính theo tỷ lệ một tháng lương cho mỗi năm làm việc tại Công ty đến ngày kết thúc kỳ kế toán theo quy định của pháp luật nước sở tại.

3.15 Các khoản dự phòng

Dự phòng chung

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng

Công ty ghi nhận một khoản dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng cho lô đất mà Công ty đã xây dựng nhà máy. Chi phí hoàn trả mặt bằng được ghi nhận theo giá trị dòng tiền ước tính trong tương lai phải trả cho việc thực hiện nghĩa vụ này.

Chi phí này được ghi nhận là một mục thuộc nguyên giá của nhà cửa, vật kiến trúc và sẽ được khấu hao theo thời gian thuế của lô đất mà nhà cửa và vật kiến trúc được xây dựng trên đó. Chi phí hoàn trả mặt bằng ước tính sẽ được xem xét lại định kỳ và điều chỉnh phù hợp. Các thay đổi về giá trị tương lai ước tính được cộng thêm hay trừ ra khỏi nguyên giá của tài sản đã ghi nhận.

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và công ty con mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.17 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.18 Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi đơn vị tiền tệ báo cáo của cơ sở nước ngoài hoạt động độc lập

Việc chuyển đổi đơn vị tiền tệ báo cáo cho mục đích kế toán được xử lý dựa trên các nguyên tắc sau:

- ▶ Đối với tài sản, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo cáo tài chính là tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;
- ▶ Đối với nợ phải trả, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo tài chính là tỷ giá bán của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;
- ▶ Giá trị tài sản thuần của công ty con do công ty mẹ nắm

giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua;

▶ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; và

▶ Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá +/- 1%) thì được áp dụng tỷ giá bình quân.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi đơn vị tiền tệ báo cáo được ghi nhận như một phần riêng biệt của vốn chủ sở hữu cho đến khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở nước ngoài hoạt động độc lập.

3.19 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ này được trích lập để sử dụng cho các mục đích khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được ủy quyền quyết định sử dụng quỹ quản lý căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

3.20 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ được hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và công ty con được xác lập.

3.21 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty và công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập hoãn chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:
- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán

được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập công ty được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.22 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty, công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	237.058.678	1.655.082.090
Tiền gửi ngân hàng	35.704.289.064	45.616.780.319
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>31.117.510.000</u>	<u>17.400.000.000</u>
	67.058.857.742	64.671.862.409

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 3 tháng, hưởng lãi suất từ 4,8% đến 5,3%/năm (2018: các khoản tiền gửi có kỳ hạn kỳ hạn 1 tháng hưởng lãi suất 5%/năm).

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Trái phiếu (i)	37.000.000.000	37.000.000.000	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	37.000.000.000	37.000.000.000	-	-	-	-

(i) Chi tiết khoản trái phiếu như sau:

Tổ chức phát hành	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	37.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hàng năm, khoản gốc cuối cùng của trái phiếu đáo hạn vào ngày 24 tháng 10 năm 2021	11,5%	(*)
TỔNG CỘNG	37.000.000.000			

(*) Khoản trái phiếu này được đảm bảo bởi các bên thứ ba.

Công ty phân loại trái phiếu nêu trên là chứng khoán kinh doanh (ngắn hạn) dựa trên chủ trương chuyển nhượng trước ngày đáo hạn được Ban Giám đốc xây dựng trước khi đầu tư các khoản này.

5.2 ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	515.700.000.000	515.700.000.000	452.548.500.000	452.548.500.000
	<u>515.700.000.000</u>	<u>515.700.000.000</u>	<u>452.548.500.000</u>	<u>452.548.500.000</u>

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 1 năm hưởng lãi suất từ 6,9%/năm đến 12%/năm (2018: các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 1 năm hưởng lãi suất từ 6,2%/năm đến 7,2%/năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Everpia Cambodia	10.233.915.821	10.233.915.821
Công ty Cổ phần Welcron Global Việt Nam	7.920.504.029	5.714.641.335
Công ty Tak Textiles Korea	5.217.958.034	-
AG - NGUYEN TRAI 404	5.160.918.657	5.973.643.452
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Phú Trường	5.142.981.048	3.469.099.809
Công ty Lan Phát- GDB	5.103.144.400	3.947.203.796
GDB - Thanh Hóa	4.204.430.681	3.827.704.208
Công ty TNHH Thương mại Eady Tax	3.317.841.495	3.061.775.838
Tổng công ty Đông Bắc	2.716.000.000	2.716.000.000
Công ty TNHH Petit Elin	2.004.916.324	17.167.570.420
Công ty TNHH Hòa Bình	1.354.735.851	4.554.735.851
Công ty TCK Textiles Korea Inc	-	9.554.393.020
Công ty TNHH The Garden	-	4.526.516.768
Các khoản phải thu khách hàng khác	<u>145.669.756.276</u>	<u>153.064.338.398</u>
	198.047.102.616	227.811.538.716
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(26.656.750.531)	(22.763.610.516)

6.2. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Radian	4.487.501.250	-
Công ty TNHH Guoxin Infu	3.669.311.846	322.622.046
Công ty Cổ Phần Thương Mại V.F.B	2.046.200.000	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Tongxiang Huibo	1.994.810.051	2.576.974.638
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	467.000.000	1.867.400.000
Ông Nguyễn Hoài Thanh	-	4.000.000.000
Công ty thiết kế ZIOVI	-	3.837.900.000
Trả trước cho các đối tượng khác	<u>12.788.562.638</u>	<u>12.837.964.218</u>
	25.453.385.785	25.442.860.902
Dự phòng phải thu trả trước cho người bán ngắn hạn	(696.080.000)	(696.080.000)

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tài sản thiếu chờ xử lý	11.349.845.417	11.336.798.621
Lãi tiền gửi	11.101.662.575	8.013.615.329
Tạm ứng cho nhân viên	1.500.713.577	933.530.414
Thuế giá trị gia tăng chờ hoàn	1.168.241.076	1.168.513.803
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	347.397.965	408.564.138
Phải thu ngắn hạn khác	<u>318.457.716</u>	<u>122.188.573</u>
	25.786.318.326	21.983.210.878
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(11.452.992.617)	(12.008.364.047)

Dài hạn

Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.893.502.995	2.773.323.158
Cho thuê máy móc	893.491.200	893.491.200
Cho vay xơ	252.051.882	252.051.882
Phải thu nhân viên	98.599.640	98.599.640
Phải thu dài hạn khác	<u>80.745.953</u>	<u>497.639.893</u>
	<u>4.218.391.670</u>	<u>4.515.105.773</u>
Dự phòng phải thu dài hạn khác khó đòi	(1.324.888.675)	(1.324.888.675)

8. NỢ PHẢI THU QUÁ HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Everpia Cambodia	10.233.915.821	-	10.233.915.802	309.824.975
Các khoản phải thu khác	<u>72.911.179.663</u>	<u>43.014.383.661</u>	<u>57.333.230.244</u>	<u>30.464.377.833</u>
	<u>83.145.095.484</u>	<u>43.014.383.661</u>	<u>67.567.146.046</u>	<u>30.774.202.808</u>

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	4.669.132.759	-	6.121.493.812	-
Nguyên liệu, vật liệu	214.554.900.187	(6.298.321.177)	225.633.236.231	(9.252.711.215)
Thành phẩm	187.395.443.461	(8.791.929.573)	182.410.082.542	(6.835.519.174)
Hàng hóa	<u>6.125.859.524</u>	-	<u>2.776.333.536</u>	-
	<u>412.745.335.931</u>	<u>(15.090.250.750)</u>	<u>416.941.146.121</u>	<u>(16.088.230.389)</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	16.088.230.389	10.758.674.761
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	8.123.202.626	12.308.720.319
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(9.121.182.265)</u>	<u>(6.979.164.691)</u>
Số cuối năm	<u>15.090.250.750</u>	<u>16.088.230.389</u>

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	196.826.549.412	296.508.402.684	13.909.759.696	44.524.168.028	19.563.193.658	571.332.073.478
- Mua trong năm	459.772.482	11.498.120.334	1.500.000.000	1.564.070.391	626.919.291	15.648.882.498
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(2.130.082.548)	-	(2.130.082.548)
- Phân loại lại	-	885.227.456	-	-	(885.227.456)	-
Số cuối năm	<u>197.286.321.894</u>	<u>308.891.750.474</u>	<u>15.409.759.696</u>	<u>43.958.155.871</u>	<u>19.304.885.493</u>	<u>584.850.873.428</u>
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	20.703.762.726	91.429.282.711	7.608.415.994	7.377.572.991	4.004.006.718	131.123.041.140
Tài sản sử dụng để thế chấp cho khoản vay và trái phiếu (Thuyết minh số 19)	195.220.167.614	165.373.614.672	71.331.818	5.670.290.909	7.422.892.658	373.758.297.671
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	70.561.962.596	186.065.585.908	12.855.992.795	21.636.637.543	14.417.282.470	305.537.461.312
- Khấu hao trong năm	13.260.769.155	22.903.910.976	712.810.752	4.272.268.413	1.753.432.535	42.903.191.831
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(2.124.827.304)	-	(2.124.827.304)
- Phân loại lại	-	706.427.021	-	-	(706.427.021)	-
Số cuối năm	<u>83.822.731.751</u>	<u>209.675.923.905</u>	<u>13.568.803.547</u>	<u>23.784.078.652</u>	<u>15.464.287.984</u>	<u>346.315.825.839</u>
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	<u>126.264.586.816</u>	<u>110.442.816.776</u>	<u>1.053.766.901</u>	<u>22.887.530.485</u>	<u>5.145.911.188</u>	<u>265.794.612.166</u>
Số cuối năm	<u>113.463.590.143</u>	<u>99.215.826.569</u>	<u>1.840.956.149</u>	<u>20.174.077.219</u>	<u>3.840.597.509</u>	<u>238.535.047.589</u>

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhãn hiệu hàng hóa	Kênh phân phối	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	24.566.385.000	7.831.500.000	7.463.284.189	1.491.631.995	41.352.801.184
Chênh lệch tỉ giá phát sinh từ chuyển đổi báo cáo công ty con	-	-	-	(44.203.379)	(44.203.379)
Số cuối năm	<u>24.566.385.000</u>	<u>7.831.500.000</u>	<u>7.463.284.189</u>	<u>1.447.428.616</u>	<u>41.308.597.805</u>
Trong đó:					
Đã hao mòn hết	-	7.831.500.000	943.173.710	686.893.687	9.461.567.397
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	18.649.057.064	7.831.500.000	6.049.784.108	686.893.687	33.217.234.859
- Hao mòn trong năm	1.404.895.525	-	743.901.754	-	2.148.797.279
Số cuối năm	<u>20.053.952.589</u>	<u>7.831.500.000</u>	<u>6.793.685.862</u>	<u>686.893.687</u>	<u>35.366.032.138</u>
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	<u>5.917.327.936</u>	-	<u>1.413.500.081</u>	<u>804.738.308</u>	<u>8.135.566.325</u>
Số cuối năm	<u>4.512.432.411</u>	-	<u>669.598.327</u>	<u>760.534.929</u>	<u>5.942.565.667</u>

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết	11.590.390.000	(11.590.390.000)		11.590.390.000	(11.590.390.000)	
	<u>11.590.390.000</u>	<u>(11.590.390.000)</u>		<u>11.590.390.000</u>	<u>(11.590.390.000)</u>	

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Texpia	44%	44%	44%	44%

Công ty Cổ phần Texpia là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 472033001056 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 10 năm 2013 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 6 số 472033001056 được cấp ngày 2 tháng 6 năm 2017. Công ty Cổ phần Texpia có trụ sở tại Khu Công nghiệp Dệt may Nhơn Trạch, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Texpia là sản xuất và gia công các loại khăn và sản xuất, gia công các loại vải dùng may khăn. Tại ngày 2 tháng 4 năm 2018, Công ty đã hoàn tất các thủ tục mua lại tài sản và nợ phải trả của công ty liên kết này. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty Cổ phần Texpia đã hoàn thành việc quyết toán thuế cũng như các thủ tục với Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai và đang tiếp tục làm việc với các cơ quan khác liên quan đến việc giải thể doanh nghiệp. Hiện tại, Công ty Cổ phần Texpia vẫn là công ty liên kết của Công ty Cổ phần Everpia với số góp là 44% vốn Điều lệ. Cổ phiếu của công ty liên kết này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán do đó Ban Giám đốc Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

13. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh (*)	2.638.200.000	2.638.200.000
Công ty Kalon Investment Asset (**)	5.781.000.000	-
	<u>8.419.200.000</u>	<u>2.638.200.000</u>

(*) Giá gốc của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh với số lượng cổ phiếu là 172.000 cổ phiếu, và với giá trị là 2.638.200.000 đồng. Trong năm Công ty đã nhận được số cổ tức được chia là: 206.400.000 VND (2018: 206.400.000 VND)

(**) Giá gốc của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Kalon Investment Asset với số lượng cổ phiếu là 30.000 cổ phiếu, và với giá trị là 300.000.000 Won.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các cổ phiếu này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tiền thuê mặt bằng	2.032.931.066	330.000.000
Bảo hiểm cháy nổ	524.178.034	572.741.238
Phí quảng cáo	413.333.337	6.985.919.358
Phụ tùng máy móc, thiết bị sản xuất	79.961.670	533.150.507
Khác	<u>728.569.827</u>	<u>2.039.491.208</u>
	3.778.973.934	10.461.302.311

Dài hạn		
Tiền nội thất showroom	8.307.721.984	3.317.136.477
Tiền thuê đất trả trước (*)	7.834.113.718	-
Tiền thuê mặt bằng (**)	7.457.229.502	6.802.315.625
Phụ tùng máy móc, thiết bị sản xuất	4.684.793.086	5.772.213.179
Khác	<u>1.255.079.340</u>	<u>1.111.837.706</u>
	29.538.937.630	17.003.502.987

(*) Đây là khoản trả trước tiền thuê đất tại Nha Trang trong vòng 50 năm kể từ năm 2019 để làm mặt bằng kinh doanh, văn phòng. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 25 năm kể từ năm 2019 tương ứng với thời gian hoạt động còn lại của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đầu tư.

(**) Tiền thuê mặt bằng bao gồm khoản thuê mặt bằng tại Tòa nhà Keangnam, Phạm Hùng, Hà Nội trong vòng 45 năm kể từ năm 2012 với số tiền: 6.528.396.875 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 32 năm kể từ năm 2012, tương ứng với thời gian hoạt động còn lại của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

15.1 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tập đoàn BCH	1.805.704.130	1.805.704.130	1.805.704.130	1.805.704.130
Công ty TNHH Guangzhou Yaohuang Trade	381.886.798	381.886.798	7.132.505.264	7.132.505.264
Công ty TNHH SL	-	-	5.697.836.215	5.697.836.215
Phải trả đối tượng khác	<u>45.426.141.760</u>	<u>45.426.141.760</u>	<u>59.449.343.635</u>	<u>59.449.343.635</u>
	47.613.732.688	47.613.732.688	74.085.389.244	74.085.389.244

15.2 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Petit Elin	3.082.449.753	5.505.524.850
Công ty TNHH Thương mại Hoàng Thiện Đức	2.226.645.432	1.405.734.571
Ba - Pho Hue - 289B	-	2.000.000.000
Các đối tượng khác	<u>17.419.159.052</u>	<u>12.492.151.566</u>
	22.728.254.237	21.403.410.987

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	4.653.776.498	15.207.679.556	18.806.994.082	1.054.461.972
Thuế nhập khẩu	99.811.732	847.174.239	846.598.879	100.387.092
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 28)	16.770.530.210	22.648.932.480	26.685.699.070	12.733.763.620
Thuế thu nhập cá nhân	1.174.227.065	11.986.675.426	11.806.293.559	1.354.608.932
Các loại thuế khác	<u>382.102.839</u>	<u>330.699.492</u>	<u>673.272.538</u>	<u>39.529.793</u>
	23.080.448.344	51.021.161.193	58.818.858.128	15.282.751.409

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí quảng cáo	2.087.303.764	425.933.240
Chi phí xuất nhập khẩu	554.000.000	510.000.000
Chi phí hoa hồng	76.902.531	647.917.582
Chi phí thuê nhà	432.467.114	607.340.194
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	168.000.000	366.181.812
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	153.155.756	755.147.274
	3.471.829.165	3.312.520.102

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Lãi vay phải trả	3.734.905.977	3.816.873.817
Phải trả tiền coupon	35.000.000	17.272.727
Kinh phí công đoàn	195.284.061	220.617.848
Bảo hiểm xã hội	207.194.358	122.556.446
Phải trả ngắn hạn khác	2.414.455.487	2.250.057.373
	6.586.839.883	6.427.378.211
Dài hạn		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	16.978.914.554	12.709.150.558
Dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng	2.762.996.314	2.762.996.314
Phải trả dài hạn khác	116.818.000	1.817.933.539
	19.858.728.868	17.290.080.411

19. VAY VÀ TRÁI PHIẾU

	Đơn vị tính: VND				Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Số cuối năm	
	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm			
Ngắn hạn							
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	52.299.287.693	52.299.287.693	262.035.812.062	(200.124.005.448)	271.108.758	114.482.203.065	114.482.203.065
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19.2)	16.802.556.969	16.802.556.969	9.880.267.086	(16.989.854.077)	187.297.108	9.880.267.086	9.880.267.086
	69.101.844.662	69.101.844.662	271.916.079.148	(217.113.859.525)	458.405.866	124.362.470.151	124.362.470.151
Dài hạn							
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 19.3)	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.2)	13.516.165.091	13.516.165.091	3.519.145.834	(11.770.277.805)	71.828.824	5.336.861.944	5.336.861.944
	113.516.165.091	113.516.165.091	3.519.145.834	(11.770.277.805)	71.828.824	105.336.861.944	105.336.861.944
	182.618.009.753	182.618.009.753	275.435.224.982	(228.884.137.330)	530.234.690	229.699.332.095	229.699.332.095

19.1 CÁC KHOẢN VAY NGÂN HÀNG NGẮN HẠN

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019		Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	VND tương đương	Nguyên tệ			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	1.918.751.540	USD 82.598,00	Lãi vay thanh toán vào ngày 26 mỗi tháng, gốc vay được trả vào ngày 03 tháng 1 năm 2020	3,3%	Máy móc thiết bị của Công ty tại nhà máy Hưng Yên
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	10.726.278.972	USD 461.742,53	Lãi vay thanh toán vào ngày 26 mỗi tháng, gốc vay được trả vào ngày 23 tháng 2 năm 2020	3,3%	Máy móc thiết bị của Công ty tại nhà máy Hưng Yên
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	7.753.139.568	USD 333.755,47	Lãi vay thanh toán vào ngày 26 mỗi tháng, gốc vay được trả vào ngày 18 tháng 3 năm 2020	3,1%	Máy móc thiết bị của Công ty tại nhà máy Hưng Yên
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	6.280.232.823	USD 270.350,10	Lãi vay thanh toán vào ngày 26 mỗi tháng, gốc vay được trả vào ngày 25 tháng 4 năm 2020	3,1%	Máy móc thiết bị của Công ty tại nhà máy Hưng Yên
Ngân hàng Woori Bank	5.830.982.876	USD 250.687,14	Lãi vay thanh toán vào ngày 26 mỗi tháng, gốc vay được trả vào ngày 30 tháng 3 năm 2020	3,2%	Máy móc thiết bị của Công ty tại nhà máy Hưng Yên

19.1 CÁC KHOẢN VAY NGÂN HÀNG NGẮN HẠN (Tiếp theo)

Ngân hàng	Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019		Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	VND tương đương	Nguyên tệ			
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	8.042.798.381	VND 8.042.798.381	Lãi vay thanh toán vào ngày 28 mỗi tháng, gốc vay được trả vào ngày 6 tháng 1 năm 2020	6,5%	Máy móc thiết bị được tài trợ bao gồm hệ thống máy trục và hệ thống điện; nhà xưởng, văn phòng và tòa nhà liên quan; tài sản cố định thuộc KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai và thư bảo đảm của Mr. Lee Jae Eun
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	10.711.264.394	VND 10.711.264.394	Lãi vay thanh toán vào ngày 28 mỗi tháng, gốc vay được trả vào ngày 7 tháng 4 năm 2020	6,6%	Máy móc thiết bị được tài trợ bao gồm hệ thống máy trục và hệ thống điện; nhà xưởng, văn phòng và tòa nhà liên quan; tài sản cố định thuộc KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai và thư bảo đảm của Mr. Lee Jae Eun
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	10.448.981.310	VND 10.448.981.310	Lãi vay thanh toán vào ngày 28 mỗi tháng, gốc vay được trả vào ngày 6 tháng 5 năm 2020	6,6%	Máy móc thiết bị được tài trợ bao gồm hệ thống máy trục và hệ thống điện; nhà xưởng, văn phòng và tòa nhà liên quan; tài sản cố định thuộc KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai và thư bảo đảm của Mr. Lee Jae Eun
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	9.549.612.053	VND 9.549.612.053	Lãi vay thanh toán vào ngày 28 mỗi tháng, gốc vay được trả vào ngày 7 tháng 6 năm 2020	6,6%	Máy móc thiết bị được tài trợ bao gồm hệ thống máy trục và hệ thống điện; nhà xưởng, văn phòng và tòa nhà liên quan; tài sản cố định thuộc KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai và thư bảo đảm của Mr. Lee Jae Eun
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcom-bank")	2.055.771.140	USD 88.496,39	Lãi vay thanh toán vào ngày 26 mỗi tháng, gốc vay được trả vào ngày 24 tháng 2 năm 2020	3,3%	Máy móc thiết bị của Công ty tại nhà máy Hưng Yên

19.1 CÁC KHOẢN VAY NGÂN HÀNG NGẮN HẠN (Tiếp theo)

Ngân hàng	Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019		Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	VND tương đương	Nguyên tệ			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcom-bank")	5.442.003.361	USD 234.266,18	Lãi vay thanh toán vào ngày 26 mỗi tháng, gốc vay được trả vào ngày 2 tháng 3 năm 2020	3,3%	Máy móc thiết bị của Công ty tại nhà máy Hưng Yên
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcom-bank")	6.346.136.565	USD 273.187,11	Lãi vay thanh toán vào ngày 26 mỗi tháng, gốc vay được trả vào ngày 9 tháng 3 năm 2020	3,1%	Máy móc thiết bị của Công ty tại nhà máy Hưng Yên
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcom-bank")	5.809.234.352	USD 250.074,66	Lãi vay thanh toán vào ngày 26 mỗi tháng, gốc vay được trả vào ngày 19 tháng 3 năm 2020	3,1%	Máy móc thiết bị của Công ty tại nhà máy Hưng Yên
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcom-bank")	6.260.474.547	USD 269.499,55	Lãi vay thanh toán vào ngày 26 mỗi tháng, gốc vay được trả vào ngày 9 tháng 4 năm 2020	3,1%	Máy móc thiết bị của Công ty tại nhà máy Hưng Yên
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcom-bank")	5.371.351.872	USD 231.224,79	Lãi vay thanh toán vào ngày 26 mỗi tháng, gốc vay được trả vào ngày 26 tháng 4 năm 2020	3,1%	Máy móc thiết bị của Công ty tại nhà máy Hưng Yên
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcom-bank")	2.492.859.618	USD 107.312,08	Lãi vay thanh toán vào ngày 26 mỗi tháng, gốc vay được trả vào ngày 12 tháng 5 năm 2020	3,1%	Máy móc thiết bị của Công ty tại nhà máy Hưng Yên
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcom-bank")	2.088.846.246	USD 89.920,20	Lãi vay thanh toán vào ngày 26 mỗi tháng, gốc vay được trả vào ngày 21 tháng 5 năm 2020	3,0%	Máy móc thiết bị của Công ty tại nhà máy Hưng Yên
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcom-bank")	3.597.804.093	USD 154.877,49	Lãi vay thanh toán vào ngày 26 mỗi tháng, gốc vay được trả vào ngày 2 tháng 6 năm 2020	3,0%	Máy móc thiết bị của Công ty tại nhà máy Hưng Yên
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcom-bank")	3.755.679.354	USD 161.673,67	Lãi vay thanh toán vào ngày 26 mỗi tháng, gốc vay được trả vào ngày 8 tháng 6 năm 2020	3,0%	Máy móc thiết bị của Công ty tại nhà máy Hưng Yên
	114.482.203.065				

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Đơn vị tính: VND						
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước							
Số đầu năm	419.797.730.000	203.072.724.247	(49.000.000.000)	268.875.989	12.968.739.200	329.414.215.461	916.522.284.897
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	76.212.394.656	76.212.394.656
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(27.000.000.000)	-	-	-	(27.000.000.000)
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	-	2.545.955.055	(2.545.955.055)	-
Cổ tức đã chia	-	-	-	-	-	(39.805.509.500)	(39.805.509.500)
Chênh lệch tỷ giá từ chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con	-	-	-	(1.758.996.157)	-	-	(1.758.996.157)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(15.185.011.052)	-	(15.185.011.052)
Số cuối năm	<u>419.797.730.000</u>	<u>203.072.724.247</u>	<u>(76.000.000.000)</u>	<u>(1.490.120.168)</u>	<u>329.683.203</u>	<u>363.275.145.562</u>	<u>908.985.162.844</u>
Năm nay							
Số đầu năm	419.797.730.000	203.072.724.247	(76.000.000.000)	(1.490.120.168)	329.683.203	363.275.145.562	908.985.162.844
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	71.888.267.837	71.888.267.837
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối (*)	-	-	-	-	3.810.619.732	(3.810.619.732)	-
Cổ tức đã công bố (*)	-	-	-	-	-	(38.038.781.750)	(38.038.781.750)
Chênh lệch tỷ giá từ chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con	-	-	-	(1.495.074.989)	-	-	(1.495.074.989)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(2.811.977.358)	-	(2.811.977.358)
Số cuối năm	<u>419.797.730.000</u>	<u>203.072.724.247</u>	<u>(76.000.000.000)</u>	<u>(2.985.195.157)</u>	<u>1.328.325.577</u>	<u>393.314.011.917</u>	<u>938.527.596.584</u>

(*) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 01/ĐHĐCĐ2019/NQ ngày 19 tháng 4 năm 2019, Công ty đã trả cổ tức bằng tiền mặt cho năm 2018 ở mức 10% mệnh giá (1.000 VND/1 cổ phiếu) và trích bổ sung cho quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối.

21.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông
Vốn cổ phần	419.797.730.000	419.797.730.000	419.797.730.000	419.797.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	203.072.724.247	203.072.724.247	203.072.724.247	203.072.724.247
Cổ phiếu quỹ	(76.000.000.000)	(76.000.000.000)	(76.000.000.000)	(76.000.000.000)
	<u>546.870.454.247</u>	<u>546.870.454.247</u>	<u>546.870.454.247</u>	<u>546.870.454.247</u>

21.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm	419.797.730.000	419.797.730.000
Số cuối năm	419.797.730.000	419.797.730.000

21.4 CỔ TỨC

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm	38.038.781.750	39.805.509.500
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức bằng tiền cho năm 2018: 1.000 VND/cổ phiếu (2017: 1.000 VND/cổ phiếu)	38.038.781.750	39.805.509.500
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	-	-

21.5 CỔ PHIẾU

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.979.773	41.979.773
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41.979.773	41.979.773
Cổ phiếu phổ thông	41.979.773	41.979.773
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ	(3.931.800)	(3.931.800)
Cổ phiếu phổ thông	(3.931.800)	(3.931.800)
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	38.047.973	38.047.973
Cổ phiếu phổ thông	38.047.973	38.047.973
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành trong năm là 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2018: 10.000 VND/cổ phiếu).

21.6 QUỸ KHÁC THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/ĐHĐCĐ2019/NQ ngày 19 tháng 4 năm 2019 với giá trị bằng 5% lợi nhuận sau thuế được ghi trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018. Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được ủy quyền quyết định sử dụng quỹ quản lý căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

22. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khác từ Công ty Cổ phần Texpia	30.160.675.690	30.160.675.690
Dự phòng phải thu khác từ Công ty Cổ phần Texpia (xóa sổ từ năm 2018)	(30.160.675.690)	(30.160.675.690)
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	898.891,23	671.508
- Euro (EUR)	3.917,25	146.406,10
- Won Hàn Quốc (KRW)	6.426.562	394.100

23. DOANH THU

23.1 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.007.852.142.423	1.182.921.118.473
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thành phẩm chăn ga, đệm	616.880.223.014	716.369.188.201
Doanh thu thành phẩm bông	238.540.606.093	281.839.902.083
Doanh thu thành phẩm khăn	80.518.434.741	91.379.508.441
Doanh thu chần bông	45.867.525.915	49.362.682.157
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ khác	25.341.728.634	43.381.623.318
Doanh thu từ bán phế liệu	614.074.026	588.214.272
Các khoản giảm trừ doanh thu	(3.653.585.797)	(2.201.416.707)
Hàng bán bị trả lại	(3.653.585.797)	(2.201.416.707)
Doanh thu thuần	1.004.198.556.626	1.180.719.701.766
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thành phẩm chăn ga, đệm	613.933.126.561	714.167.771.494
Doanh thu thành phẩm bông	238.540.606.093	281.839.902.083
Doanh thu thành phẩm khăn	79.811.945.397	91.379.508.441
Doanh thu chần bông	45.867.525.915	49.362.682.157
Doanh thu bán hàng hóa dịch vụ khác	25.341.728.634	43.381.623.318
Doanh thu từ bán phế liệu	614.074.026	588.214.272
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan	-	-
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên khác	1.004.198.556.626	1.180.719.701.766

23.2 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	36.121.732.453	20.480.555.994
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.759.854.473	10.784.154.730
Cổ tức được chia	206.400.000	206.400.000
	43.087.986.926	31.471.110.724

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm chăn ga, đệm	423.859.963.266	486.620.001.391
Giá vốn thành phẩm bông	108.633.819.113	186.830.182.625
Giá vốn thành phẩm khăn	74.292.055.119	77.920.054.647
Giá vốn chần bông	35.537.981.022	23.141.423.151
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	18.163.889.570	25.133.172.009
	660.487.708.090	799.644.833.823

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	13.769.071.371	16.466.684.069
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.894.321.075	11.148.264.714
Chi phí phát hành trái phiếu phân bổ	708.717.000	-
Chi phí tài chính khác	-	179.944.657
	20.372.109.446	27.794.893.440

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí bán hàng		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.708.085.861	10.056.678.605
- Chi phí nhân công	76.761.539.844	67.134.380.005
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.326.811.016	2.184.245.295
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.336.536.243	48.464.342.916
- Chi phí quảng cáo	26.326.752.963	33.499.627.091
- Chi phí khác	15.854.584.281	14.306.417.966
	174.314.310.208	175.645.691.878
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân công	57.974.878.669	60.390.604.817
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	8.484.765.820	9.485.090.737
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.576.719.907	15.543.954.390
- Chi phí khác	17.799.894.743	29.207.516.216
	98.836.259.139	114.627.166.160
	273.150.569.347	290.272.858.038

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	549.358.265.542	689.198.975.515
Chi phí nhân công	234.488.063.789	232.177.856.627
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	45.051.989.110	44.479.888.042
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.486.409.659	71.145.779.257
Chi phí khác	34.238.910.256	82.044.109.205
	<u>938.623.638.356</u>	<u>1.119.046.608.646</u>

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận thu được cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Công ty Cổ phần Everpia Korea có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của nước sở tại bằng 10% lợi nhuận thu được. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty Cổ phần Everpia Korea có lỗi nên không trích thuế TNDN phải nộp.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được diễn giải theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 CHI PHÍ THUẾ TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.648.932.480	23.131.970.018
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(564.942.870)	(3.635.209.963)
	<u>22.083.989.610</u>	<u>19.496.760.055</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận thuần trước thuế	93.972.257.447	95.709.154.711
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	18.794.451.489	19.141.830.942
Các khoản điều chỉnh tăng:		
Các khoản chi phí không được khấu trừ thuế TNDN	1.386.471.527	542.280.729
Khoản lỗ của công ty con không chịu thuế	691.918.805	469.697.294
Chênh lệch thuế suất	691.918.805	-
Các khoản điều chỉnh khác	560.508.983	-
Các khoản điều chỉnh giảm:		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(41.280.000)	(41.280.000)
Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	(615.768.909)
Chi phí thuế TNDN	22.083.989.610	19.496.760.055

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

28.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty và Công ty con đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Đơn vị tính: VND			
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Doanh thu chưa thực hiện	7.000.000	3.454.545	3.545.455	(242.284.091)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.018.050.150	3.217.646.078	(199.595.928)	1.065.911.126
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	11.900.817.209	11.233.263.492	667.553.717	2.572.034.949
Trợ cấp thôi việc phải trả	2.883.268.551	2.541.830.112	341.438.439	199.008.969
Chi phí vượt quá thời gian khấu hao	46.352.892	-	46.352.892	-
Chi tài trợ giáo dục	463.000.000	-	463.000.000	-
Chi phí phân bổ dự phòng hoàn trả mặt bằng	221.039.704	165.779.778	55.259.926	55.259.926
Lợi nhuận chưa thực hiện	1.016.391.780	-	(402.266.286)	-
Điều chỉnh khác	-	560.508.983	(560.508.983)	461.616.739
	<u>19.555.920.286</u>	<u>17.722.482.988</u>	<u>414.779.232</u>	<u>4.111.547.618</u>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Lãi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu	(493.153.687)	(643.317.325)	150.163.638	(476.337.655)
	<u>(493.153.687)</u>	<u>(643.317.325)</u>	<u>150.163.638</u>	<u>(476.337.655)</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	19.062.766.599	17.079.165.663		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			564.942.870	3.635.209.963

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	18.240.682.966	19.208.354.476
	18.240.682.966	19.208.354.476

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	71.888.267.837	76.212.394.656
Ảnh hưởng suy giảm	590.914.751	-
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	72.479.182.588	76.212.394.656
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	38.047.973	39.422.389
Ảnh hưởng suy giảm	5.783.303	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	43.831.276	39.422.389
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.889	1.933
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.654	1.933

Các khoản trái phiếu chuyển đổi phát hành bởi Công ty đã được giả định chuyển đổi thành các cổ phần có tác động suy giảm đưa vào tính lãi suy giảm trên cổ phiếu ở cho năm hiện tại kể từ ngày chuyển đổi (6 tháng 9 năm 2019).

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.

31. CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG VÀ CAM KẾT

CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê phòng trưng bày sản phẩm được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	12.160.730.420	5.897.179.200
Từ 1 đến 5 năm	23.556.509.932	15.881.372.727
TỔNG CỘNG	35.717.240.352	21.778.551.927

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và công ty con là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về chần, ga, gối, nệm và bông. Doanh thu và tài sản liên quan đến các sản phẩm về chần, ga, gối, nệm và bông chiếm tỷ trọng trên 90% tổng doanh thu trong năm và tổng tài sản tại ngày báo cáo. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và công ty con chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty và công ty con chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty và công ty con không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 002/2020/HĐQT/NQ ngày 20 tháng 3 năm 2020, Hội đồng quản trị của Công ty đã thông qua quyết định góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Hyojung Soft Tech với số tiền là 3.600.000.000 VND, tương ứng 25% tỷ lệ sở hữu.

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con.

Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu
Trưởng phòng Tài chính kế toán

Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam. Ngày 25 tháng 3 năm 2020

CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

STT	Viết tắt	Thuật ngữ
1	BCTC	Báo cáo tài chính
2	BKS	Ban Kiểm soát
3	ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
4	EPS	Lãi cơ bản trên cổ phiếu
5	HĐQT	Hội đồng quản trị
6	HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
7	LNST	Lợi nhuận sau thuế
8	QLRR	Quản lý rủi ro
9	B2C	Kinh doanh bán lẻ trong nước
10	B2B	Kinh doanh các đơn hàng doanh nghiệp
11	VAS	Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam
12	IFRS	Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Quốc tế

LƯU Ý NGƯỜI ĐỌC

- Mọi thông tin tài chính liên quan trong báo cáo này đều lấy nguồn từ Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019 của Công ty cổ phần Everpia
- Các thông tin về thị trường, về năng lực sản xuất đều lấy nguồn nội bộ Công ty cổ phần Everpia. Các nhận định trong Báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi là hợp lý trong thời điểm đưa ra Báo cáo

EVERON

Artemis

Mành Rèm
EVERON

KING
KOIL

DEXFIL®

EVERFIL®

MICROFIBER®

SOLARball®

SOLARfil®

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ : Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội
Tel: +84 24 3827 6490
Email: info@everon.com

NHÀ MÁY HƯNG YÊN

Địa chỉ: Tân Quang, Văn Lâm, Hưng Yên
Tel: +84 221 379 1777

NHÀ MÁY ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường 4, KCN Biên Hòa 1, Biên Hòa, Đồng Nai
Tel: +84 251 886 9152